

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Ý nghĩa đầy đủ
1	NHCT	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VietinBank
2	VGJ	VietinBank Gold & Jewellery
3	BLĐ	Ban Lãnh Đạo của VietinBank Gold & Jewellery
4	TGD	Tổng giám đốc
5	TSC	Trụ sở chính
6	KHTH&CNTT	Phòng Kế hoạch tổng hợp và Công nghệ thông tin
7	TCKT	Phòng Tài chính kế toán
8	TCHC	Phòng Tổ chức hành chính
9	MKT	Phòng Marketing
10	KDV&TS	Phòng Kinh doanh vàng và Trang sức
11	KDQT	Phòng Kinh doanh Quà tặng
12	KTKSNB	Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ
13	ERP	Hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp
14	HRM	Human Resource Management
15	CRM	Customer Relationship Management
16	Cloud	Điện toán đám mây
17	AWS	Amazon Web Service
18	CNTT	Công nghệ thông tin
19	CSDL	Cơ sở dữ liệu
20	ATTT	An toàn thông tin
21	UI/UX	User Interface / User Experience
22	API	Application Programming Interface
23	NCC	Nhà cung cấp
24	KH	Khách hàng
25	CBNV	Cán bộ nhân viên
26	Admin	Người quản trị hệ thống ERP
27	User	Người dùng hệ thống ERP
28	NVL	Nguyên vật liệu
29	Websale	Website dùng để bán hàng (vietinbankgold.vn) của VGJ

## Mục lục Tiêu chí đánh giá kỹ thuật

3.1.1. Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.....	83
3.1.2. Mức độ đáp ứng và thang điểm cho các tiêu chí.....	84
3.1.3. Mức độ đáp ứng của các tiêu chí chức năng, phi chức năng và mức điểm.....	93
3.1.4. Bảng tính điểm chi tiết các yêu cầu chức năng.....	94
a. Quản lý Marketing.....	94
b. Quản lý bán hàng & CSKH.....	98
c. Quản lý sản xuất.....	120
d. Quản lý mua hàng.....	136
e. Quản lý kho.....	159
f. Quản lý Tài chính kế toán.....	202
g. Quản lý nhân sự tiền lương.....	230
h. Quản lý văn bản.....	245
i. Danh sách báo cáo.....	250
3.1.5. Bảng tính điểm chi tiết các yêu cầu phi chức năng.....	260
3.1.6. Bảng tính điểm yêu cầu về chuyển giao công nghệ và hạ tầng phần cứng, máy chủ.....	269

### 3.1.1. Bảng điểm đánh giá kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật	Số điểm tối đa	Số điểm tối thiểu	Tỷ trọng (%)
1. Tính hợp lệ của hàng hoá, dịch vụ	80	70	8,0%
2. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ cung cấp	105	100	10,5%
3. Triển khai hệ thống phần mềm	665,00	380	66,5%
4. Tiến độ thực hiện	75	75	7,5%
5. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ bảo trì trong thời gian bảo hành	50	50	5,0%
6. Yêu cầu uy tín tham dự thầu	5	5	0,5%
8. Yêu cầu khác	20	20	2,0%
<b>Tổng</b>	<b>1000</b>	<b>700,00</b>	<b>100,0%</b>

## 3.1.2. Mức độ đáp ứng và thang điểm cho các tiêu chí

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
<b>1. Tính hợp lệ của hàng hoá, dịch vụ</b>				<b>80</b>		<b>70</b>	
	<b>1.1</b>	<b>Tính hợp lệ của hàng hoá, dịch vụ</b>		<b>40</b>		<b>40</b>	
	a	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng đầy đủ các chủng loại, số lượng, theo yêu cầu của phạm vi cung cấp mô tả tại chương V, E-HSMT;</li> <li>- Nhà thầu có bảng kê khai đủ tất cả các hàng hóa nhà thầu chào thầu, trong đó phải nêu rõ về ký mã hiệu (nếu có), xuất xứ, nhãn hiệu, hãng sản xuất với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương V của E-HSMT.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả hoặc Giấy uỷ quyền của hãng đối với Phần mềm thương mại.</li> <li>- Cung cấp catalog của các thiết bị.</li> </ul>	100%		40		
	b	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng đầy đủ các chủng loại, số lượng theo yêu cầu của phạm vi cung cấp mô tả tại chương V, E-HSMT;</li> <li>- Nhà thầu không có bảng kê khai hoặc có nhưng trong đó có tối thiểu 01 hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp nêu tại Chương IV của E-HSMT nhà thầu không nêu rõ về ký mã hiệu (nếu có), xuất xứ, nhãn hiệu, hãng sản xuất trong E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu không có giấy chứng nhận đăng ký bản quyền tác giả hoặc Giấy uỷ quyền của hãng đối với</li> </ul>	0%		0		

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
		Phần mềm thương mại. - Nhà thầu không cung cấp catalog của các thiết bị.					
	<b>1.2</b>	<b>Năm sản xuất thiết bị</b>		<b>20</b>		<b>10</b>	
	a	- Đối với thiết bị, nhà thầu cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở lại.	100%		20		
	b	- Đối với thiết bị, nhà thầu cam kết cung cấp hàng hóa mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2022 trở lại.	50%		10		
	c	- Đối với thiết bị, nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ những yêu cầu trên.	0%		0		
	<b>1.3</b>	<b>Nguồn gốc, xuất xứ của thiết bị</b>		<b>20</b>		<b>20</b>	
	a	Nhà thầu cam kết về cung cấp hàng hóa có đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	100%		20		
	b	- Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ những yêu cầu trên.	0%		0		
	<b>2. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ cung cấp</b>			<b>105</b>		<b>100</b>	
	<b>2.1</b>	<b>Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, dịch vụ</b>		<b>105</b>		<b>100</b>	

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
	a	<p>- Nhà thầu đề xuất rõ ràng, chi tiết, phù hợp đáp ứng các yêu cầu (về nội dung, phạm vi triển khai; yêu cầu kỹ thuật: yêu cầu chung về giải pháp, yêu cầu chi tiết về nghiệp vụ, chức năng, phi chức năng, chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống mới, chuyển giao công nghệ, hạ tầng phần cứng, máy chủ, yêu cầu khác) được quy định tại Chương V, E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu có mô tả kiến trúc của hệ thống ERP đề xuất.</p>	100%		105		
	b	<p>- Nhà thầu có đề xuất phù hợp đáp ứng các yêu cầu (về nội dung, phạm vi triển khai; yêu cầu kỹ thuật: yêu cầu chung về giải pháp, yêu cầu chi tiết về nghiệp vụ, chức năng, phi chức năng, chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống mới, chuyển giao công nghệ, hạ tầng phần cứng, máy chủ, yêu cầu khác) được quy định tại Chương V, E-HSMT, tuy nhiên không rõ ràng, chi tiết.</p> <p>- Nhà thầu có mô tả kiến trúc của hệ thống ERP đề xuất.</p>	95%		100		
	c	<p>Có đề xuất tối thiểu 01 tiêu chí không phù hợp đáp ứng các yêu cầu (về nội dung, phạm vi triển khai; yêu cầu kỹ thuật: yêu cầu chung về giải pháp, yêu cầu chi tiết về nghiệp vụ, chức năng, phi chức năng, chuyển đổi dữ liệu sang hệ thống mới, chuyển giao công nghệ, hạ tầng phần cứng, máy chủ, yêu cầu</p>	0%		0		

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
		khác) được quy định tại Chương V, E-HSMT hoặc nhà thầu không có mô tả kiến trúc của hệ thống ERP đề xuất.					
<b>3. Triển khai hệ thống phần mềm</b>				<b>665,00</b>		<b>380,00</b>	
	<b>3.1</b>	<b>Tiêu chí đánh giá Giải pháp Cung cấp Bản quyền hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật chính hãng</b>		<b>11,6</b>		<b>11,60</b>	
	LI_001	Cung cấp bản quyền hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật chính hãng theo yêu cầu của Chương V, E-HSMT Bản quyền phần mềm phải sử dụng phiên bản mới nhất đang được nhà sản xuất hỗ trợ tại thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo chứng nhận bản quyền và tài liệu xác thực.		8,1		8,1	Nhà thầu chào chi tiết thành phần Bản quyền hệ thống Quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) và dịch vụ bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật chính hãng chứng minh mức độ đáp ứng
	a	Đáp ứng đầy đủ (100% điểm)	100%		8,1		
	b	Không đáp ứng (0% điểm)	0%		0		
	LI_002	Có Giấy phép hoặc Giấy uỷ quyền bán hàng của Nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc các tài liệu có giá trị tương đương		3,5		3,5	
	a	Đáp ứng đầy đủ (100% điểm)	100%		3,5		

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
	b	Không đáp ứng (0% điểm)	0%		0		
	<b>3.2</b>	<b>Tiêu chí đánh giá Giải pháp Dịch vụ triển khai hệ thống quản trị nguồn lực Doanh nghiệp (ERP) – Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng theo yêu cầu chức năng tại mục 3.1.3 và 3.1.4 Chương III E-HSMT</b>		<b>523,50</b>		<b>304,38</b>	Bảng tính điểm chi tiết của nhà thầu trong đó giải thích chi tiết, rõ ràng mức độ đáp ứng
	<b>MAR</b>	<b>Quản lý Marketing</b>		<b>28,80</b>		<b>14,4</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		28,80		14,40	
	-	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu		0		0,00	
	<b>CRM&amp;SO</b>	<b>Quản lý bán hàng &amp; CSKH</b>		<b>152,40</b>		<b>60,96</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		152,40		60,96	
	-	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu		0		0,00	
	<b>PP</b>	<b>Quản lý sản xuất</b>		<b>54,00</b>		<b>27</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		54,00		27,00	
	-	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu		0		0,00	
	<b>PO</b>	<b>Quản lý mua hàng</b>		<b>61,80</b>		<b>30,9</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		61,80		30,90	
	-	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu		0		0,00	
	<b>IN</b>	<b>Quản lý kho</b>		<b>73,08</b>		<b>36,54</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		73,08		36,54	
	-	Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu		0		0,00	
	<b>FI</b>	<b>Quản lý Tài chính kế toán</b>		<b>60,12</b>		<b>30,06</b>	
	-	Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu		60,12		30,06	

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu</i>		0		0,00	
	<b>HCM</b>	<b>Quản lý nhân sự tiền lương</b>		<b>34,50</b>		<b>17,25</b>	
	-	<i>Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu</i>		34,50		17,25	
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu</i>		0		0,00	
	<b>DOC</b>	<b>Quản lý văn bản</b>		<b>4,80</b>		<b>2,4</b>	
	-	<i>Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu</i>		4,80		2,40	
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu</i>		0		0,00	
	<b>C</b>	<b>Danh sách báo cáo</b>		<b>54,00</b>		<b>16,2</b>	
	-	<i>Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu</i>		54,00		16,20	
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu</i>		0		0,00	
	<b>3.3</b>	<b>Tiêu chí đánh giá Giải pháp Dịch vụ triển khai hệ thống quản trị nguồn lực Doanh nghiệp (ERP) – Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng theo yêu cầu phi chức năng tại mục 3.1.3 và 3.1.5 Chương III E-HSMT</b>		<b>109,80</b>		<b>43,92</b>	Bảng tính điểm chi tiết của nhà thầu trong đó giải thích chi tiết, rõ ràng mức độ đáp ứng
	-	<i>Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu</i>		109,80		43,92	
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu</i>		0		0,00	
	<b>3.4</b>	<b>Yêu cầu về chuyển giao công nghệ và hạ tầng phần cứng, máy chủ - Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng theo yêu cầu tại mục 3.1.6 Chương III E-HSMT</b>		<b>20,10</b>		<b>20,10</b>	Bảng tính điểm chi tiết của nhà thầu trong đó giải thích chi tiết, rõ ràng

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
							mức độ đáp ứng
	-	<i>Đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu</i>			20,10		
	-	<i>Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu có mức độ cần thiết bắt buộc</i>			0		
<b>4. Tiến độ thực hiện</b>				<b>75</b>		<b>75</b>	
	<b>4.1</b>	<b>Tiến độ thực hiện gói thầu</b>		<b>35</b>		<b>35</b>	
	a	- Có Bảng tiến độ chi tiết, trong đó thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu - kết thúc của từng nội dung công việc với tổng tiến độ theo, hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	100%		35		
	b	- Không có bảng tiến độ chi tiết thể hiện rõ các mốc thời gian bắt đầu và kết thúc hoặc có Bảng tiến độ nhưng không chi tiết, hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	0%		0		
	<b>4.2</b>	<b>Biện pháp Tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hoá, phần mềm</b>		<b>25</b>		<b>25</b>	
	a	Có trình bày biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, phần mềm hợp lý, khả thi, phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.	100%		25		
	b	Không trình bày hoặc trình bày biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, phần mềm không hợp lý,	0%		0		

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
		không khả thi, không phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.					
	<b>4.3</b>	<b>Thu hồi hàng hóa không đạt yêu cầu</b>		<b>15</b>		<b>15</b>	
	a	Nhà thầu có cam kết ≤ 48h sẽ tiến hành thu hồi, đổi mới hàng hóa không đạt yêu cầu trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do lỗi chủ đầu tư.	100%		15		
	b	Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ những yêu cầu trên.	0%		0		
<b>5. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ bảo trì trong thời gian bảo hành</b>				<b>50</b>		<b>50</b>	
	<b>5.1</b>	<b>Cam kết thực hiện chế độ bảo hành và dịch vụ hậu mãi theo</b>		<b>50</b>		<b>50</b>	
	a	Có cam kết thực hiện chế độ bảo hành theo đúng quy định của nhà sản xuất và cam kết thực hiện chế độ bảo hành theo yêu cầu của E-HSMT. Cam kết hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ bảo trì tối thiểu 6 tháng/ 1 lần trong thời gian bảo hành, quy định tại mục 1.4, Chương V, E-HSMT	100%		50		
	b	Không có cam kết hoặc không đáp ứng theo E-HSMT	0%		0		
<b>6. Yêu cầu uy tín tham dự thầu</b>				<b>5</b>		<b>5</b>	
	<b>6.1</b>	<b>Uy tín của nhà thầu (Tính từ 01/01/2022 trở lại đây)</b>		<b>5</b>		<b>5</b>	

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
	a	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không vi phạm quy định khi tham dự thầu như không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng .</li> <li>- Không có hợp đồng bỏ dở, chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu .</li> <li>- Không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định khác có liên quan.</li> <li>- Không có nợ xấu hoặc đang trong quá trình phá sản.</li> <li>- Có cam kết kèm theo.</li> </ul>	100%		5		
	b	Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên	0%		0		
<b>8. Yêu cầu khác</b>				<b>20</b>		<b>20</b>	
	<b>8.1</b>	<b>Cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại mục 10.8, E-CDNT và tiến hành kiểm tra thử nghiệm theo yêu cầu tại Mục 3, Chương V, E-HSMT</b>		<b>20</b>		<b>20</b>	
	a	Nhà thầu cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại mục 10.8, E-CDNT về hồ sơ chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật; Nhà thầu tiến hành kiểm tra thử nghiệm theo yêu cầu tại Mục 3, Chương V, E-HSMT (nếu có) và được đánh giá là đáp ứng.	100%		20		
	b	Nhà thầu không cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại mục 10.8, E-CDNT về hồ sơ chứng minh năng	0%		0		

STT	Mã yêu cầu	Chi tiết tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ % điểm	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu	Các tài liệu yêu cầu đính kèm
		lực, kinh nghiệm và kỹ thuật; Nhà thầu không đến tiến hành kiểm tra thử nghiệm theo yêu cầu tại Mục 3, Chương V, E-HSMT (nếu có) hoặc tiến hành kiểm tra thử nghiệm nhưng không được đánh giá là đáp ứng.					
<b>TỔNG</b>				<b>1000</b>		<b>700</b>	

### 3.1.3. Mức độ đáp ứng của các tiêu chí chức năng, phi chức năng và mức điểm

Mức độ đáp ứng của yêu cầu	Mức điểm	Định nghĩa
Đáp ứng hoàn toàn	100% điểm tối đa	Hệ thống mặc định có khả năng đáp ứng hoàn toàn
Tuỳ chỉnh ít	70% điểm tối đa	Hệ thống mặc định có khả năng đáp ứng một phần. Để hoàn toàn đáp ứng, nhà thầu phải: 1. Cấu hình hoặc can thiệp không nhiều vào bộ code chuẩn để sử dụng được chức năng có sẵn; 2. Phát triển mới chức năng nhưng phần lớn kế thừa chức năng chuẩn (cần trình bày chức năng chuẩn mà nhà thầu định sử dụng là gì); 3. Phát triển thêm biểu mẫu báo cáo mới dựa trên các bảng dữ liệu có sẵn trong hệ thống; 4. Thêm trường dữ liệu của các bảng dữ liệu chuẩn của hệ thống; 5. Thêm trường thông tin vào các màn hình mặc định hệ thống; 6. Thêm các bước/tính năng vào tính năng/workflow mặc định của hệ thống và không ảnh hưởng đến chức năng khác.
Tuỳ chỉnh nhiều	30% điểm tối đa	Hệ thống mặc định có khả năng đáp ứng một phần. Để hoàn toàn đáp ứng, nhà thầu phải: 1. Phát triển mới hoàn toàn chức năng; 2. Phát triển chức năng mới và chỉ kế thừa được rất ít chức năng chuẩn (cần trình bày

Mức độ đáp ứng của yêu cầu	Mức điểm	Định nghĩa
		chức năng chuẩn mà nhà thầu định sử dụng là gì); 3. Phát triển thêm bảng dữ liệu mới ngoài các bảng dữ liệu mặc định của hệ thống; 4. Phát triển thêm màn hình mới ngoài các màn hình mặc định của hệ thống; 5. Thêm các bước/tính năng vào tính năng/workflow mặc định của hệ thống và ảnh hưởng đến nhiều chức năng khác; 6. Phát triển thêm các tính năng, workflow mới ngoài các tính năng, workflow mặc định của hệ thống;
Không đáp ứng	0% điểm tối đa	Hệ thống mặc định không có khả năng đáp ứng hoàn toàn, nhà thầu không thể tùy chỉnh để đáp ứng hoàn toàn.

### 3.1.4. Bảng tính điểm chi tiết các yêu cầu chức năng

*Ghi chú: Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng tại cột “Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu” của từng bảng đánh giá và tự xác định mức điểm tương ứng theo hướng dẫn tại Mục 3.1.3, Chương III. Trường hợp nhà thầu đánh giá mức độ đáp ứng khác với giải thích, Tổ chuyên gia sẽ đánh giá mức độ đáp ứng dựa trên giải thích của nhà thầu.*

#### a. Quản lý Marketing

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	Mar-01	Quy trình thực hiện chiến dịch Marketing	Chức năng tạo chiến dịch Marketing	Hệ thống cho phép tạo chiến dịch Marketing sau khi đã được duyệt chủ trương mới với nội dung: Sản phẩm Mục tiêu chiến dịch Kế hoạch thực hiện (công việc chi tiết, thời gian, người chịu trách nhiệm...) Đối tượng mục tiêu	Cao	2,4		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Thông điệp ...				
2	Mar-02	Quy trình thực hiện chiến dịch Marketing	Chức năng phê duyệt chiến dịch	Hệ thống cho phép trình và phê duyệt chiến dịch theo cấp được phân quyền Hệ thống cho phép lưu lịch sử các lần phê duyệt, hoặc từ chối yêu cầu điều chỉnh chiến dịch của lãnh đạo	Trung bình	1,2		
3	Mar-03	Quy trình thực hiện chiến dịch Marketing	Chức năng theo dõi thực hiện và ghi nhận kết quả	Tích hợp gửi email/SMS/Zalo các chương trình cho khách hàng. Danh sách khách hàng có sẵn trong hệ thống (có thể lựa chọn lọc theo các tiêu chí khách hàng: đã có giao dịch, chưa có giao dịch, theo vùng miền, phân loại khách hàng...), hoặc cho phép upload danh sách khách hàng cần gửi	Trung bình	1,2		
4	Mar-04	Quy trình thực hiện chiến dịch Marketing	Chức năng theo dõi thực hiện chương trình	Thực hiện chương trình và cập nhật kết quả thực hiện trên hệ thống theo kế hoạch thực hiện đã duyệt : Gửi thông tin đến các kênh quảng bá (truyền hình; báo điện tử, website; ) Gửi trực tiếp cho khách hàng thân thiết... ... Hệ thống ghi nhận được các chi phí phát sinh cho chiến dịch	Cao	2,4		
5	Mar-05	Quy trình thực hiện chiến dịch Marketing	Chức năng ghi nhận kết quả đạt được trong bán hàng	Hệ thống cho phép ghi nhận thông tin trên các đơn bán hàng về chương trình áp dụng để thống kê báo cáo, phân tích hiệu quả	Cao	2,4		
6	Mar-06	Quy trình thực hiện	Chức năng ghi nhận	Hệ thống cho phép upload các kết quả phản hồi về chiến dịch từ phía khách hàng để phục vụ mục đích	Trung bình	1,2		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		chiến dịch Marketing	phản hồi từ phía khách hàng	báo cáo phân tích sau này Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống websale về tương tác phản hồi của khách hàng về chiến dịch (nâng cấp websale để có nội dung này) Các tiêu chí cụ thể sẽ xây dựng trong quá trình triển khai				
7	Mar-07	Quy trình thực hiện tổ chức sự kiện	Chức năng tạo và trình sự kiện	Hệ thống cho phép tạo sự kiện Marketing sau khi đã được duyệt chủ trương mới với nội dung: Loại sự kiện Mục đích Chủ đề Thông điệp Thời gian Địa điểm Đối tượng mục tiêu Số lượng + danh sách khách mời Đối tượng mục tiêu Tài chính Kế hoạch thực hiện (check list các việc chi tiết, thời gian, người chịu trách nhiệm...) ...	Cao	2,4		
8	Mar-08	Quy trình thực hiện tổ chức sự kiện	Chức năng phê duyệt sự kiện	Hệ thống cho phép trình và phê duyệt sự kiện theo cấp được phân quyền Hệ thống cho phép lưu lịch sử các lần phê duyệt, hoặc từ chối yêu cầu điều chỉnh sự kiện của lãnh đạo	Trung bình	1,2		
9	Mar-09	Quy trình thực hiện tổ chức sự kiện	Chức năng theo dõi	Thực hiện sự kiện theo kế hoạch đã được duyệt và cập nhật kết quả thực hiện	Cao	2,4		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		chức sự kiện	thực hiện sự kiện	Hệ thống ghi nhận được các khoản chi phí phát sinh cho sự kiện				
10	Mar-10	Quy trình thực hiện tổ chức sự kiện	Chức năng ghi nhận phản hồi từ phía khách hàng	Hệ thống cho phép upload các kết quả phản hồi về sự kiện từ phía khách hàng để phục vụ mục đích báo cáo phân tích sau này (số khách tham dự thực tế, loại khách hàng...) Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống websale và các nền tảng TMĐT về tương tác phản hồi của khách hàng về sự kiện (nâng cấp websale để có nội dung này) Các tiêu chí cụ thể sẽ xây dựng trong quá trình triển khai	Trung bình	1,2		
11	Mar-11	Quy trình tích hợp bán hàng online	Tích hợp danh mục lên websale	Tích hợp đồng bộ danh mục dữ liệu lên websale: Danh mục hàng hóa Danh mục khách hàng Danh mục bảng giá Danh mục các chương trình KM Tích hợp tồn kho hàng hóa ...	Bắt buộc	3,6		
12	Mar-12	Quy trình tích hợp bán hàng online	Tích hợp đơn hàng	Tích hợp đơn hàng được tạo và duyệt từ websale (lưu ý thông tin nguồn bán hàng từ web, cán bộ sale, cán bộ chăm sóc... gắn theo đơn hàng phục vụ nhu cầu báo cáo và tính toán KPI cho nhân viên) Tích hợp trạng thái giao hàng và thanh toán	Bắt buộc	3,6		
13	Mar-13	Quản lý dữ liệu	Lưu trữ và kết xuất báo cáo	Hệ thống cho phép lưu trữ & tra cứu kế hoạch thực hiện; báo cáo phân tích kết quả	Bắt buộc	3,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Có khả năng trích xuất dữ liệu ra định dạng file thông dụng như csv, excel				

### b. Quản lý bán hàng & CSKH

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	CRM01	Quản lý công việc của Sale	Tạo kế hoạch công việc của sale	Hệ thống cho phép cán bộ KD tự tạo kế hoạch công việc của mình theo ngày/tuần/tháng/quý/năm và trình cấp trên phê duyệt: - Mô tả công việc - Thời gian thực hiện - Địa điểm thực hiện - Khách hàng mục tiêu - Đề xuất khác nếu có (cần hỗ trợ...) - ...	Trung bình	0,6		
2	CRM02	Quản lý công việc của Sale	Phê duyệt kế hoạch	Hệ thống cho phép phân quyền cho cán bộ quản lý phê duyệt kế hoạch của cán bộ KD dưới quyền quản lý của mình theo cơ cấu tổ chức	Trung bình	0,6		
3	CRM03	Quản lý công việc của Sale	Theo dõi thực hiện	Hệ thống cho phép cán bộ KD thực hiện cập nhật kết quả công việc thực hiện	Trung bình	0,6		
4	CRM04	Quản lý công việc của Sale	Báo cáo kết quả công việc theo thời gian	Hệ thống cho phép lọc báo cáo kết quả thực hiện công việc của cán bộ KD, lọc theo thời gian từ ngày đến ngày	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
5	CRM05	Theo dõi cơ hội và quản lý khách hàng tiềm năng	Tạo cơ hội kinh doanh	Hệ thống cho phép cán bộ KD đăng ký cơ hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin khách hàng (tên; người liên hệ, địa chỉ, phân khúc...)</li> <li>- Các mặt hàng tiềm năng</li> <li>- Giá trị/số lượng mặt hàng cho cơ hội</li> <li>- Quản lý trạng thái</li> <li>- Thời gian kỳ vọng ký hợp đồng</li> <li>- Nguồn cơ hội</li> <li>- Ngày tạo</li> <li>- Cán bộ sale phụ trách</li> <li>- Đối thủ tiềm năng</li> <li>- ...</li> </ul>	Trung bình	0,6		
6	CRM06	Theo dõi cơ hội và quản lý khách hàng tiềm năng	Phê duyệt cơ hội	Hệ thống cho phép cán bộ quản lý theo cấp phê duyệt được thực hiện phê duyệt (theo cơ cấu tổ chức/theo cây phê duyệt) cơ hội để tránh tranh chấp với sale khác Cơ hội sau khi đã được tạo hoặc phê duyệt sẽ không được tạo bởi cán bộ KD khác nữa	Trung bình	0,6		
7	CRM07	Theo dõi cơ hội và quản lý khách hàng tiềm năng	Theo dõi và cập nhật cơ hội	Hệ thống cho phép cập nhật thường xuyên các thông tin cơ hội: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động thực hiện liên quan đến cơ hội (thông tin hoạt động, người thực hiện, chi phí đi kèm nếu có, thời gian thực hiện...)</li> <li>- Tích hợp với các kênh giao tiếp và chăm sóc: Kết nối với Email/Zalo/SMS để gửi tự động cho nhóm khách hàng tiềm năng với các sự kiện MKT, các ngày lễ, sinh nhật...</li> <li>- Cập nhật % thành công</li> <li>- Chuyển trạng thái Lead -&gt; Cơ hội -&gt; thành KH</li> </ul>	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				chính thức (có hợp đồng/đơn hàng) => thông tin khách hàng tiềm năng sẽ chuyển thành khách hàng thật của công ty, các thông tin của khách hàng được kế thừa Hoặc chuyển trạng thái thất bại cơ hội và nếu lý do thất bại				
8	CRM07.1	Theo dõi cơ hội và quản lý khách hàng tiềm năng	Cập nhật/Điều chuyển người chăm sóc KH	Hệ thống cho phép chuyển đổi thông tin người quản lý KH (CSKH) sang một người khác khi có sự thay đổi, điều chuyển nhân sự	Cao	1,2		
9	CRM08	Chăm sóc khách hàng sau bán hàng	Thông tin khách hàng	Hệ thống có khả năng lưu trữ đầy đủ thông tin khách hàng (họ tên, email, số điện thoại, các ngày quan trọng của khách hàng, lịch sử mua hàng...)	Bắt buộc	1,8		
10	CRM09	Chăm sóc khách hàng sau bán hàng	Nhắc việc và cập nhật các hoạt động CSKH	Hệ thống có khả năng: - Nhắc việc cán bộ kinh doanh thực hiện chăm sóc sau một khoảng thời gian hoàn thành đơn hàng (thời gian có thể thiết lập). - Nhắc việc/tự động gửi Email/SMS/Zalo cho khách hàng khi đến các ngày lễ, ngày đặc biệt của khách hàng - Tự động gửi email/SMS/Zalo cho khách hàng với các chương trình MKT, các sự kiện MKT - Cập nhật trạng thái hoạt động vào đơn hàng tương ứng	Trung bình	0,6		
11	CRM10	Chăm sóc khách hàng	Tính điểm và nâng hạng	Hệ thống có khả năng: - Tự động phân loại khách hàng (VIP, thường) theo doanh thu/doanh số mỗi khi phát sinh đơn	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sau bán hàng		hàng. - Gửi Email/SMS/Zalo cho khách hàng khi thay đổi hạng				
12	CRM11	Theo dõi cơ hội và quản lý khách hàng tiềm năng	Thay đổi thông tin người chăm sóc khách hàng	Hệ thống có tính năng cho phép thay đổi thông tin người chăm sóc khách hàng (hoặc Quản lý KH) của Khách hàng sang một CBNV khác khi có sự điều chỉnh nhân sự theo từng KH hoặc theo lô	Cao	1,2		
13	SO001	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo rằng mã khách hàng là giá trị duy nhất trong quá trình tạo khách hàng mới trên hệ thống	Bắt buộc	1,8		
14	SO002	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo yêu cầu bắt buộc nhập các thông tin khác nhau theo phân loại khách hàng, ví dụ: - Với khách hàng doanh nghiệp phải nhập trường mã số thuế - Với khách hàng cá nhân bắt buộc nhập số CCCD, địa chỉ, số điện thoại	Bắt buộc	1,8		
15	SO003	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống có chức năng để khi lập đơn hàng, người dùng tìm kiếm khách hàng theo số điện thoại hoặc số CCCD. Với trường hợp khách hàng cá nhân chưa có mã trên hệ thống, người dùng được nhập các thông tin khách hàng tại đơn hàng; sau đó, hệ thống tự động tạo mã khách hàng cá nhân vào danh mục khách hàng	Bắt buộc	1,8		
16	SO004	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống phải có tính năng để người dùng có thể phân loại khách hàng theo nhiều tiêu chí khác nhau, có thể là tiêu chí phân nhóm cha – phân nhóm con; hoặc phân nhóm ngang cấp. Ví dụ:	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm cha - con: Khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân. Trong khách hàng doanh nghiệp phân nhóm nhỏ hơn theo lĩnh vực kinh doanh, hoặc quy mô; khách hàng cá nhân phân nhóm theo từng cửa hàng</li> <li>- Phân nhóm ngang cấp: Khách hàng nội bộ, khách hàng bên ngoài</li> <li>- Phân nhóm ngang cấp: Phân loại khách hàng bán chéo</li> </ul>				
17	SO005	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống cần có tính năng kiểm tra sự trùng lặp về thông tin yêu cầu (như mã số thuế, số CCCD, ..) khi tạo mới mã khách hàng trên hệ thống. Khi có sự trùng lặp hệ thống cần cảnh báo hoặc chặn việc nhập thông tin trùng khi tạo mới mã khách hàng. Đảm bảo không tạo trùng mã khách hàng trên hệ thống.	Bắt buộc	1,8		
18	SO006	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	<p>Hệ thống cần có khả năng duy trì cơ sở dữ liệu tập trung của khách hàng với các thông tin (không giới hạn) sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số khách hàng</li> <li>- Tên khách hàng</li> <li>- Phân loại nhóm khách hàng</li> <li>- Loại tiền tệ sử dụng</li> <li>- Mã số thuế/số CCCD</li> <li>- Thông tin địa chỉ xuất hoá đơn khách hàng (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố, Xã/Phường, đường, phố, ...)</li> <li>- Các địa chỉ giao hàng của khách hàng (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố, Xã/Phường, đường, phố,</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<p>...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin liên hệ khách hàng: Người liên hệ, số điện thoại, Email, nghề nghiệp, cơ quan làm việc, chức vụ, ...</li> <li>- Nhân viên kinh doanh mặc định</li> <li>- Các điều khoản chuẩn</li> <li>- Điều khoản thanh toán / hạn mức tín dụng mặc định</li> <li>- Bảng giá bán hàng áp dụng</li> <li>- Các tài khoản ngân hàng chi tiết của khách hàng</li> <li>- Tài khoản kế toán gán mặc định</li> <li>- Trạng thái hoạt động</li> <li>- Đính kèm file</li> <li>- Thông tin bổ sung khác</li> </ul>				
19	SO007	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý thông tin chung khách hàng	Hệ thống cần có tính năng để khi thêm mới mã khách hàng, có ràng buộc điều kiện để yêu cầu bắt buộc nhập thông tin tương ứng. Như tạo mã khách hàng thuộc nhóm khách hàng Vàng, thì bắt buộc phải nhập các thông tin: Họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, SĐT, Email, nghề nghiệp, cơ quan làm việc, số CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, ...	Trung bình	0,6		
20	SO008	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý chỉnh sửa thông tin khách hàng	Hệ thống cho phép thay đổi, xóa thông tin khách hàng tùy theo thẩm quyền phê duyệt.	Bắt buộc	1,8		
21	SO009	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý chỉnh sửa thông tin khách hàng	Hệ thống lưu được lịch sử thay đổi thông tin của khách hàng trên hệ thống, chi tiết được theo thời gian thay đổi, người thay đổi, nội dung thay đổi	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
22	SO010	Quản lý danh mục khách hàng	Quản lý phân quyền dữ liệu khách hàng	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý thông tin khách hàng	Cao	1,2		
23	SO011	Quản lý danh mục khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng chặn khách hàng dựa trên các điều kiện nhất định (khách hàng không còn dùng nữa...). Các giao dịch sau không thể thực hiện khi đã chặn khách hàng: - Tạo hợp đồng và đơn bán hàng - Xuất hàng bán - Tạo hóa đơn công nợ - Thu tiền	Bắt buộc	1,8		
24	SO012	Quản lý danh mục khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để quản lý mối quan hệ giữa nhà cung cấp chính và các chi nhánh của khách hàng	Trung bình	0,6		
25	SO013	Quản lý danh mục khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để người dùng upload file danh sách khách hàng đen lên hệ thống (danh sách khách hàng/ nhà cung cấp).. Nhằm cảnh báo khi thực hiện các giao dịch mua, bán liên quan đến đối tượng thuộc danh sách này	Bắt buộc	1,8		
26	SO014	Quản lý bảng giá bán hàng	Quản lý thông tin chung bảng giá	Hệ thống cần có chức năng để lập bảng giá bán hàng trên hệ thống, áp dụng chung hoặc cho từng khách hàng cụ thể	Bắt buộc	1,8		
27	SO015	Quản lý bảng giá bán hàng	Quản lý tạo mới bảng giá	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người dùng tải bảng giá bán hàng từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,6		
28	SO016	Quản lý bảng giá bán hàng	Quản lý tạo mới bảng giá	Hệ thống có tính năng cho phép lựa chọn áp dụng theo đơn vị (bảng giá áp dụng cho TSC, chi nhánh Đà Nẵng hay chi nhánh HCM, áp dụng toàn hệ thống)	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Ngoài ra, hệ thống cần có tính năng để nhập được giá theo phân nhóm sản phẩm có cùng tính chất, mà không phải nhập chi tiết từng sản phẩm: nhập giá cho sản phẩm theo 1 đơn vị cơ sở, sau đó tự tính toán cho các sản phẩm cùng tính chất nhưng có lượng khác nhau (ví dụ nhân vàng tron đơn vị cơ sở là chỉ, và có các đơn vị quy đổi khác là 0.5 chỉ, 1 chỉ, 2 chỉ...)				
29	SO017	Quản lý bảng giá bán hàng	Quản lý tạo mới bảng giá	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt bảng giá bán hàng	Bắt buộc	1,8		
30	SO018	Quản lý bảng giá bán hàng	Quản lý phân quyền dữ liệu bảng giá	Hệ thống phải có tính năng để phân quyền quản lý bảng giá theo nhiều tiêu chí, như loại hàng (Vàng, quà tặng, trang sức), người lập bảng giá	Cao	1,2		
31	SO019	Quản lý bảng giá bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng cho phép export bảng giá trên hệ thống ra theo định dạng PDF, .xlsx	Trung bình	0,6		
32	SO020	Quản lý bảng giá bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng tích hợp với website của VGJ để đẩy bảng giá từ hệ thống lên, hoặc ngược lại nhận bảng giá từ website về, với tần suất thực hiện tức thời	Bắt buộc	1,8		
33	SO021	Quản lý bảng giá bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng cung cấp dữ liệu theo phương thức API cho phép tính năng digiGOLD trên ứng dụng iPay truy xuất thông tin bảng giá	Bắt buộc	1,8		
34	SO022	Quản lý bảng giá bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng quản lý lịch sử thay đổi bảng giá, theo thời gian thay đổi (quản lý đến giờ phút giây), nội dung thay đổi	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
35	SO023	Quản lý bảng giá bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng áp dụng bảng giá có hiệu lực khi lập đơn hàng bán (đơn giá bán của sản phẩm tự động lấy giá ở bảng giá và áp vào giá bán trên đơn hàng bán)	Bắt buộc	1,8		
36	SO024	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để lập chính sách bán hàng trên hệ thống	Bắt buộc	1,8		
37	SO025	Quản lý chính sách bán hàng	Quản lý tạo mới bảng giá	Hệ thống có tính năng để thiết lập được chính sách bán hàng theo nhiều điều kiện khác nhau, như: - Chính sách giảm giá - Chính sách hoa hồng - Chính sách mua hàng tặng quà - Chính sách tích điểm - Chính sách tích lũy doanh số	Bắt buộc	1,8		
38	SO026	Quản lý chính sách bán hàng	Quản lý tạo mới bảng giá	Khi tạo mới chính sách bán hàng, hệ thống cần có tính năng để thiết lập theo nhiều điều kiện: - Đơn vị áp dụng - Đối tượng áp dụng (loại khách hàng) - Điều kiện khác: hình thức thanh toán áp dụng, khung giờ áp dụng, giá trị đơn hàng áp dụng, ...	Bắt buộc	1,8		
39	SO027	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt chính sách bán hàng	Bắt buộc	1,8		
40	SO028	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng cung cấp dữ liệu theo phương thức API cho phép websale truy xuất thông tin chính sách bán hàng	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
41	SO029	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để áp quản lý được thời gian hiệu lực của chính sách	Bắt buộc	1,8		
42	SO030	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để quản lý lịch sử chính sách bán hàng theo nhiều tiêu chí như thời gian, mặt hàng áp dụng, loại khách hàng áp dụng, ...	Cao	1,2		
43	SO031	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để chọn được chính sách bán hàng đủ điều kiện trên đơn bán hàng	Bắt buộc	1,8		
44	SO032	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để chặn các chính sách bán hàng đã hết hiệu lực, hoặc không đủ điều kiện áp dụng không cho phép chọn khi lập đơn bán hàng	Bắt buộc	1,8		
45	SO033	Quản lý chính sách bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để thống kê tình hình thực hiện của các chính sách bán hàng trên hệ thống, tại bất kỳ thời điểm nào	Bắt buộc	1,8		
46	SO034	Quản lý báo giá bán hàng (QO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để lập các báo giá bán hàng cho khách hàng trên hệ thống Báo giá này được hỗ trợ để cập nhật và lưu theo các phiên bản, dựa trên nội dung của báo giá: phiên bản khi nhân viên kinh doanh khởi tạo, phiên bản khi nhân viên mua hàng cập nhật giá, phiên bản nhân viên thiết kế cập nhật Và báo giá hỗ trợ đính kèm bản thiết kế sản phẩm (áp dụng cho kinh doanh quà tặng)	Bắt buộc	1,8		
47	SO035	Quản lý báo giá bán hàng (QO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để gửi Email cho khách hàng báo giá theo nội dung và form mẫu quy định	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
48	SO036	Quản lý báo giá bán hàng (QO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng lưu trữ nhiều ảnh cho sản phẩm, trong đó có 1 ảnh làm đại diện. Khi người dùng cần in báo giá có thể lựa chọn xuất kèm hình ảnh đại diện của sản phẩm hoặc không	Trung bình	0,6		
49	SO037	Quản lý báo giá bán hàng (QO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cho phép tạo đơn hàng bán trực tiếp từ báo giá. Ngoài ra, hệ thống lưu trữ và thống kê được các báo giá không chuyển đổi thành đơn hàng, giúp người dùng dễ dàng theo dõi và phân tích tỷ lệ chuyển đổi.	Bắt buộc	1,8		
50	SO038	Quản lý báo giá bán hàng (QO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để theo dõi được lịch sử báo giá cho từng đối tượng. Kèm theo lưu lịch sử phiên bản cập nhật giá, cập nhật thiết kế theo yêu cầu khách hàng (áp dụng cho kinh doanh quà tặng)	Bắt buộc	1,8		
51	SO039	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Lập và theo dõi đơn đặt hàng bán (SO)	Hệ thống có khả năng khai báo nhiều loại đơn hàng (đơn hàng nội địa/ xuất khẩu, nội bộ/bán bên ngoài...) Phân loại được đơn hàng theo các nguồn bán hàng: kênh TMĐT, kênh Websale, DigiGOLD, tại cửa hàng, ...	Bắt buộc	1,8		
52	SO040	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Lập và theo dõi đơn đặt hàng bán (SO)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi đơn hàng bán, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Số đơn hàng - Ngày đơn hàng - Ngày giao hàng - Địa chỉ giao hàng - Khách hàng	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức thanh toán</li> <li>- Nhân viên kinh doanh trực tiếp</li> <li>- Nhân viên kinh doanh hỗ trợ</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Loại tiền tệ</li> <li>- Tỷ giá</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Tổng giá trị đơn hàng</li> <li>- Điều khoản thanh toán</li> <li>- Trạng thái giao hàng</li> <li>- Trạng thái thanh toán</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
53	SO041	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng	Hệ thống có khả năng kiểm tra số lượng tồn kho theo kho, theo đơn vị, toàn Công ty tại thời điểm lập đơn hàng, kho các đơn vị kinh doanh theo phân quyền truy cập.	Bắt buộc	1,8		
54	SO042	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng	Hệ thống có khả năng để kiểm tra được trạng thái hàng hoá tại thời điểm lập đơn hàng (hàng bình thường, hàng lỗi, hàng chậm luân chuyển, ...)	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
55	SO043	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng	Hệ thống có tính năng kiểm tra hạn mức công nợ của khách hàng tại thời điểm lập đơn hàng, để đưa ra các cảnh báo cho người dùng (cảnh báo vượt hạn mức công nợ, hoặc không cho phép lập đơn hàng khi khách hàng vượt hạn mức công nợ)	Bắt buộc	1,8		
56	SO044	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng	Hệ thống có tính năng để cho phép khi lập đơn bán hàng: - Cho phép chọn mặt hàng ở các kho hàng khác nhau (bán hàng nhiều kho) - Cho phép chọn các mặt hàng với các mức thuế suất khác nhau	Bắt buộc	1,8		
57	SO045	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng (áp dụng với Vàng)	Hệ thống có tính năng ước tính lợi nhuận theo từng mặt hàng của đơn hàng (lợi nhuận ước tính = giá bán – giá vốn bình quân)	Bắt buộc	1,8		
58	SO046	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng cho phép nhập thông tin khách hàng với khách hàng chưa tồn tại trên hệ thống khi lập đơn hàng. Sau khi lưu đơn hàng, hệ thống tự động sinh mã khách hàng và lưu vào danh mục khách hàng (đối với khách hàng cá nhân). Hệ thống cần có tính năng để dựa vào mặt hàng nhập trên đơn hàng để yêu cầu bắt buộc nhập thông tin khách hàng (ví dụ nếu mặt hàng là Vàng, thì bắt buộc nhập số CCCD khách hàng)	Trung bình	0,6		
59	SO047	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý thông tin tạo đơn hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng khi nhập mã khách hàng trên đơn hàng, phải kiểm tra đến danh sách đen đã được cập nhật trên hệ thống. Nếu khách hàng nhập nằm trong danh sách đen,	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				thì cần cảnh báo cho người dùng (cảnh báo hoặc chặn tạo đơn hàng với mã khách hàng này)				
60	SO048	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý phê duyệt đơn hàng (áp dụng chung)	<p>Hệ thống có chức năng để người dùng cấu hình các cấp phê duyệt theo các điều kiện khác nhau như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị đơn hàng,</li> <li>- Loại hàng,</li> <li>- Hình thức thanh toán (tiền mặt, chuyển khoản, công nợ, ...)</li> <li>- Cấp phê duyệt theo quy định của VGJ: cửa hàng, PKD chi nhánh, PKD TSC, Giám đốc chi nhánh, phó TGD, TGD, Chủ tịch)</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		
61	SO049	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý phê duyệt đơn hàng (áp dụng với Vàng miếng, Vàng nguyên liệu, Vàng trang sức và bạc)	<p>Quản lý phê duyệt đơn hàng (áp dụng với Vàng miếng, Vàng nguyên liệu, Vàng trang sức và bạc)</p> <p>Đối với nhóm hàng là Vàng miếng, Vàng nguyên liệu, Vàng trang sức và nhóm bạc khi lập đơn hàng bán, hệ thống cần có tính năng để tính được biên độ giá niêm yết theo từng mặt hàng, của từng đơn vị (TSC, chi nhánh) (Biên độ giá niêm yết = Giá bán niêm yết – Giá mua niêm yết)</p>	Bắt buộc	1,8		
62	SO050	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Quản lý phê duyệt đơn hàng (áp dụng với Vàng miếng, Vàng nguyên	<p>Hệ thống có chức năng để người dùng cấu hình điều kiện phê duyệt riêng đối với Vàng, bạc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng giao dịch theo phân cấp</li> <li>- Giá bán khác giá niêm yết của bảng giá phê duyệt: dựa trên giá bán của đơn hàng và tỷ lệ</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			liệu, Vàng trang sức và bạc)	biên độ giá - Cấp phê duyệt				
63	SO051	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng cho phép giữ hàng với đơn đặt hàng bán, thời hạn giữ hàng được người dùng thiết lập trên hệ thống	Cao	1,2		
64	SO052	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng cho phép các bộ phận liên quan được xác nhận trên đơn hàng bán (ví dụ: tiêu chuẩn kỹ thuật mới, thời gian mua hàng đáp ứng đơn hàng bán...) Hệ thống cần có tính năng để thiết lập được bước xác nhận đơn hàng hoàn thành, trước khi chuyển cấp phê duyệt theo điều kiện phê duyệt	Cao	1,2		
65	SO053	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng kiểm tra chéo đơn hàng giữa module bán hàng và kho để việc giảm kho và ra chứng từ giao hàng được chính xác (liên kết chứng từ)	Bắt buộc	1,8		
66	SO054	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng cho phép người dùng tìm kiếm khách hàng và tra cứu lịch sử mua hàng của khách hàng khi lập đơn đặt hàng bán. Đảm bảo nhân viên bán hàng có đầy đủ thông tin về khách hàng, lịch sử mua hàng với thao tác đơn giản trên hệ thống	Bắt buộc	1,8		
67	SO055	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng tích hợp với ngân hàng để sinh mã QR CODE động cho đơn hàng. Đồng thời, có tích hợp thanh toán với ngân hàng để ghi nhận kết quả thanh toán của khách hàng, sinh phiếu thu tự động và gạch nợ cho đơn hàng trên hệ thống	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
68	SO056	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để người dùng lập phiếu thu tiền đơn hàng, với trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt	Bắt buộc	1,8		
69	SO057	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để cho phép có nhiều hình thức thanh toán cho một đơn hàng (tiền mặt, chuyển khoản, quẹt thẻ)	Bắt buộc	1,8		
70	SO058	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để theo dõi trạng thái thanh toán của đơn hàng (ví dụ: chưa thanh toán, đã thanh toán một phần, đã thanh toán). Chỉ khi đơn hàng được thanh toán đủ mới được cập nhật trạng thái đã thanh toán	Bắt buộc	1,8		
71	SO059	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng tích hợp với website để đồng bộ các đơn hàng online trên web. Đồng bộ về thông tin đơn hàng, thông tin thanh toán đơn hàng	Bắt buộc	1,8		
72	SO060	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng tích hợp với đơn vị vận chuyển để sau khi lập đơn hàng, gửi thông tin sang đơn vị vận chuyển sinh vận đơn tương ứng để giao hàng	Bắt buộc	1,8		
73	SO061	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để theo dõi nhiều vận đơn cho cùng một đơn hàng bán. Trạng thái giao hàng cần được cập nhật tự động, dựa trên kết quả giao hàng được tích hợp từ đơn vị vận chuyển	Bắt buộc	1,8		
74	SO062	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ cho việc giao hàng nhiều lần cho một đơn hàng và giao hàng một lần cho nhiều đơn hàng (kết nối vận đơn với đơn vị vận chuyển).	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
75	SO063	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng để tích hợp trạng thái giao hàng của đơn hàng lên website, để khách hàng tra cứu	Bắt buộc	1,8		
76	SO064	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng tích hợp với App DigiGOLD để đồng bộ đơn hàng bán online	Bắt buộc	1,8		
77	SO065	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để tìm kiếm được đơn hàng thuộc yêu cầu sản xuất nào, lô/đơn hàng nhập nào	Cao	1,2		
78	SO066	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ theo dõi thông tin riêng với đơn hàng xuất khẩu	Bắt buộc	1,8		
79	SO067	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng tổng hợp, cảnh báo với trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch nhiều lần trong một ngày (áp dụng với nhóm hàng là Vàng) Ngoài ra, hệ thống cần có tính năng để tại thời điểm lập đơn hàng, có cảnh báo với điều kiện trong ngày lũy kế giá trị giao dịch lớn hơn giá trị xác định (giá trị này người dùng có thể cấu hình; ví dụ 20 triệu đồng, 30 triệu đồng, ...)	Trung bình	0,6		
80	SO068	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để cho phép in hoặc kết xuất đơn hàng theo các mẫu khác nhau. Mẫu in do người dùng định nghĩa, khi in hoặc kết xuất người dùng chọn mẫu in cần sử dụng	Bắt buộc	1,8		
81	SO069	Quản lý đơn hàng bán (SO)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để in hoặc kết xuất mẫu in có kèm hình ảnh (hình ảnh được lấy dựa vào hình ảnh của sản phẩm ở danh mục sản phẩm, hàng hoá; hoặc lấy từ trên website)	Trung bình	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
82	SO070	Quản lý hợp đồng bán hàng	Quản lý thông tin chung hợp đồng bán hàng	<p>Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi hợp đồng bán hàng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hợp đồng</li> <li>- Loại hợp đồng</li> <li>- Ngày hiệu lực hợp đồng</li> <li>- Thời hạn hiệu lực hợp đồng</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Loại tiền tệ</li> <li>- Tỷ giá</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Tổng giá trị đơn hàng</li> <li>- Điều khoản thanh toán</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		
83	SO071	Quản lý hợp đồng bán hàng	Quản lý phê duyệt hợp đồng bán hàng	<p>Hệ thống cần có tính năng phê duyệt hợp đồng bán hàng. Chức năng phê duyệt tương tự như đơn hàng bán</p>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
84	SO072	Quản lý hợp đồng bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng cho phép tạo đơn đặt hàng bán từ hợp đồng. Một hợp đồng có thể tạo nhiều đơn hàng bán	Bắt buộc	1,8		
85	SO073	Quản lý hợp đồng bán hàng	Yêu cầu chung	Khi đơn hàng bán được tạo từ hợp đồng, hệ thống cần có tính năng cảnh báo (thông báo hoặc chặn tạo đơn hàng), khi số lượng (hoặc giá trị) tổng đơn hàng lớn hơn hợp đồng	Trung bình	0,6		
86	SO074	Quản lý hợp đồng bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để in trực tiếp được hợp đồng bán hàng theo mẫu quy định	Trung bình	0,6		
87	SO075	Quản lý hợp đồng bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để xuất được hợp đồng bán hàng theo mẫu quy định ra file định dạng: PDF, .docx	Trung bình	0,6		
88	SO076	Quản lý hợp đồng bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để cảnh báo hợp đồng bán hàng sắp hết hiệu lực	Trung bình	0,6		
89	SO077	Quản lý bán hàng	Lập và theo dõi yêu cầu nhập hàng bán trả lại	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu nhập hàng bán trả lại, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số yêu cầu trả hàng</li> <li>- Ngày yêu cầu</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Lý do trả hàng</li> <li>- Số đơn hàng bán gốc</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
90	SO078	Quản lý bán hàng	Lập và theo dõi yêu cầu nhập hàng bán trả lại	Hệ thống cho khả năng ghi nhận lý do hàng bị trả lại, thời gian và chi phí cho việc trả hàng cùng với các chứng từ đi kèm.	Cao	1,2		
91	SO079	Quản lý bán hàng	Lập và theo dõi yêu cầu nhập hàng bán trả lại	Hệ thống cần có tính năng cho phép tạo yêu cầu nhập hàng bán trả lại, bằng cách chọn đến đơn đặt hàng bán gốc.	Bắt buộc	1,8		
92	SO080	Quản lý bán hàng	Lập và theo dõi yêu cầu nhập hàng bán trả lại	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt yêu cầu nhập hàng bán trả lại	Bắt buộc	1,8		
93	SO081	Quản lý bán hàng	Theo dõi trạng thái Vàng và điểm cắt lỗ	<p>Hệ thống có chức năng để tính toán tức thời lợi nhuận ước tính của Vàng:  Lợi nhuận ước tính = giá biến động thị trường – giá vốn bình quân</p> <p>Yêu cầu cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá biến động thị trường: cho phép tích hợp online từ một kênh thông tin (tradingview, website vietin, ... hoặc kênh cụ thể được chỉ định khi xây dựng chương trình), hoặc từ giá từ bảng giá bán hàng, hoặc do người dùng nhập vào</li> <li>- Công thức tính giá biến động thị trường có thể setup theo tham số: giá thị trường lấy về, tỷ giá của Vietinbank, và tỷ lệ (hoặc giá trị) bổ sung để</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<p>tính ra giá biến động tham chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống cho phép lựa chọn xem lợi nhuận ước tính theo từng cửa hàng, bộ phận, đơn vị, hoặc toàn hàng, ...</li> <li>- Khi hệ thống tính toán ra được tỷ lệ lợi nhuận ước tính, tham chiếu đến phân cấp thẩm quyền phê duyệt tỷ lệ cắt lỗ; tự động gửi cảnh báo đến các cấp tương ứng qua kênh email (gửi đồng thời đến cấp có thẩm quyền tương ứng và các cấp thấp hơn)</li> </ul>				
94	SO082	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có chức năng để cho phép tạo các yêu cầu sửa chữa hàng đã bán cho khách hàng trên hệ thống	Bắt buộc	1,8		
95	SO083	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cho phép tạo yêu cầu sửa chữa, bằng cách chọn đến đơn hàng đã bán cho khách hàng	Bắt buộc	1,8		
96	SO084	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	<p>Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu sửa chữa hàng đã bán, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Ngày yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Số đơn hàng bán gốc</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> </ul>	Bắt buộc	1,8		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Số GIA - Thông tin chi tiết lỗi: chất lượng, kích thước, màu sắc, ... - Trung tâm chi phí - Đính kèm file				
97	SO085	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng cho phép tạo nhiều yêu cầu sửa chữa cho một đơn hàng bán	Bắt buộc	1,8		
98	SO086	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Bắt buộc	1,8		
99	SO087	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống có chức năng để tra cứu lịch sử sửa chữa của sản phẩm	Bắt buộc	1,8		
100	SO088	Quản lý bán hàng	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để theo dõi trạng thái của yêu cầu sửa chữa hàng đã bán (chờ duyệt tờ trình, đã gửi NCC sửa chữa, đã nhận từ NCC, đã bàn giao khách hàng)	Cao	1,2		
101	SO089	Quản lý bán hàng	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có chức năng để tạo tờ trình sửa chữa hàng đã bán cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán trên hệ thống	Cao	1,2		
102	SO090	Quản lý bán hàng	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cho phép tạo tờ trình sửa chữa hàng đã bán, bằng cách chọn đến yêu cầu sửa chữa trên hệ thống	Cao	1,2		
103	SO091	Quản lý bán hàng	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi tờ trình sửa chữa hàng đã bán, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Số tờ trình sửa chữa - Ngày tờ trình	Cao	1,2		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Ngày yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Loại sửa chữa: Bảo hành/Dịch vụ sửa chữa</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Số GIA (với kim cương)</li> <li>- Thông tin chi tiết lỗi: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Đơn vị sửa chữa (nhà cung cấp)</li> <li>- Chi phí sửa chữa</li> <li>- Báo giá khách hàng (với loại sửa chữa là dịch vụ)</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
104	SO092	Quản lý bán hàng	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt tờ trình sửa chữa hàng hoá	Cao	1,2		
105	SO093	Quản lý bán hàng	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để cho phép lập hợp đồng mua hàng (hợp đồng gia công, sửa chữa) cho tờ trình sửa chữa được phê duyệt	Cao	1,2		

### c. Quản lý sản xuất

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	PP001	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cho phép thiết lập thông tin định mức hoặc không đổi với thành phẩm sản xuất	Bắt buộc	0,9		
2	PP002	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi định mức sản xuất, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã định mức</li> <li>- Trạng thái</li> <li>- Số phiên bản (Version)</li> <li>- Đơn vị áp dụng (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM)</li> <li>- Người lập</li> <li>- Thông tin thành phẩm sản xuất:  <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mã thành phẩm</li> <li>+ Số lượng định mức thành phẩm</li> <li>+ Đơn vị tính</li> <li>+ Kiểu thống kê (thủ công/tự động)</li> </ul> </li> <li>- Định mức nguyên vật liệu (NVL):  <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mã NVL</li> <li>+ Số lượng định mức NVL</li> </ul> </li> </ul>	Bắt buộc	0,9		
3	PP003	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có tính năng để hỗ trợ thao tác người dùng khi thiết lập định mức sản xuất như: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sao chép cấu trúc định mức sản xuất của thành phẩm trên hệ thống để tạo mới định mức sản xuất cho thành phẩm có cấu gần giống</li> <li>- Import từ file excel hoặc CSV để tạo mới định mức sản xuất trên hệ thống</li> </ul>	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
4	PP004	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cho phép chỉnh sửa định mức sản xuất: - Thêm/bớt thành phần trong định mức sản xuất - Thay đổi số lượng của các thành phần trong định mức sản xuất	Bắt buộc	0,9		
5	PP005	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để lưu lại lịch sử thay đổi định mức sản xuất	Bắt buộc	0,9		
6	PP006	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cấu hình cây phê duyệt cho định mức sản xuất được thiết lập trên hệ thống (phê duyệt khi tạo mới, phê duyệt khi chỉnh sửa)	Bắt buộc	0,9		
7	PP007	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý định mức sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cho phép thiết nhiều phiên bản (version) của định mức sản xuất áp dụng với các thời điểm khác nhau	Cao	0,6		
8	PP008	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần cho phép thiết lập thông tin nguồn lực tham gia vào quá trình sản xuất như: nhân công, máy móc, thiết bị, năng lượng, ...	Bắt buộc	0,9		
9	PP009	Quản lý phát triển	Quản lý nguồn lực	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi nguồn lực sản xuất, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Mã nguồn lực	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sản phẩm	sản xuất (Resource)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nguồn lực</li> <li>- Loại nguồn lực (nhân công/máy móc/khác)</li> <li>- Trạng thái</li> <li>- Người lập</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Số lượng định mức</li> <li>- Đơn giá định mức nguồn lực</li> <li>- Phương pháp tính giá</li> <li>- Công suất tối đa</li> <li>- Công suất tối thiểu</li> </ul>				
10	PP010	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có chức năng để cho phép chỉnh sửa thông tin nguồn lực sản xuất	Bắt buộc	0,9		
11	PP011	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có chức năng để lưu lại lịch sử thay đổi thông tin nguồn lực sản xuất	Bắt buộc	0,9		
12	PP012	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có chức năng để cấu hình cây phê duyệt cho nguồn lực sản xuất được thiết lập trên hệ thống (phê duyệt khi tạo mới, phê duyệt khi chỉnh sửa)	Bắt buộc	0,9		
13	PP013	Quản lý phát triển	Quản lý công đoạn sản xuất	Hệ thống cần cho phép thiết lập công đoạn sản xuất trên hệ thống. Mỗi công đoạn sản xuất là một giai đoạn sản xuất khác nhau trong quá trình sản xuất	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sản phẩm						
14	PP014	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý công đoạn sản xuất	Hệ thống cho phép thiết lập các thông tin cơ bản trong từng công đoạn sản xuất, bao gồm: - Thông tin về công đoạn: + Mã công đoạn + Tên công đoạn + Trạng thái + Phiên bản (version) + Thời gian hiệu lực từ/đến + Đơn vị áp dụng (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM) - Thông tin về nguồn lực tham gia: + Mã nguồn lực sử dụng + Số lượng định mức	Bắt buộc	0,9		
15	PP015	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý công đoạn sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cho phép chỉnh sửa thông tin công đoạn sản xuất	Bắt buộc	0,9		
16	PP016	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý công đoạn sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để lưu lại lịch sử thay đổi thông tin công đoạn sản xuất	Bắt buộc	0,9		
17	PP017	Quản lý phát triển	Quản lý công đoạn sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cấu hình cây phê duyệt cho công đoạn sản xuất được thiết lập trên hệ thống (phê duyệt khi tạo mới, phê duyệt khi chỉnh sửa)	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sản phẩm						
18	PP018	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý quy trình sản xuất	Hệ thống cần cho phép thiết lập quy trình sản xuất cho từng thành phẩm. Mỗi quy trình bao gồm các công đoạn sản xuất và định mức sản xuất	Bắt buộc	0,9		
19	PP019	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý quy trình sản xuất	Hệ thống cho phép thiết lập các thông tin cơ bản về quy trình sản xuất, bao gồm: - Thông tin về quy trình sản xuất: + Mã quy trình + Tên quy trình + Mã thành phẩm + Số lượng định mức sản xuất + Đơn vị tính + Trạng thái + Người lập + Đơn vị áp dụng ( TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM) + Công đoạn sản xuất áp dụng + Định mức sản xuất áp dụng + Phiên bản - Thông tin về thành phẩm đầu ra: + Mã thành phẩm + Tên thành phẩm + Số lượng thành phẩm + Đơn vị tính + Cho phép điều chỉnh tăng/giảm số lượng (Scale Type) + Phương pháp nhập kho thành phẩm (thủ công/tự động)	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kho mặc định nhập thành phẩm</li> <li>+ Tỷ lệ phân bổ chi phí từng thành phẩm</li> <li>- Thông tin về định mức NVL đầu vào:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mã NVL</li> <li>+ Tên NVL</li> <li>+ Số lượng định mức</li> <li>+ Đơn vị tính</li> </ul> </li> <li>+ Cho phép điều chỉnh tăng/giảm số lượng NVL (Scale Type)</li> <li>+ Biên độ cho phép điều chỉnh</li> <li>+ Phương pháp xuất kho NVL (thủ công/tự động)</li> <li>+ Kho mặc định xuất NVL</li> <li>+ Tỷ lệ hao hụt định mức</li> <li>+ Tổng định mức NVL (bao gồm định mức và hao hụt)</li> <li>- Thông tin về phế phẩm thu hồi (By-product):               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mã phế phẩm</li> <li>+ Tên phế phẩm</li> <li>+ Số lượng phế phẩm thu hồi</li> <li>+ Đơn vị tính</li> </ul> </li> <li>+ Cho phép điều chỉnh tăng/giảm số lượng phế phẩm (Scale Type)</li> <li>+ Phương pháp nhập kho phế phẩm (thủ công/tự động)</li> <li>+ Kho mặc định nhập phế phẩm</li> <li>+ Phân loại phế phẩm (Rework/Sample/Waste/Yield)</li> </ul>				
20	PP020	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý quy trình sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để lưu nhiều phiên bản (version) cho quy trình sản xuất	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
21	PP021	Quản lý phát triển sản phẩm	Quản lý quy trình sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để cấu hình cây phê duyệt quy trình sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
22	PP022	Quản lý hoạch định nhu cầu NVL sản xuất	Quản lý dự báo nhu cầu sản xuất (Forecast)	Hệ thống cần có chức năng để thiết lập nhu cầu sản xuất trên hệ thống	Trung bình	0,3		
23	PP023	Quản lý hoạch định nhu cầu NVL sản xuất	Quản lý dự báo nhu cầu sản xuất (Forecast)	Hệ thống cho phép thiết lập các thông tin cơ bản về Forecast, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã Forecast</li> <li>- Tên Forecast</li> <li>- Kiểu dự báo (tuần/tháng/quý/năm)</li> <li>- Mã sản phẩm (thành phẩm)</li> <li>- Tên sản phẩm</li> <li>- Số lượng dự kiến</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Thông tin khách hàng tham chiếu (nếu có)</li> </ul>	Trung bình	0,3		
24	PP024	Quản lý hoạch định	Tổng hợp nhu cầu nguyên vật liệu sản	Hệ thống cần có chức năng để tự động chạy tổng hợp nhu cầu NVL cho sản xuất trên hệ thống (MRP)	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		nhu cầu NVL sản xuất	xuất (MRP)					
25	PP025	Quản lý hoạch định nhu cầu NVL sản xuất	Tổng hợp nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất (MRP)	<p>Hệ thống cần có tính năng để khi thực hiện chạy MRP, người dùng được lựa chọn tham số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập nguyên tắc tổng hợp thành phẩm dự báo sản xuất được phép lựa chọn 1 hoặc nhiều loại đầu vào, bao gồm từ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Forecast</li> <li>+ Đơn đặt hàng bán (SO) hoặc hợp đồng bán (số lượng chưa hoàn thành)</li> <li>+ Yêu cầu điều chuyển kho (số lượng chưa hoàn thành)</li> <li>+ Lệnh sản xuất (số lượng thành phẩm chưa nhập kho)</li> </ul> </li> <li>- Thiết lập nguyên tắc để tổng hợp NVL sản xuất được phép lựa chọn 1 hoặc nhiều từ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tồn kho thực tế (được lựa chọn danh sách kho tính tồn)</li> <li>+ Số lượng tồn kho tối đa, tồn kho tối thiểu</li> <li>+ Đơn hàng mua (PO) hoặc hợp đồng mua (số lượng chưa hoàn thành)</li> <li>+ Yêu cầu mua hàng (số lượng chưa hoàn thành)</li> <li>+ Yêu cầu điều chuyển kho (số lượng chưa hoàn thành)</li> <li>+ Lệnh sản xuất (số lượng NVL chưa xuất kho)</li> </ul> </li> </ul>	Trung bình	0,3		
26	PP026	Quản lý hoạch định nhu	Tổng hợp nhu cầu nguyên vật liệu sản	Kết quả chạy MRP trên hệ thống, cần đưa ra gợi ý cụ thể nhu cầu từng NVL như: số lượng cần, thời gian cần	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		câu NVL sản xuất	xuất (MRP)					
27	PP027	Quản lý hoạch định nhu cầu NVL sản xuất	Tổng hợp nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất (MRP)	Kết quả chạy MRP cần cho phép người dùng sử dụng để tạo yêu cầu mua hàng hoặc đơn mua hàng trên hệ thống	Trung bình	0,3		
28	PP028	Quản lý sản xuất	Quản lý lệnh sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để quản lý tập trung lệnh sản xuất	Bắt buộc	0,9		
29	PP029	Quản lý sản xuất	Quản lý lệnh sản xuất	Hệ thống hỗ trợ quản lý các thông tin về lệnh sản xuất, ít nhất bao gồm các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lệnh sản xuất</li> <li>- Đơn vị sản xuất (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM)</li> <li>- Thời gian bắt đầu sản xuất</li> <li>- Thời gian dự kiến hoàn thành</li> <li>- Quy trình sản xuất áp dụng</li> <li>- Số lượng lệnh sản xuất</li> <li>- Thông tin về định mức NVL của lệnh sản xuất (định mức x số lượng sản xuất)</li> <li>- Thông tin về định mức nguồn lực sản xuất (Resource)</li> <li>- Thông tin về thành phẩm &amp; phế phẩm của lệnh</li> </ul>	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
30	PP030	Quản lý sản xuất	Quản lý lệnh sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để ban hành lệnh sản xuất trên hệ thống (Release)	Bắt buộc	0,9		
31	PP031	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có chức năng cho phép thực hiện xuất NVL cho lệnh sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
32	PP032	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có tính năng lọc lệnh sản xuất đủ điều kiện xuất NVL (lệnh phải được release, lệnh chưa hoàn thành)	Bắt buộc	0,9		
33	PP033	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cho phép xuất NVL nhiều lần cho một lệnh sản xuất	Cao	0,6		
34	PP034	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cho phép chọn lại kho xuất NVL so với kho mặc định ban đầu	Bắt buộc	0,9		
35	PP035	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần yêu cầu chọn đích danh lô hoặc serial khi xuất NVL (áp dụng đối với NVL quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,9		
36	PP036	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có tính năng để tính toán số lượng NVL còn được xuất (lũy kế theo các lần đã xuất kho và số lượng NVL định mức của lệnh)	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
37	PP037	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cảnh báo, khi người dùng thực hiện xuất kho số lượng NVL vượt quá số lượng định mức của lệnh sản xuất (cảnh báo vượt hoặc chặn không cho xuất vượt số lượng)	Bắt buộc	0,9		
38	PP038	Quản lý sản xuất	Quản lý nguyên vật liệu sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để người dùng thống kê NVL xuất cho lệnh sản xuất	Bắt buộc	0,9		
39	PP039	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có chức năng cho phép thực hiện xuất Resource cho lệnh sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
40	PP040	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có tính năng lọc lệnh sản xuất đủ điều kiện xuất Resource (lệnh phải được release, lệnh chưa hoàn thành)	Bắt buộc	0,9		
41	PP041	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có tính năng cho phép xuất Resource nhiều lần cho một lệnh sản xuất	Cao	0,6		
42	PP042	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có tính năng để tính toán số lượng Resource còn được xuất (luỹ kế theo các lần đã xuất kho và số lượng Resource định mức của lệnh)	Bắt buộc	0,9		
43	PP043	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có tính năng cảnh báo, khi người dùng thực hiện xuất kho số lượng Resource vượt quá số lượng định mức của lệnh sản xuất (cảnh báo vượt hoặc chặn không cho xuất vượt số lượng)	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
44	PP044	Quản lý sản xuất	Quản lý nguồn lực sản xuất (Resource)	Hệ thống cần có chức năng để người dùng thống kê Resource xuất cho lệnh sản xuất	Bắt buộc	0,9		
45	PP045	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng cho phép thực hiện nhập kho thành phẩm cho lệnh sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
46	PP046	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng lọc lệnh sản xuất đủ điều kiện nhập kho thành phẩm (lệnh phải được release, lệnh chưa hoàn thành)	Bắt buộc	0,9		
47	PP047	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cho phép nhập kho thành phẩm nhiều lần cho một lệnh sản xuất	Cao	0,6		
48	PP048	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cho phép chọn lại kho nhập kho thành phẩm so với kho mặc định ban đầu	Bắt buộc	0,9		
49	PP049	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần yêu cầu chọn đích danh lô hoặc serial khi nhập kho thành phẩm (áp dụng đối với thành phẩm quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,9		
50	PP050	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng để tính toán số lượng thành phẩm còn được xuất (lũy kế theo các lần đã xuất kho và số lượng thành phẩm sản xuất của lệnh)	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
51	PP051	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng cảnh báo, khi người dùng thực hiện xuất kho số lượng thành phẩm vượt quá số lượng của lệnh sản xuất (cảnh báo vượt hoặc chặn không cho nhập vượt số lượng)	Bắt buộc	0,9		
52	PP052	Quản lý sản xuất	Quản lý thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để người dùng thống kê thành phẩm nhập cho lệnh sản xuất	Bắt buộc	0,9		
53	PP053	Quản lý sản xuất	Quản lý phế phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng cho phép thực hiện nhập kho phế phẩm cho lệnh sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
54	PP054	Quản lý sản xuất	Quản lý phế phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để người dùng thống kê phế phẩm nhập cho lệnh sản xuất	Bắt buộc	0,9		
55	PP055	Quản lý sản xuất	Quản lý kiểm tra chất lượng thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu kiểm tra chất lượng cho thành phẩm sản xuất trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
56	PP056	Quản lý sản xuất	Quản lý kiểm tra chất lượng thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu kiểm tra bằng cách chọn đến phiếu nhập thành phẩm sản xuất	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
57	PP057	Quản lý sản xuất	Quản lý kiểm tra chất lượng thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng để kế thừa thông tin của phiếu nhập thành phẩm sang phiếu kiểm tra chất lượng, bao gồm: - Thông tin lệnh sản xuất - Thông tin phiếu nhập thành phẩm - Thông tin thành phẩm cần kiểm tra: mã thành phẩm, số lượng	Bắt buộc	0,9		
58	PP058	Quản lý sản xuất	Quản lý kiểm tra chất lượng thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có chức năng để người dùng ghi nhận kết quả kiểm tra cho phiếu kiểm tra trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
59	PP059	Quản lý sản xuất	Quản lý kiểm tra chất lượng thành phẩm sản xuất	Hệ thống cần có tính năng để chặn không cho phép thành phẩm chưa được xác nhận kết quả kiểm tra được phép thực hiện giao dịch trên hệ thống (nhập kho, xuất kho, điều chuyển kho)	Bắt buộc	0,9		
60	PP060	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý phân bổ chi phí	Hệ thống cần có chức năng để cho phép khai báo cáo mã phân bổ chi phí và cấu hình thông tin phân bổ cơ bản như: - Mã phân bổ + Mã phân bổ + Tên phân bổ + Bộ số áp dụng - Nguồn phân bổ: + Tài khoản để lấy phân bổ + Tỷ lệ phân bổ	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
61	PP061	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành kế hoạch	Hệ thống cần có chức năng tự động tính giá thành kế hoạch cho thời điểm nhập kho thành phẩm, dựa trên: - Định mức NVL - Định mức nguồn lực tham gia sản xuất	Bắt buộc	0,9		
62	PP062	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành thực tế	Hệ thống cần có chức năng để tự động tính giá thành sản xuất thực tế cho từng kỳ sản xuất	Bắt buộc	0,9		
63	PP063	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành thực tế	Hệ thống cần có tính năng để chạy giá thành thực tế riêng cho từng đơn vị hoặc cho toàn Công ty	Bắt buộc	0,9		
64	PP064	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành thực tế	Giá thành thực tế được dựa trên: - Số lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ - Giá trị NVL tiêu hao (số lượng thực tế xuất dùng, đơn giá xuất kho từng lần) - Phân bổ chi phí nguồn lực sản xuất dựa trên giá trị thực tế được kế toán tập hợp chi phí cuối kỳ (hạch toán chi phí thực tế theo tài khoản kế toán)	Bắt buộc	0,9		
65	PP065	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành thực tế	Hệ thống phải có tính năng để kiểm tra giá thành thực tế sau khi hệ thống tự động chạy tính giá: - Kiểm tra chi tiết theo từng mã thành phẩm - Cơ cấu chi phí cho từng mã thành phẩm: + Chi phí NVL	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				+ Chi phí từng loại nguồn lực tham gia vào quy trình sản xuất thành phẩm				
66	PP066	Quản lý giá thành sản xuất	Quản lý giá thành thực tế	Hệ thống cần có chức năng để người dùng thực hiện chạy hạch toán kế toán, dựa trên giá thành thực tế đã tính toán	Bắt buộc	0,9		

#### d. Quản lý mua hàng

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	PO001	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý thông tin chung nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo rằng mã nhà cung cấp là giá trị duy nhất trong quá trình tạo nhà cung cấp mới trên hệ thống	Bắt buộc	0,9		
2	PO002	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý thông tin chung nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo rằng người dùng bắt buộc nhập số mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc số CCCD (đối với cá nhân) trong quá trình tạo nhà cung cấp mới trên hệ thống. Hệ thống cần có tính năng để khi thêm mới mã nhà cung cấp, có ràng buộc điều kiện để yêu cầu bắt buộc nhập thông tin tương ứng. Như tạo nhà cung cấp thuộc nhóm cá nhân và nhóm NCC Vàng, thì bắt buộc phải nhập các	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				thông tin: Họ tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, SĐT, Email, nghề nghiệp, cơ quan làm việc, số CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp, ...				
3	PO003	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý thông tin chung nhà cung cấp	Hệ thống cần có khả năng kiểm soát nhà cung cấp trùng lặp trong hệ thống: - Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) - CCCD (đối với cá nhân)	Bắt buộc	0,9		
4	PO004	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý tạo mới nhà cung cấp	Hệ thống cần có khả năng duy trì cơ sở dữ liệu tập trung của nhà cung cấp với các thông tin (không giới hạn) sau: - Mã số nhà cung cấp - Tên nhà cung cấp - Tên quốc tế nhà cung cấp - Phân loại nhóm nhà cung cấp - Loại tiền tệ sử dụng - Mã số thuế/ Số CCCD - Thông tin địa chỉ xuất hoá đơn nhà cung cấp (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố, Xã/Phường, đường, phố, ...) - Thông tin địa chỉ liên hệ khác (áp dụng với nhà cung cấp là cá nhân giao dịch bán Vàng, Trang sức) - Thông tin chi giao hàng của nhà cung cấp (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố, Xã/Phường, đường, phố, ...) - Thông tin ngày sinh (áp dụng với nhà cung cấp là cá nhân giao dịch bán Vàng, Trang sức) - Số điện thoại	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin liên hệ nhà cung cấp: Người liên hệ, số điện thoại, Email</li> <li>- Nhân viên mua hàng mặc định</li> <li>- Các điều khoản chuẩn</li> <li>- Điều khoản thanh toán / hạn mức tín dụng mặc định</li> <li>- Bảng giá mua hàng áp dụng</li> <li>- Thông tin về tài khoản ngân hàng của nhà cung cấp</li> <li>- Tài khoản công nợ gán mặc định</li> <li>- Trạng thái hoạt động</li> <li>- Thông tin bổ sung khác</li> </ul>				
5	PO005	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý tạo mới nhà cung cấp	Hệ thống cần có khả năng cho phép người dùng thực hiện tạo mới nhà cung cấp bằng cách tải từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,3		
6	PO006	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý tạo mới nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để người có thẩm quyền phê duyệt và xác thực thông tin nhà cung cấp tạo mới trong hệ thống	Trung bình	0,3		
7	PO007	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý tạo mới nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để người dùng tải file đính kèm, với các định dạng PDF, .doc, .docx, .xls, .xlsx, .jpg, .png, ... Khi thực hiện tạo mới hoặc cập nhật thông tin nhà cung cấp	Trung bình	0,3		
8	PO008	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý chỉnh sửa thông tin	Hệ thống cần có tính năng để quản lý việc thay đổi thông tin/hủy nhà cung cấp. Điều này có thể được thực hiện thông qua việc đưa ra yêu cầu thay đổi	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			nhà cung cấp	hoặc bằng cách cập nhật dữ liệu hiện có trên hệ thống với cơ chế phê duyệt phù hợp				
9	PO009	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý chỉnh sửa thông tin nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để lưu trữ lịch sử thay đổi thông tin nhà cung cấp	Trung bình	0,3		
10	PO010	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý chỉnh sửa thông tin nhà cung cấp	Hệ thống cần có chức năng chuyển trạng thái hoạt động đối với những nhà cung cấp đã dừng hoạt động	Bắt buộc	0,9		
11	PO011	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Quản lý phân quyền dữ liệu nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý thông tin nhà cung cấp	Bắt buộc	0,9		
12	PO012	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng chặn nhà cung cấp dựa trên các điều kiện nhất định (NCC không còn dùng nữa...). Các giao dịch sau không thể thực hiện khi đã chặn nhà cung cấp: - Tạo hợp đồng và đơn mua hàng - Nhập hàng - Tạo hóa đơn công nợ - Thanh toán	Bắt buộc	0,9		
13	PO013	Quản lý danh	Yêu cầu chung (áp	Hệ thống cần có tính năng để quản lý mối quan hệ giữa nhà cung cấp chính và các chi nhánh của nhà cung cấp	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		mục nhà cung cấp	dụng chung)					
14	PO014	Quản lý danh mục nhà cung cấp	Yêu cầu chung (áp dụng với mặt hàng Vàng)	Hệ thống cần có chức năng để tự động tạo mã nhà cung và lưu vào danh mục dữ liệu dùng chung, khi người dùng nhập thông tin trực tiếp tại đơn mua hàng (cho các giao dịch mua vàng tại cửa hàng)	Trung bình	0,3		
15	PO015	Quản lý bảng giá mua hàng	Quản lý thông tin chung bảng giá	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo rằng bảng giá mua hàng là duy nhất trong quá trình tạo bảng giá mua hàng mới trên hệ thống	Cao	0,6		
16	PO016	Quản lý bảng giá mua hàng	Quản lý tạo mới bảng giá mua hàng	Hệ thống cần có khả năng duy trì cơ sở dữ liệu tập trung của bảng giá mua hàng nhà cung cấp với các thông tin (không giới hạn) sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số bảng giá</li> <li>- Tên bảng giá</li> <li>- Mã nhà cung cấp</li> <li>- Thông tin sản phẩm</li> <li>- Thông tin giá mua</li> <li>- Thông tin chiết khấu mua hàng</li> <li>- Thời gian hiệu lực</li> </ul>	Cao	0,6		
17	PO017	Quản lý bảng giá mua hàng	Quản lý tạo mới bảng giá mua hàng	Hệ thống cần có tính năng để người dùng tải file đính kèm, với các định dạng PDF, .doc, .docx, .xls, .xlsx, .jpg, .png, ...	Trung bình	0,3		
18	PO018	Quản lý bảng giá	Quản lý chỉnh sửa thông tin	Hệ thống cần có tính năng để quản lý việc thay đổi thông tin/hủy bảng giá.	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		mua hàng	bảng giá mua hàng					
19	PO019	Quản lý bảng giá mua hàng	Quản lý chỉnh sửa thông tin bảng giá mua hàng	Hệ thống cần có tính năng để lưu trữ lịch sử thay đổi thông tin bảng giá	Trung bình	0,3		
20	PO020	Quản lý bảng giá mua hàng	Quản lý phân quyền dữ liệu bảng giá	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý thông tin bảng giá	Cao	0,6		
21	PO021	Quản lý bảng giá mua hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng chặn việc lập đơn mua hàng áp với bảng giá dựa trên các điều kiện nhất định (bảng giá hết hiệu lực, dừng hoạt động)	Cao	0,6		
22	PO022	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người phê duyệt tự động xác định dựa trên ma trận phê duyệt đã được định nghĩa trên hệ thống.	Bắt buộc	0,9		
23	PO023	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng tạo báo cáo cho các yêu cầu mua hàng / đơn mua hàng / hợp đồng mua hàng. Báo cáo dựa trên tình trạng chứng từ như mở, đóng, đã xử lý một phần, hóa đơn đang chờ xử lý	Bắt buộc	0,9		
24	PO024	Quy trình từ yêu cầu	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng hiển thị tất cả các giao dịch liên quan đến đơn đặt	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	dùng chung)	hàng (Yêu cầu mua hàng, nhập kho, hóa đơn)				
25	PO025	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng quản lý nhiều đơn vị tính (UOM) cho một vật tư, hàng hóa, ví dụ: miếng, trọng lượng, ... Cần có tính năng chuyển đổi cụ thể giữa các đơn vị tính này	Bắt buộc	0,9		
26	PO026	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng tự động chuyển đổi số lượng vật tư, hàng hóa theo các đơn vị tính khác nhau	Bắt buộc	0,9		
27	PO027	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng tìm kiếm vật tư, hàng hoá dựa trên các đặc điểm và tham số khác nhau	Trung bình	0,3		
28	PO028	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng trả trước nhà cung cấp với việc tham chiếu đến đơn đặt hàng	Trung bình	0,3		
29	PO029	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng thể hiện được thuế suất áp dụng cho các vật tư, hàng hóa và dịch vụ	Bắt buộc	0,9		
30	PO030	Quy trình từ yêu cầu	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng để tạo chứng từ điều chỉnh giảm công nợ khi	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	dụng chung)	trả hàng cho nhà cung cấp nếu đơn đặt hàng đã tạo hóa đơn				
31	PO031	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng cung cấp báo cáo từ yêu cầu mua hàng đến thanh toán cho nhà cung cấp, chẳng hạn như yêu cầu mua hàng, yêu cầu báo giá (RFQ), đơn đặt hàng, nhập kho, hóa đơn, thanh toán cho nhà cung cấp	Cao	0,6		
32	PO032	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Yêu cầu chung (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng khi nhập mã nhà cung cấp trên giao dịch, phải kiểm tra đến danh sách đen đã được cập nhật trên hệ thống. Nếu mã nhà cung cấp nhập nằm trong danh sách đen, thì cần cảnh báo cho người dùng (cảnh báo hoặc chặn tạo đơn hàng với mã nhà cung cấp này)	Bắt buộc	0,9		
33	PO033	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu mua hàng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Số yêu cầu - Đơn vị yêu cầu - Bộ phận yêu cầu - Người yêu cầu - Ngày yêu cầu - Ngày cần hàng - Mô tả mục đích yêu cầu - Vật tư, hàng hoá, tài sản, CCCD, dịch vụ yêu cầu mua sắm	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Giá mua dự kiến</li> <li>- Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Địa điểm giao hàng</li> <li>- Khẩn cấp: Có/Không</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
34	PO034	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người dùng tải yêu cầu mua hàng từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,3		
35	PO035	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt yêu cầu mua hàng. Ma trận phê duyệt cần hỗ trợ nhiều điều kiện (giá trị, mặt hàng, người duyệt), người dùng có khả năng cấu hình được cây phê duyệt và điều kiện phê duyệt.	Bắt buộc	0,9		
36	PO036	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ trong quá trình mua sắm, khi một yêu cầu mua hàng được tạo trên hệ thống, là dữ liệu kế thừa cho các bước khác (quản lý yêu cầu báo giá, quản lý báo giá, quản lý đơn hàng, ...)	Bắt buộc	0,9		
37	PO037	Quy trình từ	Quản lý yêu cầu	Hệ thống cần có chức năng phân loại yêu cầu mua hàng dựa trên:	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		yêu cầu tới đặt hàng	mua hàng (áp dụng chung)	- Tính chất hàng hoá như mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ và vật tư tiêu dùng. - Đơn vị, bộ phận yêu cầu - Thời gian yêu cầu				
38	PO038	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống có khả năng quản lý trạng thái yêu cầu mua hàng để người yêu cầu theo dõi trên hệ thống: mở, đang thực hiện, đóng	Bắt buộc	0,9		
39	PO039	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu mua hàng	Bắt buộc	0,9		
40	PO040	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu báo giá, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Số yêu cầu - Đơn vị yêu cầu - Bộ phận yêu cầu - Người yêu cầu - Ngày yêu cầu - Ngày cần phản hồi - Sản phẩm cần báo giá - Số lượng - Đơn vị tính - Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian cần giao hàng</li> <li>- Địa điểm giao hàng</li> <li>- Khẩn cấp: Có/Không</li> <li>- Số đơn hàng bán</li> <li>- Đính kèm file</li> <li>- Nhà cung cấp cần báo giá</li> </ul>				
41	PO041	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng cho phép người dùng tạo yêu cầu báo giá, bằng cách chọn yêu cầu mua hàng đã tạo trên hệ thống.	Cao	0,6		
42	PO042	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người dùng tải yêu cầu báo giá từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,3		
43	PO043	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có tính năng gửi Email đến nhà cung cấp trên báo giá theo nội dung mail quy định	Trung bình	0,3		
44	PO044	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có khả năng quản lý trạng thái yêu cầu báo giá để người yêu cầu theo dõi trên hệ thống: mở, đang thực hiện, đóng	Cao	0,6		
45	PO045	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý yêu cầu báo giá	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu báo giá	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	(áp dụng chung)					
46	PO046	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có khả năng lưu trữ các yêu cầu báo giá, nhằm mục đích tổng hợp báo cáo theo yêu cầu quản trị	Cao	0,6		
47	PO047	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi báo giá, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số báo giá</li> <li>- Ngày báo giá</li> <li>- Ngày hiệu lực báo giá</li> <li>- Nhà cung cấp báo giá</li> <li>- Số yêu cầu báo giá</li> <li>- Sản phẩm báo giá</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Thời gian giao hàng</li> <li>- Địa điểm giao hàng</li> <li>- Điều khoản thanh toán</li> <li>- Điều kiện bảo hành</li> </ul>	Cao	0,6		
48	PO048	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý báo giá	Hệ thống cần có khả năng cho phép người dùng gắn file đính kèm báo giá.	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	(áp dụng chung)	Có khả năng quét thông tin từ file để tạo báo giá hoặc cho phép nhập tay.				
49	PO049	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người dùng tải báo giá từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,3		
50	PO050	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có tính năng cho phép người dùng so sánh báo giá từ nhiều nhà cung cấp cho cùng một hàng, hoặc cho cùng yêu cầu báo giá, giúp ra quyết định mua sắm tối ưu.	Cao	0,6		
51	PO051	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt báo giá. Ma trận phê duyệt cần hỗ trợ nhiều điều kiện (giá trị, mặt hàng, người duyệt), người dùng có khả năng cấu hình được cây phê duyệt và điều kiện phê duyệt.	Cao	0,6		
52	PO052	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có khả năng quản lý trạng thái báo giá để người yêu cầu theo dõi trên hệ thống: mở, đang thực hiện, đóng	Cao	0,6		
53	PO053	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý báo giá	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
54	PO054	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý báo giá (áp dụng chung)	Hệ thống có khả năng lưu trữ các báo giá, nhằm mục đích tổng hợp so sánh báo giá, và các báo cáo theo yêu cầu quản trị	Cao	0,6		
55	PO055	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi đơn hàng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số đơn hàng</li> <li>- Ngày đơn hàng</li> <li>- Ngày giao hàng</li> <li>- Nhà cung cấp</li> <li>- Nhân viên mua hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Loại tiền tệ</li> <li>- Tỷ giá</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Tổng giá trị đơn hàng</li> </ul>	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Điều khoản thanh toán - Đính kèm file				
56	PO056	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng, Trang sức)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi đơn hàng mua Vàng hoặc Trang sức, người dùng có thể ghi nhận thêm các thông tin sau: - Tuổi vàng - Số GIA (đối với Kim Cương)	Cao	0,6		
57	PO057	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng)	Hệ thống có tính năng để kiểm tra tồn kho theo từng mặt hàng tại thời điểm lập đơn đặt mua hàng. Đồng thời, đưa ra cảnh báo cho người dùng dựa trên quy định về trạng thái trong ngày: - Mức cảnh báo: Khi số lượng tồn kho chạm đến mức cảnh báo, hệ thống có thông báo ngay tại thời điểm lập đơn đặt mua hàng. - Mức dừng giao dịch: Khi số lượng tồn kho chạm đến mức dừng giao dịch, hệ thống có thông báo ngay tại thời điểm lập đơn đặt mua hàng, và không cho phép lưu đơn đặt mua hàng vào hệ thống, hoặc có thể chuyển sang phê duyệt đơn hàng.	Bắt buộc	0,9		
58	PO058	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng để tại thời điểm lập đơn đặt mua hàng, có cảnh báo với điều kiện trong ngày lũy kế giá trị giao dịch lớn hơn giá trị xác định (giá trị này người dùng có thể cấu	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				hình; ví dụ 20 triệu đồng, 30 triệu đồng, ...)				
59	PO059	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng tạo đơn đặt hàng mà không cần mã vật tư cho những vật tư không tồn kho, ví dụ như văn phòng phẩm, dịch vụ...	Bắt buộc	0,9		
60	PO060	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ người dùng tải đơn đặt mua hàng từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,3		
61	PO061	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng tạo đơn đặt mua hàng, bằng cách chọn đến báo giá đã được phê duyệt	Trung bình	0,3		
62	PO062	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng tạo đơn đặt mua hàng, bằng cách chọn đến yêu cầu mua hàng đã được phê duyệt	Bắt buộc	0,9		
63	PO063	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng để gộp nhiều yêu cầu mua hàng thành một đơn đặt mua hàng	Cao	0,6		
64	PO064	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý đơn đặt mua hàng	Hệ thống cần có chức năng tạo nhiều đơn đặt mua hàng, từ một yêu cầu mua hàng đã được phê duyệt	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	(áp dụng chung)					
65	PO065	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống có chức năng để người dùng cấu hình các cấp phê duyệt theo các điều kiện khác nhau như: - Giá trị đơn hàng, - Loại hàng, - Cấp phê duyệt theo quy định của VGJ: cửa hàng, PKD chi nhánh, PKD TSC, Giám đốc chi nhánh, phó TGD, TGD, Chủ tịch)	Bắt buộc	0,9		
66	PO066	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng quản lý loại đơn đặt hàng khác nhau: đơn hàng mua hàng hóa kinh doanh, đơn hàng mua sắm TSCĐ/CCDC, đơn hàng mua dịch vụ...	Bắt buộc	0,9		
67	PO067	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng & Trang sức)	Đối với nhóm hàng là Vàng & Trang sức, khi lập đơn mua hàng, hệ thống cần có tính năng để tính được biên độ giá niêm yết theo từng mặt hàng, của từng đơn vị (TSC, chi nhánh) (Biên độ giá niêm yết = Giá bán niêm yết – Giá mua niêm yết)	Bắt buộc	0,9		
68	PO068	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng & Trang sức)	Hệ thống cần có chức năng để khai báo điều kiện phê duyệt cho đơn đặt mua hàng theo các tiêu chí: - Khối lượng giao dịch theo phân cấp - Giá mua khác giá niêm yết trên bảng giá: căn cứ vào giá mua vào trên đơn	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				mua hàng và tỷ lệ biên độ giá - Cấp phê duyệt				
69	PO069	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng nguyên liệu)	Đối với nhóm hàng là Vàng nguyên liệu, hệ thống cần có chức năng tính giá thành sản xuất dự kiến. Giá thành sản xuất dự kiến được dựa trên định mức sản xuất thiết lập, đơn giá nguyên vật liệu (đơn giá tồn kho hoặc người dùng nhập vào)	Cao	0,6		
70	PO070	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng với Vàng nguyên liệu)	Với đơn hàng mua là Vàng nguyên liệu, hệ thống cần có chức năng để ước tính lợi nhuận, dựa trên giá Vàng thành phẩm niêm yết – giá thành sản xuất dự kiến.	Cao	0,6		
71	PO071	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng để cung cấp danh sách các nhà cung cấp được phê duyệt để mua vật tư. Trong khi tạo đơn đặt mua hàng, người mua hàng chỉ có thể chọn nhà cung cấp đã được phê duyệt/còn hiệu lực	Trung bình	0,3		
72	PO072	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng cho phép chỉnh sửa đơn mua hàng theo quy định, hủy đơn mua hàng.	Bắt buộc	0,9		
73	PO073	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý đơn đặt mua hàng	Hệ thống cần có chức năng để khi chỉnh sửa đơn mua hàng cần phải qua phê duyệt	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	(áp dụng chung)					
74	PO074	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng quản lý lịch sử giá của các mặt hàng mua (giá cuối cùng, ngày mua, nhà cung cấp, v.v...)	Bắt buộc	0,9		
75	PO075	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng để theo dõi tiến độ thực hiện đơn hàng theo trạng thái đơn hàng	Bắt buộc	0,9		
76	PO076	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý đơn hàng. Phân chia theo nhóm hàng, nhân viên mua hàng	Bắt buộc	0,9		
77	PO077	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý đơn đặt mua hàng (áp dụng chung)	Hệ thống cần có chức năng để người dùng lựa chọn mẫu in khác nhau khi in đơn đặt hàng mua	Cao	0,6		
78	PO078	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi hợp đồng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: - Số hợp đồng - Loại hợp đồng - Ngày hiệu lực hợp đồng - Nhà cung cấp - Nhân viên mua hàng	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Loại tiền tệ</li> <li>- Tỷ giá</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Tổng giá trị đơn hàng</li> <li>- Điều khoản thanh toán</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
79	PO079	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Hệ thống cần có tính năng cho phép tạo đơn đặt mua hàng từ hợp đồng. Một hợp đồng có thể tạo nhiều đơn hàng	Cao	0,6		
80	PO080	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Khi đơn hàng được tạo từ hợp đồng, hệ thống cần có tính năng warning (cảnh báo hoặc chặn), khi số lượng (hoặc giá trị) tổng đơn hàng lớn hơn hợp đồng	Trung bình	0,3		
81	PO081	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt hợp đồng mua hàng.	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng		Chức năng phê duyệt tương tự đơn hàng mua				
82	PO082	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Hệ thống có chức năng để in trực tiếp được hợp đồng theo mẫu quy định	Trung bình	0,3		
83	PO083	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng mua hàng	Hệ thống có chức năng để xuất được hợp đồng theo mẫu quy định ra file định dạng: PDF, .docx	Trung bình	0,3		
84	PO084	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý Hợp đồng	Hệ thống có tính năng để cảnh báo hợp đồng sắp hết hiệu lực	Trung bình	0,3		
85	PO085	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý hợp đồng mua hàng	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý hợp đồng mua hàng. Phân chia theo nhóm hàng, nhân viên mua hàng phụ trách	Bắt buộc	0,9		
86	PO086	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý chi phí mua hàng	Hệ thống cần có chức năng để ghi nhận chi phí logictis, đối với đơn mua hàng hoặc hợp đồng mua hàng nhập khẩu	Bắt buộc	0,9		
87	PO087	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý chi phí mua hàng	Hệ thống có chức năng cho phép người dùng định nghĩa tiêu thức phân	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng		bổ chi phí mua hàng, cho các mặt hàng trong đơn hàng				
88	PO088	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý chi phí mua hàng	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý chi phí mua hàng. Phân chia theo nhóm hàng, nhân viên mua hàng phụ trách	Bắt buộc	0,9		
89	PO089	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý chi phí mua hàng	Hệ thống có chức năng để tạm phân bổ chi phí mua hàng và phân bổ lại chi phí mua hàng vào giá vốn hàng mua	Cao	0,6		
90	PO090	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu trả hàng nhà cung cấp, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số yêu cầu trả hàng</li> <li>- Ngày yêu cầu</li> <li>- Nhà cung cấp</li> <li>- Nhân viên mua hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Lý do trả hàng</li> <li>- Số đơn mua hàng gốc</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Đơn giá</li> <li>- Chiết khấu (nếu có)</li> <li>- Thuế suất VAT</li> </ul>	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng tiền từng mặt hàng</li> <li>- Thông tin chi tiết: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
91	PO091	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng cho phép tạo yêu cầu trả hàng, bằng cách chọn đơn đặt mua hàng gốc.	Cao	0,6		
92	PO092	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để cho phép tạo một yêu cầu trả hàng từ nhiều đơn đặt mua hàng gốc, của cùng nhà cung cấp	Trung bình	0,3		
93	PO093	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để cho phép tạo nhiều yêu cầu trả hàng từ một đơn đặt mua hàng gốc	Trung bình	0,3		
94	PO094	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng phê duyệt yêu cầu trả hàng nhà cung cấp Ma trận phê duyệt cần hỗ trợ nhiều điều kiện (giá trị, mặt hàng, số lượng, người duyệt), người dùng có khả năng cấu hình được cây phê duyệt và điều kiện phê duyệt.	Cao	0,6		
95	PO095	Quy trình từ yêu cầu	Quản lý yêu cầu trả	Hệ thống cần có tính năng tải file đính kèm	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		tới đặt hàng	hàng nhà cung cấp					
96	PO096	Quy trình từ yêu cầu tới đặt hàng	Quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp. Phân chia theo nhóm hàng, nhân viên mua hàng phụ trách	Bắt buộc	0,9		

#### e. Quản lý kho

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	IN001	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý thông tin Item	Hệ thống cần có chức năng quản lý dữ liệu danh mục vật tư tập trung với tất cả các đối tượng, bao gồm: Vật tư, hàng hoá, thành phẩm, bán thành phẩm, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, dịch vụ, ... Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý danh mục Item (thêm mới mã, chỉnh sửa thông tin, dừng hoạt động cho mã, xoá mã, ...)	Bắt buộc	0,54		
2	IN002	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm	Quản lý thông tin Item	Hệ thống cần có tính năng để quản lý mã Item là giá trị duy nhất khi người dùng tạo mới trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		phẩm (Item)						
3	IN003	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý thông tin Item	Hệ thống cần có tính năng hỗ trợ cảnh báo khi người dùng nhập thông tin item trùng với thông tin của item đã tồn tại trên hệ thống (ví dụ như tên item)	Trung bình	0,18		
4	IN004	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý thông tin Item	Hệ thống cần cho phép tổ chức theo các nhóm thông tin: - Hình ảnh tiêu chuẩn sản phẩm - Thông tin cơ bản: mã item, tên item, đơn vị tính lưu khi, phân loại (item type), phân nhóm (item group) ... - Thông tin chung: nơi sản xuất, thuộc tính item, trạng thái item, ... - Thông tin mua hàng: NCC mặc định, đơn vị tính mặc định khi mua hàng, thuế suất VAT mặc định khi mua, thuế nhập khẩu mặc định, ... - Thông tin bán hàng: đơn vị tính mặc định khi bán hàng, thuế suất VAT mặc định khi mua, thuế nhập khẩu mặc định, ... - Thông tin kho hàng: Phương pháp tính giá hàng tồn kho, chọn kho mặc định khi thực hiện giao dịch, chọn kho không cho phép	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<p>thực hiện giao dịch, khai báo số lượng tồn kho tối đa, khai báo số lượng tồn kho tối thiểu, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin kế hoạch: phương pháp mua sắm (sản xuất, đi mua), Số lượng tối thiểu (MOQ), thời gian giao hàng (leadtime), ...</li> <li>- Thông tin về sản xuất: phương pháp xuất kho (tự động, thủ công), số công đoạn sản xuất, định mức ảo (Phantom item)</li> <li>- Tuổi tồn kho (Hạn sử dụng) quy định: người dùng nhập tuổi tồn kho cho mặt hàng trên hệ thống[hD1]</li> <li>- Đính kèm file</li> </ul>				
5	IN005	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý tạo mã Item	Hệ thống cần có khả năng cho phép người dùng thực hiện tạo mới mã item, bằng cách tải từ một tệp bên ngoài như Excel hoặc CSV lên hệ thống	Trung bình	0,18		
6	IN006	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý thay đổi thông tin Item	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện chỉnh sửa thông tin item trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
7	IN007	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Quản lý thay đổi thông tin Item	Hệ thống cần có tính năng lưu lịch sử chỉnh sửa thông tin item theo thời gian, nội dung chỉnh sửa, người thực hiện	Trung bình	0,18		
8	IN008	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để quản lý hàng hoá theo serial, lô batch	Cao	0,36		
9	IN009	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần cho phép tìm kiếm item với đa dạng thông như: - Thông tin item: mã item, tên item, nhóm item, ... - Theo nhà cung cấp, - Theo khách hàng, - Theo kho, - Theo trạng thái	Cao	0,36		
10	IN010	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để quản lý hàng hoá theo nhiều đơn vị tính khác nhau (UoM). Các đơn vị tính khác có thể khai báo quy cách quy đổi với đơn vị tính lưu kho.	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		phẩm (Item)		Ví dụ: Vàng có thể lựa chọn đơn vị tính quản lý kho là chỉ, đơn vị quy đổi là lượng (1 lượng = 10 chỉ)				
11	IN011	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để cho phép đơn vị tính quy đổi được áp dụng cho các giao dịch mua, bán	Bắt buộc	0,54		
12	IN012	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần hỗ trợ quản lý các thông tin liên quan đến nguồn gốc sản xuất, lô sản xuất, vị trí lưu kho, kiểm tra tồn kho, quản lý chất lượng, cũng được thiết lập để làm cơ sở cho việc lên kế hoạch cung ứng và thực hiện đơn hàng mua.	Trung bình	0,18		
13	IN013	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ truy xuất nguồn gốc của item, thông qua việc cho phép quản lý hàng theo lô (Lot/Batch), số serial, QR CODE	Cao	0,36		
14	IN014	Quản lý danh mục vật tư,	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ để có thể sử dụng hình ảnh tiêu chuẩn sản phẩm ở thông	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		hàng hoá, thành phẩm (Item)		tin item cho các mẫu in chứng từ liên quan, hoặc biên bản kiểm kê định kỳ				
15	IN015	Quản lý danh mục vật tư, hàng hoá, thành phẩm (Item)	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng chặn item dựa trên các điều kiện nhất định (ví dụ item ngừng hoạt động). Các giao dịch sau không thể thực hiện khi đã chặn item: - Xuất kho bán hàng - Nhập kho mua hàng - Điều chuyển kho - Xuất khác - Nhập khác	Bắt buộc	0,54		
16	IN016	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thông tin kho	Hệ thống cần có chức năng để quản lý toàn bộ kho hàng trên hệ thống tập trung. Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý danh mục kho (thêm mới mã, chỉnh sửa thông tin, dừng hoạt động cho mã, xoá mã, ...)	Bắt buộc	0,54		
17	IN017	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng để đảm bảo rằng mã kho là giá trị duy nhất trong quá trình tạo mã kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
18	IN018	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng hỗ trợ cảnh báo khi người dùng nhập thông tin kho trùng với mã kho đã tồn tại trên hệ thống (ví dụ như tên kho)	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
19	IN019	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng cho phép gán kho với đơn vị, như: - Kho tại trụ sở chính - Kho tại chi nhánh - Kho tại cửa hàng - Kho giữ hàng hộ khách	Bắt buộc	0,54		
20	IN020	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thay đổi thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng để người dùng được chỉnh sửa thông tin kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
21	IN021	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thay đổi thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng để tạm dừng hoạt động với các kho không có nhu cầu sử dụng	Bắt buộc	0,54		
22	IN022	Quản lý danh mục kho hàng	Quản lý thay đổi thông tin kho	Hệ thống cần có tính năng lưu lịch sử thay đổi của kho	Trung bình	0,18		
23	IN023	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập hàng	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu nhập hàng, bằng cách chọn đến đơn đặt mua hàng (PO) được phê duyệt (tham chiếu quản lý mua hàng)	Bắt buộc	0,54		
24	IN024	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập hàng	Phiếu nhập hàng được kế thừa dữ liệu từ đơn đặt hàng (PO), giúp giảm thao tác thủ công và bảo toàn về mặt dữ liệu: - Nhà cung cấp - Mặt hàng	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng (số lượng còn lại cần nhập)</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho nhập</li> <li>- Đơn vị nhập (TSC, chi nhánh)</li> <li>- Nhân viên mua hàng</li> <li>- Số PO</li> </ul>				
25	IN025	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhận hàng	Hệ thống cần có tính năng để không tăng tồn kho đối với hàng hoá trên phiếu nhận hàng	Bắt buộc	0,54		
26	IN030	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý kiểm tra hàng mua (áp dụng chung)	Hệ thống cần có tính năng để liên kết với PO trên hệ thống, thừa hưởng thông tin của PO. Khi nhập kho từ PO, hệ thống cần cho phép được chỉnh sửa một số thông tin so với PO (số lượng, kho hàng, ...), và không cho phép chỉnh sửa một số thông tin trên PO (đơn giá, mặt hàng, nhà cung cấp, ...)	Cao	0,36		
27	IN031	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý kiểm tra hàng mua (áp dụng chung)	Hệ thống cần có khả năng cảnh báo tại thời điểm thực hiện nhập kho hàng mua trên hệ thống, khi số lượng nhập mua hàng lũy kế vượt số lượng đặt hàng trên PO (cảnh báo vượt số lượng hoặc chặn nhập số lượng vượt PO)	Trung bình	0,18		
28	IN032	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý kiểm tra hàng mua	Hệ thống cần có tính năng để người dùng nhập kho hàng hoá theo lô (lot/batch), hoặc theo serial (hoặc GIA), nếu mã item được chọn quản lý theo lô hoặc serial	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			(áp dụng chung)					
29	IN033	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập kho hàng mua (áp dụng với hàng quà tặng)	Khi nhập kho hàng hoá, hệ thống cần hỗ trợ quản lý trạng thái hàng hoá sau khi đã xác nhận trên phiếu kiểm tra chất lượng	Bắt buộc	0,54		
30	IN034	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập kho (áp dụng với hàng nhập khẩu)	Hệ thống cần có tính năng để khai báo thông tin bổ sung để theo dõi riêng đối với hàng nhập khẩu (số lô hàng, số vận đơn, ngày nhận hàng dự kiến, ...)	Bắt buộc	0,54		
31	IN035	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập kho (áp dụng với hàng nhập khẩu)	Hệ thống cần có chức năng nhập tỷ giá quy đổi cho từng phiếu nhập kho hàng nhập khẩu	Cao	0,36		
32	IN036	Quy trình nhập kho mua hàng	Quản lý nhập kho (áp dụng với hàng nhập khẩu)	Hệ thống cần có chức năng cho phép kiểm tra lịch sử thanh toán/tạm ứng cho PO (hoặc hợp đồng mua hàng), các thông cơ bản cần có: - Phiếu chi: số phiếu, ngày - Số tiền chi (ngoại tệ) - Tỷ giá quy đổi	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Nội dung thanh toán - Tổng cộng giá trị các phiếu chi				
33	IN037	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng sinh mã QR CODE để quản lý hàng hoá sau khi nhập kho. Các thông tin cơ bản cần quản lý trên QR CODE bao gồm: - Thông tin sản phẩm: mã sản phẩm, tên sản phẩm, đơn vị tính, trạng thái - Thông tin truy xuất nguồn gốc: số phiếu nhập, nhà cung cấp, số lô hoặc serial (nếu có), ngày nhập kho	Cao	0,36		
34	IN038	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để liên kết phiếu nhập kho mua hàng với số PO, cập nhật trạng thái đơn hàng dựa trên phiếu nhập kho Người dùng có thể theo dõi được số lượng đã nhập kho so với số lượng đơn hàng.	Cao	0,36		
35	IN039	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để chặn việc gọi PO đã hoàn thành, hoặc đã đóng, hoặc đã huỷ, để tạo phiếu nhập kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
36	IN040	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu nhập kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
37	IN041	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Khi phiếu nhập kho hàng mua được hoàn tất, hệ thống phải tự động tăng số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực.				
38	IN042	Quy trình nhập kho mua hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ nhập kho hàng mua. Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu cầu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Trung bình	0,18		
39	IN043	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Quản lý xuất kho trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu xuất hàng trả nhà cung cấp, bằng cách chọn đến yêu cầu trả hàng nhà cung cấp được phê duyệt (tham chiếu quản lý yêu cầu trả hàng nhà cung cấp)	Bắt buộc	0,54		
40	IN044	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Quản lý xuất kho trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống cần có tính năng để liên kết với yêu cầu trả hàng trên hệ thống, thừa hưởng thông tin của yêu cầu trả hàng. Khi xuất kho trả hàng nhà cung cấp, hệ thống cần cho phép được chỉnh sửa một số thông tin so với yêu cầu trả hàng (số lượng, kho hàng, lý do trả hàng, trạng thái hàng hoá ...), và không cho phép chỉnh sửa một số thông tin (mặt hàng, nhà cung cấp, ...)	Bắt buộc	0,54		
41	IN045	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Quản lý xuất kho trả hàng nhà cung cấp	Hệ thống phải hỗ trợ, ngoài việc xuất trả hàng dựa trên yêu cầu trả hàng trên hệ thống, cần phải cho phép thực hiện xuất trả hàng không dựa trên yêu cầu trả hàng. Khi đó, người dùng xác định các thông tin của phiếu xuất trả:	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Thông tin nhà cung cấp trả hàng - Thông tin sản phẩm trả: mặt hàng, số lượng, trạng thái hàng hoá				
42	IN046	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Quản lý xuất kho trả hàng nhà cung cấp	Khi thực hiện xuất kho trả hàng, hệ thống có tính năng để lựa chọn lô, serial cụ thể để trả hàng (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,54		
43	IN047	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Yêu cầu chung	Khi phiếu xuất kho trả hàng nhà cung cấp được hoàn tất, hệ thống phải tự động giảm số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực.	Bắt buộc	0,54		
44	IN048	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Yêu cầu chung	Khi phiếu xuất kho trả hàng nhà cung cấp được hoàn tất, hệ thống phải tự động update đơn giá xuất kho, căn cứ: - Nếu sản phẩm quản lý theo lô hoặc serial thì đơn giá xuất kho là đơn giá của lô hoặc serial khi nhập kho - Nếu sản phẩm không quản lý theo lô hoặc serial, đơn giá xuất kho là đơn giá khi nhập mua theo PO	Bắt buộc	0,54		
45	IN049	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ xuất kho trả hàng nhà cung cấp Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				câu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)				
46	IN050	Quy trình xuất trả hàng nhà cung cấp	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu xuất kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
47	IN051	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu xuất kho hàng đi gia công, với phiếu xuất kho này cần có thông tin để tham chiếu đến hợp đồng (hoặc đơn hàng) gia công, hợp đồng bán hàng (hoặc đơn bán hàng (SO))	Cao	0,36		
48	IN052	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Khi thực hiện xuất kho hàng đi gia công, hệ thống có tính năng để lựa chọn lô, serial cụ thể để trả hàng (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,54		
49	IN053	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Khi phiếu xuất kho hàng đi gia công được hoàn tất, hệ thống phải tự động giảm số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		
50	IN054	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Khi phiếu xuất kho trả hàng nhà cung cấp được hoàn tất, hệ thống phải tự động update đơn giá xuất kho (đơn giá hạch toán trên hệ thống), căn cứ: - Nếu sản phẩm quản lý theo lô hoặc serial thì đơn giá xuất kho là đơn giá của lô hoặc	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				serial khi nhập kho - Nếu sản phẩm không quản lý theo lô hoặc serial, đơn giá xuất kho là đơn giá khi nhập mua theo PO				
51	IN055	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Ngoài đơn giá xuất kho hạch toán, hệ thống cần cho phép người dùng nhập đơn giá thỏa thuận với đơn vị gia công (giá tham chiếu để khi xảy ra sự cố hàng hoá để hai bên có căn cứ xử lý)	Bắt buộc	0,54		
52	IN056	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ xuất kho hàng đi gia công Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu cầu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Trung bình	0,18		
53	IN057	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý xuất kho hàng gia công	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu xuất kho hàng gia công được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
54	IN058	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu nhập kho hàng đã gia công, bằng cách chọn đến phiếu xuất đi gia công Với phiếu nhập kho này cần có thông tin để tham chiếu đến: - Phiếu xuất kho hàng đi gia công - Hợp đồng (hoặc đơn hàng) gia công	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Hợp đồng bán hàng (hoặc đơn bán hàng (SO))				
55	IN059	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Khi thực hiện nhập kho hàng đã gia công, hệ thống cần có tính năng để cảnh báo về số lượng nhập kho so với số lượng xuất gia công (cảnh báo vượt số lượng hoặc chặn nhập số lượng vượt)	Trung bình	0,18		
56	IN060	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận chi phí gia công để ghi tăng giá trị hàng hoá	Bắt buộc	0,54		
57	IN061	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Khi phiếu nhập kho hàng đã gia công được hoàn tất, hệ thống phải tự động tăng số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		
58	IN062	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ nhập kho hàng đã gia công Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu cầu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ... )	Trung bình	0,18		
59	IN063	Quy trình gia công hàng hoá	Quản lý nhập kho hàng gia công	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu nhập kho hàng gia công được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
60	IN064	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu xuất kho bán hàng, bằng cách chọn đến đơn hàng báo (SO) hoặc hợp đồng bán hàng đã phê duyệt trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
61	IN065	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có tính năng để chặn việc gọi SO hoặc hợp đồng bán hàng đã hoàn thành, hoặc đã đóng, hoặc đã hủy, để tạo phiếu xuất kho bán hàng trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
62	IN066	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có khả năng cảnh báo tại thời điểm thực hiện xuất kho hàng bán trên hệ thống, khi số lượng xuất kho bán hàng lũy kế vượt số lượng đặt hàng trên SO hoặc hợp đồng (cảnh báo vượt số lượng hoặc chặn xuất số lượng vượt SO hoặc hợp đồng)	Cao	0,36		
63	IN067	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu xuất kho bán hàng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu xuất kho</li> <li>- Ngày xuất kho</li> <li>- Số đơn hàng/hợp đồng</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Số lô/Serial (nếu có)</li> <li>- Trạng thái hàng hoá</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> <li>- Số vận đơn</li> <li>- Đơn vị vận chuyển</li> <li>- Người nhận hàng</li> <li>- Trạng thái giao hàng</li> </ul>				
64	IN068	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có chức năng hỗ trợ tải lên và lưu trữ các biên bản bàn giao, hình ảnh giao nhận hàng hoá, sau khi hàng hóa được bàn giao cho người vận chuyển	Trung bình	0,18		
65	IN069	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng (áp dụng với hàng xuất khẩu)	Hệ thống cần có tính năng để khai báo thông tin bổ sung để theo dõi riêng đối với hàng xuất khẩu (số lô hàng, số vận đơn, phương thức bán hàng (CIF/FOC), số kiểm định ...)	Cao	0,36		
66	IN070	Quy trình xuất kho bán hàng	Quản lý xuất kho bán hàng	Hệ thống cần có tính năng để khi xuất kho hàng người dùng chọn đến từng lô (lot/batch), hoặc theo serial (hoặc GIA), nếu mã hàng xuất kho được quản lý theo lô hoặc serial	Bắt buộc	0,54		
67	IN071	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để liên kết phiếu xuất kho bán hàng với số SO, cập nhật trạng thái SO dựa trên phiếu xuất kho	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Người dùng có thể theo dõi được số lượng đã xuất kho so với số lượng đơn hàng				
68	IN072	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để tự động tạo phiếu xuất kho, căn cứ trên đơn hàng (SO) với điều kiện nhất định (SO chọn đồng thời xuất kho, áp dụng với hàng hoá không quản lý theo lô hoặc serial)	Trung bình	0,18		
69	IN073	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Khi phiếu xuất kho bán hàng được hoàn tất, hệ thống phải tự động giảm số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực.	Bắt buộc	0,54		
70	IN074	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ xuất kho bán hàng. Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu cầu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Cao	0,36		
71	IN075	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu xuất kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
72	IN076	Quy trình xuất kho bán hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng tích hợp phiếu xuất kho với hệ thống của đơn vị vận chuyên, để đồng bộ thông tin về: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về người nhận hàng, số vận đơn nhận từ hệ thống của đơn vị vận chuyên</li> <li>- Thông tin về người giao hàng, thời gian</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				giao hàng cung cấp cho hệ thống đơn vị vận chuyên				
73	IN077	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu xuất nhập hàng bán bị trả lại, bằng cách chọn đến yêu cầu nhập hàng bán bị trả lại được phê duyệt (tham chiếu quản lý yêu cầu nhập hàng bán trả lại)	Bắt buộc	0,54		
74	IN078	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu nhập kho</li> <li>- Ngày nhập kho</li> <li>- Số yêu cầu nhập hàng bán trả lại</li> <li>- Số đơn hàng/hợp đồng</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Lý do nhập hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Thông tin lỗi: mô tả thông tin chi tiết lỗi</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Số Lô/Serial</li> <li>- Trạng thái hàng hoá</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Trung tâm chi phí - Người giao hàng				
75	IN079	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Hệ thống cần có tính năng để liên kết với yêu cầu nhập hàng bán trả lại trên hệ thống, thừa hưởng thông tin của yêu cầu nhập hàng bán trả lại Khi nhập kho hàng bán bị trả lại, hệ thống cần cho phép được chỉnh sửa một số thông tin so với yêu cầu nhập hàng bán trả lại (số lượng, kho hàng, lý do trả hàng, trạng thái hàng hoá ...), và không cho phép chỉnh sửa một số thông tin (mặt hàng, khách hàng, nhân viên bán hàng ...)	Bắt buộc	0,54		
76	IN080	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Khi thực hiện nhập kho trả hàng, hệ thống cần có tính năng để kiểm tra thông tin về lô, serial đã xuất kho bán hàng (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial) Và có cảnh báo khi nhập lại khác số lô, số serial với khi xuất kho bán (cảnh báo thông tin sai khác hoặc chặn tạo giao dịch với thông tin sai khác)	Cao	0,36		
77	IN081	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Khi phiếu nhập kho hàng bán trả lại được hoàn tất, hệ thống phải tự động tăng số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực.	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
78	IN082	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	<p>Khi phiếu nhập kho hàng bán trả lại được hoàn tất, hệ thống phải tự động update đơn giá nhập kho, căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu sản phẩm quản lý theo lô hoặc serial thì đơn giá nhập kho là đơn giá của lô hoặc serial khi xuất kho bán</li> <li>- Nếu sản phẩm không quản lý theo lô hoặc serial, đơn giá nhập kho là đơn giá khi xuất kho bán</li> <li>- Người dùng được phép nhập lại đơn giá nhập kho, và có cảnh báo về đơn giá (khi đơn giá nhập lớn hơn đơn giá tại thời điểm xuất bán, thì cảnh báo hoặc chặn nhập đơn giá)</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
79	IN083	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	<p>Hệ thống có chức năng để tạo được nhiều mẫu in cho chứng từ nhập kho hàng bán trả lại</p> <p>Người dùng được lựa chọn mẫu in theo nhu cầu, có thể in trực tiếp hoặc xuất ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)</p>	Trung bình	0,18		
80	IN084	Quy trình nhập hàng bán trả lại	Quản lý nhập kho hàng bán trả lại	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu nhập kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
81	IN085	Quy trình quản lý hàng giữ	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu nhập kho đối với hàng hoá giữ hộ khách hàng (áp dụng với trường hợp đã thực hiện	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		hộ khách hàng		xuất hoá đơn cho đơn hàng bán, tuy nhiên hàng vẫn chưa được xuất kho bàn giao cho khách hàng)				
82	IN086	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để phiếu nhập kho hàng giữ hộ, có thể tham chiếu đến đơn hàng bán gốc để kế thừa một số thông tin như khách hàng, sản phẩm, số lượng, đơn giá, ...	Trung bình	0,18		
83	IN087	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Quản lý nhập kho hàng giữ hộ	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu nhập kho hàng giữ hộ, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu nhập</li> <li>- Ngày nhập</li> <li>- Loại phiếu nhập</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Lý do nhập</li> <li>- Mục đích</li> <li>- Số đơn hàng bán gốc</li> <li>- Số phiếu xuất kho gốc</li> <li>- Người quản lý hàng hoá</li> <li>- Thời gian giữ hộ</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> </ul>	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái hàng hoá</li> </ul>				
84	IN088	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Quản lý xuất kho hàng giữ hộ	Hệ thống có tính năng để tạo phiếu xuất kho hàng giữ hộ, bằng cách chọn đến phiếu nhập kho hàng giữ hộ, các thông tin được kế thừa từ phiếu nhập kho hàng giữ hộ	Trung bình	0,18		
85	IN089	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Quản lý xuất kho hàng giữ hộ	<p>Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu xuất kho hàng giữ hộ, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu xuất</li> <li>- Ngày xuất</li> <li>- Loại phiếu xuất</li> <li>- Khách hàng</li> <li>- Nhân viên bán hàng</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Số phiếu nhập</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái hàng hoá</li> </ul>	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
86	IN090	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để khi thực hiện xuất kho hàng giữ hộ, hệ thống cập nhật trạng thái cho phiếu nhập kho hàng giữ hộ	Trung bình	0,18		
87	IN091	Quy trình quản lý hàng giữ hộ khách hàng	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để phiếu xuất kho hàng giữ hộ, không nhập đơn giá và không sinh hạch toán kế toán trên hệ thống (chỉ quản lý về số lượng và trạng thái chứng từ)	Trung bình	0,18		
88	IN092	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán, bằng cách chọn đến yêu cầu sửa chữa đã được phê duyệt tờ trình	Bắt buộc	0,54		
89	IN093	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để sau khi nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán, sẽ cập nhật trạng thái cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Bắt buộc	0,54		
90	IN094	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa	Quản lý nhập kho cho yêu cầu sửa	Khi phiếu nhập nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán được hoàn tất, hệ thống phải tự động cập nhật số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		hàng đã bán	chữa hàng đã bán	hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực				
91	IN095	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống có chức năng để tạo mẫu in theo yêu cầu cho chứng từ nhập kho cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Trung bình	0,18		
92	IN096	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu xuất kho hàng đi sửa chữa trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
93	IN097	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để link đến yêu cầu sửa chữa hàng đã bán, khi thực hiện xuất kho hàng đi sửa chữa	Bắt buộc	0,54		
94	IN098	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa hàng đã bán	Khi phiếu nhập xuất hàng đi sửa chữa được hoàn tất, hệ thống phải tự động cập nhật số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
95	IN099	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống cần có tính năng để sau khi xuất kho hàng đi sửa chữa hoàn tất, sẽ cập nhật trạng thái cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán	Bắt buộc	0,54		
96	IN100	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa hàng đã bán	Hệ thống có chức năng để tạo mẫu in theo yêu cầu cho chứng từ xuất hàng đi sửa chữa	Trung bình	0,18		
97	IN101	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu nhập kho hàng đã sửa chữa, bằng cách chọn đến phiếu xuất kho trước đó	Bắt buộc	0,54		
98	IN102	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng cho phép nhập kho nhiều lần cho một yêu cầu sửa chữa	Trung bình	0,18		
99	IN103	Quy trình xuất – nhập kho	Quản lý nhập kho	Hệ thống cần có tính năng để sau khi nhập kho hàng đi sửa chữa hoàn tất, sẽ cập nhật	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sửa chữa hàng đã bán	hàng đã sửa chữa	trạng thái cho yêu cầu sửa chữa hàng đã bán				
100	IN104	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Khi thực hiện nhập kho hàng đã sửa chữa, hệ thống cần có tính năng để cảnh báo về số lượng nhập kho so với số lượng xuất đi (cảnh báo vượt số lượng hoặc chặn nhập số lượng vượt)	Trung bình	0,18		
101	IN105	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Khi phiếu nhập kho hàng đã sửa chữa được hoàn tất, hệ thống phải tự động cập nhật số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		
102	IN106	Quy trình xuất – nhập kho sửa chữa hàng đã bán	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống có chức năng để tạo mẫu in theo yêu cầu cho chứng từ nhập kho hàng đã sửa chữa	Trung bình	0,18		
103	IN107	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống cần có chức năng để tạo yêu cầu chuyển hàng như yêu cầu hàng từ kho TSC đến kho cửa hàng, kho chi nhánh đến kho cửa hàng thuộc chi nhánh, giữa các kho TCS, giữa các kho của chi nhánh	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
104	IN108	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống cần có tính năng để chặn không cho phép điều chuyển hàng giữa các kho của TSC và kho chi nhánh, hoặc giữa các kho của chi nhánh HCM với các kho của chi nhánh Đà Nẵng (thực tế đang mua-bán nội bộ)	Trung bình	0,18		
105	IN109	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu yêu cầu điều chuyển kho, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu yêu cầu điều chuyển</li> <li>- Ngày cần điều chuyển</li> <li>- Người đề nghị</li> <li>- Lý do điều chuyển</li> <li>- Tham chiếu đến chứng từ (đơn hàng bán, hợp đồng bán, ...)</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho điều chuyển</li> <li>- Kho nhận điều chuyển</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
106	IN110	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều	Hệ thống cần có tính năng để khi lập yêu cầu điều chuyển kho, có thể tra cứu được tồn kho	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			chuyển kho					
107	IN111	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống cần có tính năng cấu hình cây phê duyệt cho yêu cầu điều chuyển kho	Bắt buộc	0,54		
108	IN112	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Bắt buộc	0,54		
109	IN113	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý yêu cầu điều chuyển kho	Hệ thống có chức năng người dùng được lựa chọn thao tác in hoặc kết xuất chứng từ ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Trung bình	0,18		
110	IN114	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Hệ thống cần có tính năng để tạo phiếu xuất điều chuyển kho, bằng cách chọn đến yêu cầu điều chuyển kho đã phê duyệt trên hệ thống Thông tin từ yêu cầu điều chuyển kho được kế thừa trên phiếu xuất kho điều chuyển	Bắt buộc	0,54		
111	IN115	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Hệ thống cần có tính năng để chặn các yêu cầu điều chuyển với điều kiện nhất định (đã hoàn thành, đã hủy), để tạo phiếu xuất kho điều chuyển	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
112	IN116	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	<p>Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu xuất kho điều chuyển, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu điều chuyển</li> <li>- Ngày điều chuyển</li> <li>- Số phiếu yêu cầu điều chuyển</li> <li>- Người đề nghị</li> <li>- Lý do điều chuyển</li> <li>- Tham chiếu đến chứng từ (đơn hàng bán, hợp đồng bán, ...)</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho điều chuyển</li> <li>- Kho nhận điều chuyển</li> <li>- Trạng thái hàng hoá</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
113	IN117	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Hệ thống cần có chức năng để bên nhận điều chuyển xác nhận trên phiếu xuất điều chuyển	Trung bình	0,18		
114	IN118	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Khi thực hiện xuất kho điều chuyển, hệ thống có tính năng để lựa chọn lô, serial cụ thể điều chuyển (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
115	IN119	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Khi phiếu xuất kho điều chuyển được hoàn tất, hệ thống phải tự động giảm số lượng tồn ở kho điều chuyển, và tăng số lượng tồn ở kho nhận điều chuyển của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực.	Bắt buộc	0,54		
116	IN120	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu xuất kho điều chuyển được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
117	IN121	Quy trình điều chuyển kho	Quản lý xuất kho điều chuyển	Hệ thống có chức năng người dùng được lựa chọn thao tác in hoặc kết xuất chứng từ ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ... )	Trung bình	0,18		
118	IN122	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có chức năng để tạo yêu cầu mượn hàng trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
119	IN123	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu yêu cầu mượn hàng, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu yêu cầu mượn hàng</li> <li>- Ngày mượn</li> <li>- Ngày trả</li> <li>- Người đề nghị</li> <li>- Người hỗ trợ</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Lý do mượn</li> <li>- Tham chiếu đến chứng từ (Activity, đơn hàng bán, hợp đồng bán, ...)</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> </ul>				
120	IN124	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có tính năng để chặn mã hàng theo điều kiện nhất định (theo nhóm hàng: quà tặng, trang sức, kim cương được mượn; Vàng không được mượn) để tạo yêu cầu mượn hàng	Trung bình	0,18		
121	IN125	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có tính năng để khi lập yêu cầu mượn hàng, có thể tra cứu được tồn kho	Bắt buộc	0,54		
122	IN126	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có tính năng cấu hình cây phê duyệt cho yêu cầu mượn hàng	Bắt buộc	0,54		
123	IN127	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu mượn hàng	Bắt buộc	0,54		
124	IN128	Quy trình quản lý	Quản lý yêu cầu	Hệ thống cần có tính năng để theo dõi được trạng thái của phiếu yêu cầu mượn hàng	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		mượn hàng	mượn hàng					
125	IN129	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý yêu cầu mượn hàng	Hệ thống có chức năng người dùng được lựa chọn thao tác in hoặc kết xuất chùng từ ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ... )	Trung bình	0,18		
126	IN130	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý hàng cho mượn	Hệ thống cần có chức năng để quản lý được hàng mượn với ít nhất các thông tin về: người mượn, bộ phận mượn, đơn vị, thông tin hàng mượn, thời hạn trả hàng, lý do mượn, ...	Bắt buộc	0,54		
127	IN131	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý hàng cho mượn	Sau khi thực hiện cho mượn hàng, hệ thống cần cập nhật trạng thái cho yêu cầu mượn hàng về tương ứng	Bắt buộc	0,54		
128	IN132	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý hàng hoàn trả sau mượn	Hệ thống cần có chức năng để quản lý được hàng hoàn trả với ít nhất các thông tin về: người mượn, bộ phận mượn, đơn vị, thông tin hàng trả, trạng thái hàng hoá	Bắt buộc	0,54		
129	IN133	Quy trình quản lý mượn hàng	Quản lý hàng hoàn trả sau mượn	Sau khi thực hiện cho nhận hàng hoàn trả, hệ thống cần cập nhật trạng thái cho yêu cầu mượn hàng về tương ứng	Bắt buộc	0,54		
130	IN134	Quy trình xuất kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện xuất kho với các nghiệp vụ khác không thuộc các quy trình mua, bán, điều chuyển, mượn hàng	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
131	IN135	Quy trình nhập kho khác	Quản lý xuất kho khác	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu xuất kho khác, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu xuất kho</li> <li>- Loại phiếu xuất kho</li> <li>- Ngày xuất kho</li> <li>- Loại nghiệp vụ</li> <li>- Lý do xuất</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
132	IN136	Quy trình xuất kho khác	Quản lý xuất kho khác	Khi thực hiện xuất kho, hệ thống có tính năng để lựa chọn lô, serial cụ thể (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,54		
133	IN137	Quy trình xuất kho khác	Quản lý xuất kho khác	Khi phiếu xuất kho được hoàn tất trên hệ thống, số lượng tồn kho của mặt hàng được cập nhật. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		
134	IN138	Quy trình xuất kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để cho phép cấu hình phê duyệt với phiếu xuất kho khác trên hệ thống	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
135	IN139	Quy trình xuất kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng người dùng được lựa chọn thao tác in hoặc kết xuất chứng từ ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Trung bình	0,18		
136	IN140	Quy trình xuất kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện khai báo loại nghiệp vụ xuất kho khác (Movement Type). Đồng thời, cho phép khai báo bộ tài khoản hạch toán với từng loại nghiệp vụ (hạn chế sai sót khi người thực hiện xuất kho không có nghiệp vụ kế toán)	Trung bình	0,18		
137	IN141	Quy trình xuất kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu xuất kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		
138	IN142	Quy trình nhập kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện nhập kho với các nghiệp vụ khác không thuộc các quy trình mua, bán, điều chuyển, mượn hàng	Bắt buộc	0,54		
139	IN143	Quy trình nhập kho khác	Quản lý nhập kho khác	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu nhập kho khác, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu nhập kho</li> <li>- Loại phiếu nhập kho</li> <li>- Ngày nhập kho</li> <li>- Loại nghiệp vụ</li> <li>- Lý do nhập</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái</li> </ul>				
140	IN144	Quy trình nhập kho khác	Quản lý nhập kho khác	Khi thực hiện nhập kho, hệ thống có tính năng để lựa chọn lô, serial cụ thể (áp dụng với sản phẩm chọn quản lý theo lô hoặc serial)	Bắt buộc	0,54		
141	IN145	Quy trình nhập kho khác	Quản lý nhập kho khác	Khi phiếu nhập kho hàng được hoàn tất trên hệ thống, số lượng tồn kho của mặt hàng được cập nhật. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Bắt buộc	0,54		
142	IN146	Quy trình nhập kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng người dùng được lựa chọn thao tác in hoặc kết xuất chùng từ ra file định dạng yêu cầu (PDF, Word, ...)	Trung bình	0,18		
143	IN147	Quy trình nhập kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện khai báo loại nghiệp vụ nhập kho khác (Movement Type). Đồng thời, cho phép khai báo bộ tài khoản hạch toán với từng loại nghiệp vụ (hạn chế sai sót khi người thực hiện xuất kho không có nghiệp vụ kế toán)	Trung bình	0,18		
144	IN148	Quy trình nhập kho khác	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để ghi nhận hạch toán kế toán, khi phiếu nhập kho được lưu vào hệ thống	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
145	IN149	Quy trình cập nhật trạng thái hàng hoá	Quản lý cập nhật trạng thái hàng hoá	Hệ thống cần có chức năng để cho phép người dùng thực hiện cập nhật trạng thái hàng hoá tồn kho (áp dụng khi hàng tồn kho bị hỏng, biến đổi, ..)	Bắt buộc	0,54		
146	IN150	Quy trình cập nhật trạng thái hàng hoá	Quản lý cập nhật trạng thái hàng hoá	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi phiếu cập nhật trạng thái hàng hoá, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số phiếu</li> <li>- Ngày</li> <li>- Lý do cập nhật</li> <li>- Người cập nhật</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái trước cập nhật</li> <li>- Trạng thái cập nhật</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
147	IN151	Quy trình cập nhật trạng thái hàng hoá	Quản lý cập nhật trạng thái hàng hoá	Hệ thống cần có chức năng cho phép cấu hình phê duyệt, khi thực hiện cập nhật trạng thái hàng hoá	Cao	0,36		
148	IN152	Quy trình cập nhật	Quản lý cập nhật	Khi phiếu cập nhật trạng thái hàng hoá được hoàn tất trên hệ thống, trạng thái mặt hàng được cập nhật, tồn kho theo trạng thái	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		trạng thái hàng hoá	trạng thái hàng hoá	hàng hoá được cập nhật. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực				
149	IN153	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có chức năng để cho phép tạo các yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
150	IN154	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ đối với mỗi yêu cầu sửa chữa hàng trong kho, người dùng có thể ghi nhận ít nhất các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Ngày yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Loại yêu cầu sửa chữa</li> <li>- Lý do sửa chữa</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Sản phẩm</li> <li>- Số lượng</li> <li>- Đơn vị tính</li> <li>- Kho hàng</li> <li>- Trạng thái hàng hóa</li> <li>- Thông tin chi tiết lỗi: chất lượng, kích thước, màu sắc, ...</li> <li>- Trung tâm chi phí</li> </ul>	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Số lô/serial/GIA - Đính kèm file				
151	IN155	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có chức năng để chặn mặt hàng khi tạo yêu cầu sửa chữa (mặt hàng được tạo hoặc không được tạo yêu cầu sửa chữa)	Trung bình	0,18		
152	IN156	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có tính năng để theo dõi trạng thái của yêu cầu sửa chữa (chờ duyệt, đã duyệt, từ chối duyệt, đã gửi NCC sửa chữa, đã nhận từ NCC)	Cao	0,36		
153	IN157	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có tính năng phân quyền truy cập người dùng để quản lý yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
154	IN158	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có chức năng để tạo tờ trình sửa chữa cho yêu cầu sửa chữa hàng trong kho trên hệ thống. Dữ liệu được kế thừa từ yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
155	IN159	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng trong kho	Ngoài dữ liệu kế thừa từ yêu cầu sửa chữa hàng trong kho, hệ thống cần quản lý thêm các thông tin như: - Chi phí sửa chữa - Thời gian sửa chữa - Nhà cung cấp sửa chữa	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
156	IN160	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý tờ trình sửa chữa hàng trong kho	Hệ thống cần có tính năng thiết lập quy trình phê duyệt tờ trình sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
157	IN161	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý đơn hàng hoặc hợp đồng sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng để lập đơn hàng hoặc hợp đồng dịch vụ sửa chữa với nhà cung cấp, cho tờ trình đã được phê duyệt (tham chiếu quy trình mua hàng)	Cao	0,36		
158	IN162	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu xuất kho hàng đi sửa chữa, bằng cách chọn đến yêu cầu sửa chữa đã được phê duyệt tờ trình	Cao	0,36		
159	IN163	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng cho phép xuất kho nhiều lần cho một yêu cầu sửa chữa	Trung bình	0,18		
160	IN164	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng để sau khi xuất kho hàng đi sửa chữa hoàn tất, sẽ cập nhật trạng thái cho yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
161	IN165	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa	Khi phiếu nhập xuất hàng đi sửa chữa được hoàn tất, hệ thống phải tự động cập nhật số lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
162	IN166	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý xuất kho hàng đi sửa chữa	Hệ thống có chức năng để tạo mẫu in theo yêu cầu cho chứng từ nhập xuất hàng đi sửa chữa	Trung bình	0,18		
163	IN167	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có chức năng để tạo phiếu nhập kho hàng đã sửa chữa, bằng cách chọn đến phiếu xuất kho trước đó	Cao	0,36		
164	IN168	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng cho phép nhập kho nhiều lần cho một yêu cầu sửa chữa	Trung bình	0,18		
165	IN169	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có tính năng để sau khi nhập kho hàng đi sửa chữa hoàn tất, sẽ cập nhật trạng thái cho yêu cầu sửa chữa hàng trong kho	Cao	0,36		
166	IN170	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Khi thực hiện nhập kho hàng đã sửa chữa, hệ thống cần có tính năng để cảnh báo về số lượng nhập kho so với số lượng xuất đi (cảnh báo vượt số lượng hoặc chặn nhập số lượng vượt)	Trung bình	0,18		
167	IN171	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống cần có chức năng để cập nhật chi phí sửa chữa khi nhập kho, nhằm cập nhật tăng giá vốn cho hàng sửa chữa	Cao	0,36		
168	IN172	Quy trình sửa chữa	Quản lý nhập kho	Khi phiếu nhập kho hàng đã sửa chữa được hoàn tất, hệ thống phải tự động cập nhật số	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		hàng trong kho	hàng đã sửa chữa	lượng tồn kho của mặt hàng tương ứng với trạng thái hàng hoá. Điều này đảm bảo dữ liệu tồn kho luôn chính xác theo thời gian thực				
169	IN173	Quy trình sửa chữa hàng trong kho	Quản lý nhập kho hàng đã sửa chữa	Hệ thống có chức năng để tạo mẫu in theo yêu cầu cho chứng từ nhập kho hàng đã sửa chữa	Trung bình	0,18		
170	IN174	Quy trình kiểm kê hàng tồn kho	Quản lý kiểm kê hàng tồn kho	Hệ thống cần hỗ trợ liệt kê toàn bộ mã hàng hoá tồn kho và số lượng tồn kho sổ sách (số lượng, trạng thái hàng hoá)	Bắt buộc	0,54		
171	IN176	Quy trình kiểm kê hàng tồn kho	Quản lý kiểm kê hàng tồn kho	Hệ thống cho phép nhập dữ liệu kiểm kê theo từng kho, từng phiếu kiểm dưới dạng file excel. Đồng thời đáp ứng tích hợp với phần mềm kiểm kê hàng hóa có sẵn của công ty	Cao	0,36		
172	IN177	Quy trình kiểm kê hàng tồn kho	Quản lý kiểm kê hàng tồn kho	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ kiểm kê bằng mã QR CODE do hệ thống tự sinh ra hoặc import từ bên ngoài vào. Có thể tùy chỉnh cơ chế sinh mã QR CODE theo nghiệp vụ của công ty.	Cao	0,36		
173	IN178	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng tích hợp với các thiết bị đọc mã QR CODE hoặc thiết bị quét mã QR CODE, để tự động nhập kho, xuất kho trên hệ thống bằng cách quét mã QR CODE từ thiết bị	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
174	IN179	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để duy trì mức tồn kho an toàn (tồn kho tối đa, tồn kho tối thiểu) Khi thực hiện giao dịch nhập kho, xuất kho đến vượt ngưỡng tồn kho an toàn thì cần cảnh báo (cảnh báo hoặc chặn nhập số lượng vượt ngưỡng an toàn)	Cao	0,36		
175	IN180	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng cho phép người dùng truy vấn và in thẻ kho với từng mặt hàng trong kho	Cao	0,36		
176	IN181	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để khi thực hiện xuất kho, hệ thống tự động chọn hàng có tuổi tồn kho lớn nhất để đề xuất thực hiện xuất kho (áp dụng với mặt hàng có quản lý theo serial hoặc lô). Người dùng dựa trên đề xuất từ hệ thống để xuất kho hoặc chọn đến serial/lô khác để xuất	Trung bình	0,18		
177	IN182	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng cung cấp thông tin về hàng tồn kho, số dư hàng tồn kho và các thông tin sau: - Tổng số lượng hàng tồn kho (của tất cả các kho) - Số lượng hàng tồn kho (theo từng kho) - Số lượng hàng tồn kho chi tiết theo lô - Số lượng giữ hàng của đơn hàng bán	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Số lượng trích lập dự phòng và giá trị đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho				
178	IN183	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để quản lý tuổi tồn kho của hàng hoá Người dùng có thể truy vấn được tuổi tồn kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
179	IN184	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để tự động quét tồn kho theo tần suất nhất định (theo giờ, ngày, ...) và gửi mail cho nhóm người dùng (nhóm người dùng được gửi mail có thể khai báo và cập nhật trên hệ thống)	Trung bình	0,18		
180	IN185	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để tự động quét yêu cầu mượn hàng chưa trả quá hạn theo tần suất nhất định (ngày, tuần, tháng, ...) và gửi mail cho nhóm người dùng (nhóm người dùng được gửi mail có thể khai báo và cập nhật trên hệ thống)	Trung bình	0,18		
181	IN186	Quản lý kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để chạy lại giá vốn hàng tồn kho bình quân cuối kỳ theo đơn vị (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM).	Trung bình	0,18		

#### f. Quản lý Tài chính kế toán

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	FI001	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng để thiết lập được nhiều bộ sổ kế toán tương ứng với các đơn vị của VGJ trên hệ thống. Mỗi bộ sổ được phép hạch toán độc lập, và tổ chức bộ báo cáo tài chính cũng như báo cáo quản trị độc lập; tương ứng với đơn vị: - Trụ sở chính - Chi nhánh Đà Nẵng - Chi nhánh Hồ Chính Minh	Bắt buộc	0,54		
2	FI002	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng mở rộng bộ sổ kế toán trên hệ thống, tương ứng khi VGJ mở rộng quy mô hoạt động, thêm đơn vị kinh doanh/chi nhánh	Bắt buộc	0,54		
3	FI003	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống có đầy đủ các phạm hệ kế toán để theo dõi đầy đủ và toàn diện trên hệ thống, ít nhất bao gồm các phân hệ sau: - Kế toán tổng hợp (General Ledger) - Kế toán phải thu (Accounts Receivable) - Kế toán phải trả (Accounts Payable) - Kế toán tài sản (Fixed Asset) - Kế toán tiền (Cash management) - Kế toán chi phí (Cost Accounting)	Bắt buộc	0,54		
4	FI004	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Dữ liệu kế toán phải được tích hợp liên mạch với các phân hệ khác trong ERP như: - Quản lý bán hàng (Sales Management), - Quản lý mua hàng (Procurement),	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Quản lý kho (Inventory Management), - Quản lý sản xuất (Production Planning) - Quản lý nhân sự tiền lương (HR) Điều này giúp dữ liệu được cập nhật tự động và đồng bộ, giảm thiểu sai sót do nhập liệu thủ công và cung cấp cái nhìn tổng thể về hoạt động kinh doanh của VGJ				
5	FI005	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống phải đảm bảo rằng mọi giao dịch tài chính đều được ghi nhận một cách chính xác, tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật. Phải có các cơ chế kiểm tra và đối chiếu dữ liệu để phát hiện và ngăn chặn sai sót	Bắt buộc	0,54		
6	FI006	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Dữ liệu tài chính là thông tin nhạy cảm. Do đó, phân hệ kế toán phải có các cơ chế bảo mật, bao gồm phân quyền người dùng chặt chẽ để chỉ những người có thẩm quyền mới được truy cập, chỉnh sửa hoặc xem dữ liệu. Hệ thống cũng cần có nhật ký truy cập để theo dõi các hoạt động.	Bắt buộc	0,54		
7	FI007	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng đáp ứng việc mở rộng lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS	Trung bình	0,18		
8	FI008	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần hỗ trợ đa ngôn ngữ, ít nhất là tiếng Việt và tiếng Anh	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
9	FI009	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần hỗ trợ đa tiền tệ, được sử dụng nhiều loại tiền tệ trong các giao dịch trên hệ thống, và quy đổi ra đơn vị tiền tệ chung là VND. Ngoài VND, hệ thống cần có chức năng để hỗ trợ người dùng khi lập báo cáo có thể chuyển đổi ra loại ngoại tệ khác (ít nhất là USD)	Cao	0,36		
10	FI010	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để quản lý trạng thái kỳ kế toán (đóng kỳ/mở kỳ)	Bắt buộc	0,54		
11	FI011	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để đảm bảo giao dịch trên hệ thống chỉ được phép ghi nhận nếu kỳ kế toán đang mở, không được phép ghi nhận nếu kỳ kế toán đã đóng	Bắt buộc	0,54		
12	FI012	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần cho phép cấu hình luồng phê duyệt với cho các giao dịch trên phân hệ kế toán	Cao	0,36		
13	FI013	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ thiết lập các trường bắt buộc phải nhập thông tin, và không cho phép giao dịch được ghi nhận vào hệ thống nếu như các trường này bị bỏ trống	Cao	0,36		
14	FI014	Quản lý chung kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để cho phép cấu hình tài khoản kế toán hạch toán, cho các giao dịch phát sinh trên hệ thống (GL Account Determination), dựa trên cấu hình này hệ thống tự động định	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				khoản cho các giao dịch mà không cần kế toán phải nhập liệu thủ công cho từng nghiệp vụ				
15	FI015	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để quản lý tập trung hệ thống tài khoản kế toán trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
16	FI016	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Quản lý thông tin tài khoản	Hệ thống có chức năng phân loại tài khoản theo nhóm tài khoản như: Doanh thu/chi phí/công nợ/tài sản/nguồn vốn ...	Bắt buộc	0,54		
17	FI017	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Quản lý chỉnh sửa thông tin tài khoản	Hệ thống cần có chức năng cho phép người dùng được chỉnh sửa thông tin tài khoản (chỉnh sửa thông tin và dừng hoạt động tài khoản), và lưu được lịch sử thay đổi của tài khoản	Bắt buộc	0,54		
18	FI018	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Quản lý chỉnh sửa thông tin tài khoản	Hệ thống cần có chức năng để chặn những thông tin tài khoản không được sửa theo điều kiện nhất định (tài khoản đang còn số dư không được dừng hoạt động, thay đổi phân loại tài khoản ...)	Bắt buộc	0,54		
19	FI019	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Quản lý tìm kiếm tài khoản	Hệ thống có chức năng tìm kiếm tài khoản theo nhiều điều kiện như: tên, mã số, và các tiêu chí bất kỳ miễn là tiêu chí này đang có trong cơ sở dữ liệu của hệ thống	Trung bình	0,18		
20	FI020	Quản lý hệ thống tài	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để tổ chức nhiều bộ tài khoản kế toán khác nhau trên hệ thống, và chỉ định được bộ tài	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		khoản kế toán		khoản được phép sử dụng khi thực hiện giao dịch (Bộ tài khoản kế toán VGJ, bộ tài khoản kế toán Ngân hàng Công thương, bộ tài khoản kế toán theo chuẩn mực IFRS)				
21	FI021	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để thiết lập mapping giữa các tài khoản của các bộ số khác nhau	Trung bình	0,18		
22	FI022	Quản lý hệ thống tài khoản kế toán	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để chặn không cho phép hạch toán kế toán với các tài khoản đã ngừng hoạt động trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
23	FI023	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có khả năng tổ chức chiều thông tin kế toán quản trị, ít nhất bao gồm: - Đơn vị (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM, toàn hàng) - Bộ phận (phòng ban trong Công ty) - Trung tâm chi phí (Cost Center) - Ngành hàng (Vàng, quà tặng)	Bắt buộc	0,54		
24	FI024	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Quản lý thông tin	Hệ thống cần có chức năng để cho phép khai báo các giá trị con và không hạn chế số lượng cho từng chiều thông tin quản trị	Bắt buộc	0,54		
25	FI025	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Quản lý thông tin	Hệ thống cần có tính năng thiết lập giá trị cha – con của các giá trị trong từ chiều thông tin quản trị	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
26	FI026	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Quản lý thông tin	Hệ thống cần có chức năng để cho phép chỉnh sửa thông tin cho các giá trị của từng chiều thông tin quản trị	Bắt buộc	0,54		
27	FI027	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để thiết lập mặc định các giá trị cho từng chiều thông tin quản trị, khi người dùng thực hiện khai báo trên giao dịch. Hệ thống cần hỗ trợ theo nhiều tiêu chí thiết lập như: mặc định theo đối tượng, mặc định theo tài khoản kế toán, mặc định theo item, ... nhằm giảm thiểu thao tác nhập liệu cho người dùng	Cao	0,36		
28	FI028	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để thiết lập các chiều thông tin quản trị bắt buộc phải nhập trên từng giao dịch trên hệ thống, và cảnh báo khi người dùng không nhập liệu (cảnh báo hoặc chặn tạo giao dịch nếu không nhập đủ thông tin) Ví dụ, trên đơn hàng bán (SO) bắt buộc nhập thông tin về đơn vị, bộ phận, ngành hàng. Hoặc trên đơn mua hàng bắt buộc nhập đơn vị, bộ phận, trung tâm chi phí, ngành hàng	Bắt buộc	0,54		
29	FI029	Quản lý thông tin kế toán quản trị	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để thống kê đa chiều của thông tin quản trị (thống kê theo từng chiều thông tin, hoặc kết hợp giữa cả chiều thông tin: đơn vị và ngành	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				hàng, bộ phận và ngành hàng, đơn vị và trung tâm chi phí, ...)				
30	FI031	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống cho phép tạo hóa đơn ghi nhận công nợ phải trả nhà cung cấp theo đơn hàng, chứng từ nhập kho	Bắt buộc	0,54		
31	FI032	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống cần có chức năng cho phép người dùng tạo hoá đơn công nợ phải trả, bằng cách chọn đến đơn hàng/hợp đồng mua đã thực hiện nhập kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
32	FI033	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống cần có tính năng để chặn không cho phép gọi đơn hàng mua để tạo hoá đơn công nợ trên hệ thống, theo điều kiện nhất định (đơn hàng mua chưa nhập kho, đơn hàng mua đã hủy, đơn hàng mua đã hoàn thành)	Cao	0,36		
33	FI034	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống có khả năng thiết lập bắt buộc nhập thông tin về hoá đơn (số hoá đơn, ngày hoá đơn, ký hiệu hoá đơn, ...). Và hỗ trợ kiểm tra xử lý thông tin trùng lặp của cùng một số hóa đơn dựa trên nhà cung cấp, số hóa đơn và ngày hóa đơn. Hệ thống không cho phép ghi nhận số hóa đơn nếu kiểm tra có sự trùng lặp	Trung bình	0,18		
34	FI035	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống có chức năng để theo dõi hạn thanh toán cho từng hoá đơn công nợ. Hệ thống tự động tính ngày đến hạn của	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				hóa đơn dựa trên điều khoản thanh toán (Payment Term) và ngày nhập hóa đơn				
35	FI036	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống có khả năng tự động tính toán thuế (VAT, nhập khẩu,...) và hiển thị tiền thuế dựa trên thuế suất được chọn	Bắt buộc	0,54		
36	FI037	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống có khả năng tích hợp với phần mềm quản lý hoá đơn, để tự động tạo giao dịch ghi nhận công nợ trên hệ thống (tạo chứng từ trên hệ thống, kế toán thực hiện kiểm tra và xác nhận ghi hoá đơn vào hệ thống)	Trung bình	0,18		
37	FI038	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hoá đơn ghi nhận công nợ, phải có trường thông tin để khai báo loại hoá đơn (hoá đơn chung/hoá đơn riêng) (nhằm đánh dấu các hoá đơn không cụ thể cho hoạt động kinh doanh Vàng, hay quà tặng; cuối kỳ, thực hiện thống kê và phân bổ thuế GTGT)	Trung bình	0,18		
38	FI039	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn công nợ phải trả	Hệ thống cần có tính năng để người dùng thực hiện phân loại hoá đơn theo tiêu chí chi phí (chi phí được trừ/chi phí không được trừ, mặc định giá trị là chi phí được trừ), nhằm tổng hợp lên báo cáo để kế toán lập tờ khai thuế TNDN hàng năm	Trung bình	0,18		
39	FI040	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn	Ngoài việc tạo hoá đơn công nợ từ đơn mua hàng hoặc hợp đồng. Hệ thống cần có chức năng để người dùng tạo trực tiếp	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			công nợ phải trả	hoá đơn công nợ phải trả mà không qua đơn mua hàng (nghiệp vụ điều chỉnh công nợ, mua hàng không qua đơn hàng/hợp đồng)				
40	FI041	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Hệ thống cho phép tạo hóa đơn ghi giảm công nợ phải trả nhà cung cấp khi thực hiện trả lại hàng nhà cung cấp	Bắt buộc	0,54		
41	FI042	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Hệ thống cần có chức năng cho phép người dùng tạo hoá đơn giảm trừ công nợ phải trả, bằng cách chọn đến đơn hàng/hợp đồng mua đã thực hiện xuất kho trả hàng trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
42	FI043	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Quản lý hoá đơn trả trước nhà cung cấp	Hệ thống cần có chức năng để tạo hoá đơn ghi nhận trả trước nhà cung cấp	Cao	0,36		
43	FI044	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng cho phép huỷ hoá đơn công nợ đã ghi nhận trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
44	FI045	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng phân quyền được theo dữ liệu để cán bộ phụ trách các mảng khác nhau, khi thực hiện trên hệ thống chỉ thấy được dữ liệu liên quan đến mảng phụ trách.	Cao	0,36		
45	FI046	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để theo dõi công nợ phải trả nhà cung cấp theo từng hoá đơn, cũng như tuổi nợ từng hoá đơn	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
46	FI047	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để theo dõi được công nợ hoá đơn theo ngoại tệ và quy đổi giá trị VND trên hệ thống (với hoạt động nhập khẩu)	Bắt buộc	0,54		
47	FI048	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng cho phép thiết lập quy trình phê duyệt trên hệ thống	Cao	0,36		
48	FI049	Quản lý kế toán công nợ phải trả	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng gửi email thông báo đến người được phê duyệt, và cho người lập khi hoá đơn đã được phê duyệt (đã duyệt hoặc từ chối duyệt)	Trung bình	0,18		
49	FI050	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống cho phép tạo hóa đơn ghi nhận công nợ phải thu khách theo đơn hàng bán (SO), chứng từ xuất kho	Bắt buộc	0,54		
50	FI051	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có chức năng cho phép người dùng tạo hoá đơn công nợ phải thu, bằng cách chọn đơn hàng bán/hợp đồng bán đã thực hiện xuất kho trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
51	FI052	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có tính năng để chặn không cho phép gọi đơn hàng bán để tạo hoá đơn công nợ trên hệ thống, theo điều kiện nhất định (đơn hàng bán chưa nhập kho, đơn hàng bán đã hủy, đơn hàng bán đã hoàn thành)	Cao	0,36		
52	FI053	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Trên hoá đơn công nợ, phải có trường thông tin để cán bộ kinh doanh thực hiện cập nhật tiến trình thực hiện thu hồi công nợ. Mục tiêu để kế toán hoặc ban lãnh	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				đạo có thể nắm được thông tin về tiến trình thu hồi khoản công nợ này				
53	FI054	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hoá đơn công nợ phải kế thừa được thông tin nhân viên bán hàng từ đơn hàng/hợp đồng bán	Cao	0,36		
54	FI055	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống có chức năng để theo dõi hạn thanh toán cho từng hoá đơn công nợ. Hệ thống tự động tính ngày đến hạn của hóa đơn dựa trên điều khoản thanh toán (Payment Term) và ngày nhập hóa đơn	Bắt buộc	0,54		
55	FI056	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống có khả năng tự động tính toán thuế (VAT, xuất khẩu, ...) và hiển thị tiền thuế dựa trên thuế suất được chọn	Bắt buộc	0,54		
56	FI057	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống có khả năng tích hợp với phần mềm hoá đơn điện tử, để gửi dữ liệu về hoá đơn (thông tin khách hàng, tên sản phẩm, số lượng, đơn giá, thuế suất, ...) và nhận lại thông tin về hoá đơn sau khi phát hành (số hoá đơn, ngày hoá đơn, ký hiệu hoá đơn, ...)	Cao	0,36		
57	FI058	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có khả năng tự động cập nhật các thông tin hoá đơn từ phần mềm hoá đơn để cập nhật cho đúng số hoá đơn công nợ trên phần mềm ERP, đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu và giảm thao tác thủ công cho người dùng	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
58	FI059	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có chức năng để hỗ trợ tự động tạo hoá đơn ghi nhận công nợ, và sinh hạch toán doanh thu tương ứng, khi lập đơn hàng bán có trạng thái đã thanh toán. Hoặc có chức năng để người dùng có thể tạo hoá đơn công nợ phải thu, bằng cách chọn hàng loạt đơn hàng bán	Trung bình	0,18		
59	FI060	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có tính năng để cảnh báo hạn mức công nợ của khách hàng, khi lập hoá đơn công nợ trên hệ thống (Cảnh báo hoặc chặn tạo giao dịch khi khách hàng vượt hạn mức tín dụng cho phép)	Cao	0,36		
60	FI061	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Đối với hoá đơn ghi nhận công nợ xuất khẩu, hệ thống cần hỗ trợ theo dõi các thông tin như: Commercial Invoice Number, Packing List, Incoterms, ...	Trung bình	0,18		
61	FI062	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn công nợ phải thu	Hệ thống cần có chức năng để cho phép tạo hoá đơn ghi nhận công nợ, không từ đơn bán hàng (điều chỉnh công nợ khi hàng xuất khẩu vượt chất lượng yêu cầu)	Bắt buộc	0,54		
62	FI063	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Ngoài việc tạo hoá đơn công nợ từ đơn bán hàng hoặc hợp đồng. Hệ thống cần có chức năng để người dùng tạo trực tiếp hoá đơn công nợ phải thu mà không qua đơn bán hàng (nghiệp vụ điều chỉnh công nợ, nghiệp vụ ghi nhận công nợ khác)	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
63	FI064	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Hệ thống cho phép tạo hóa đơn ghi giảm công nợ phải thu khách hàng khi thực hiện nhập hàng trả lại	Bắt buộc	0,54		
64	FI065	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Hệ thống cần có chức năng cho phép người dùng tạo hoá đơn giảm trừ công nợ phải thu, bằng cách chọn đơn hàng/hợp đồng bán đã thực hiện nhập kho hàng trả lại trên hệ thống	Cao	0,36		
65	FI066	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý hoá đơn giảm trừ công nợ	Hệ thống cần có chức năng để cho phép tạo hoá đơn ghi giảm công nợ, không từ yêu cầu nhập hàng trả lại (điều chỉnh công nợ khi hàng xuất khẩu không đạt chất lượng)	Bắt buộc	0,54		
66	FI067	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Quản lý khoản trả trước khách hàng	Hệ thống cần có chức năng để theo dõi khoản thu trả trước của khách hàng cho các đơn hàng bán/hợp đồng bán	Bắt buộc	0,54		
67	FI068	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống cần chức năng phân quyền được theo dữ liệu để cán bộ phụ trách các mảng khác nhau, khi thực hiện trên hệ thống chỉ thấy được dữ liệu liên quan đến mảng phụ trách.	Bắt buộc	0,54		
68	FI069	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để theo dõi công nợ phải thu khách hàng theo từng hoá đơn, cũng như tuổi nợ từng hoá đơn	Bắt buộc	0,54		
69	FI070	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để theo dõi được công nợ hoá đơn theo ngoại tệ và quy	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				đổi giá trị VND trên hệ thống (với hoạt động xuất khẩu)				
70	FI071	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống hỗ trợ theo dõi hoá đơn công nợ theo nhân viên bán hàng	Bắt buộc	0,54		
71	FI072	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để quét hoá đơn công nợ theo điều kiện nhất định (tuổi nợ hoá đơn lớn hơn 30 ngày), để định kỳ hàng ngày gửi mail thông báo đến nhân viên bán hàng phụ trách	Trung bình	0,18		
72	FI073	Quản lý kế toán công nợ phải thu	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng cho phép xử lý huỷ hoá đơn công nợ phải thu trên hệ thống, để điều chỉnh sai sót trong quá trình thực hiện hoặc huỷ hóa đơn do khách hàng	Bắt buộc	0,54		
73	FI074	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Hệ thống cần có chức năng để tạo đề nghị tạm ứng của cán bộ nhân viên trên hệ thống (tạm ứng chi tiêu nội bộ, công tác phí, ...)	Trung bình	0,18		
74	FI075	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Thông tin cần quản lý về yêu cầu tạm ứng cơ bản bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người đề nghị tạm ứng</li> <li>- Ngày đề nghị</li> <li>- Đơn vị</li> <li>- Bộ phận</li> <li>- Lý do tạm ứng</li> <li>- Số tiền tạm ứng</li> <li>- Ngày hoàn ứng</li> </ul>	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
75	FI076	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Hệ thống cần có tính năng cho phép chỉnh sửa đề nghị tạm ứng khi chưa được phê duyệt	Trung bình	0,18		
76	FI077	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Hệ thống cần có chức năng để thiết lập quy trình phê duyệt cho đề nghị tạm ứng	Trung bình	0,18		
77	FI078	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Với các đề nghị tạm ứng đã được phê duyệt, hệ thống hỗ trợ để kế toán có thể thừa hưởng và tạo phiếu chi trên hệ thống	Trung bình	0,18		
78	FI079	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Hệ thống có tính năng để theo dõi trạng thái của đề nghị tạm ứng trên hệ thống	Trung bình	0,18		
79	FI080	Quy trình tạm ứng	Quản lý đề nghị tạm ứng	Hệ thống có tính năng để tự động chuyển trạng thái của đề nghị tạm ứng sau khi đã được chi tiền	Trung bình	0,18		
80	FI081	Quy trình tạm ứng	Quản lý hoàn ứng	Hệ thống cần có khả năng hỗ trợ để người dùng thực hiện hoàn ứng và quyết toán khoản tạm ứng	Trung bình	0,18		
81	FI082	Quy trình tạm ứng	Quản lý hoàn ứng	Hệ thống có chức năng để thống kê chi phí và đính kèm các tài liệu liên quan đến các chi phí hoàn ứng	Trung bình	0,18		
82	FI083	Quy trình tạm ứng	Quản lý hoàn ứng	Hệ thống cần hỗ trợ người dùng thực hiện bù trừ với khoản tạm ứng	Trung bình	0,18		
83	FI084	Quy trình tạm ứng	Quản lý hoàn ứng	hệ thống cần có tính năng để người dùng thực hiện cập nhật trạng thái cho đề nghị tạm ứng, sau khi đã thực hiện hoàn ứng	Trung bình	0,18		
84	FI085	Quy trình tạm ứng	Quản lý hoàn ứng	Hệ thống có khả năng thống kê và phân loại khoản tạm ứng trong hạn và quá	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				hạn; cho phép lấy dữ liệu tất cả các đơn vị: + Số dư tạm ứng theo nhân viên + Số dư tạm ứng theo bộ phận				
85	FI086	Quản lý tiền	Quản lý phiếu thu tiền	Hệ thống cần có chức năng để thực hiện thu tiền tập trung trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
86	FI087	Quản lý tiền	Quản lý phiếu thu tiền	Hệ thống có tính năng để phân loại nghiệp vụ thu tiền: thu tiền bán hàng, thu tiền hoàn ứng, thu khác, ...	Bắt buộc	0,54		
87	FI088	Quản lý tiền	Quản lý phiếu thu tiền	Hệ thống cần có chức năng để khi lập phiếu thu tiền, gọi được các hoá đơn công nợ để tích chọn	Bắt buộc	0,54		
88	FI089	Quản lý tiền	Quản lý phiếu thu tiền	Hệ thống có tính năng để cho phép thu tiền một phần cho hoá đơn công nợ	Bắt buộc	0,54		
89	FI090	Quản lý tiền	Quản lý phiếu thu tiền	Hệ thống cần có tính năng sau cập nhật trạng thái đã thu tiền cho đơn hàng, sau khi đã hoàn tất lập phiếu thu & gạch nợ đơn hàng	Cao	0,36		
90	FI091	Quản lý tiền	Quản lý thu tiền (áp dụng với tiền gửi ngân hàng)	Hệ thống có khả năng tích hợp với ngân hàng, để nhận kết quả thanh toán từ ngân hàng và tự động sinh phiếu thu & gạch nợ đơn hàng (áp dụng với trường hợp khách hàng thanh toán qua mã QR CODE)	Cao	0,36		
91	FI092	Quản lý tiền	Quản lý thu tiền (áp dụng với	Hệ thống có khả năng tích hợp với ngân hàng, để lấy thông tin từ sổ phụ và tự	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			tiền gửi ngân hàng)	động sinh phiếu thu dựa trên định nghĩa thông tin từ người dùng				
92	FI093	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống cần có chức năng để thực hiện chi tiền tập trung trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
93	FI094	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống có tính năng để phân loại nghiệp vụ chi tiền: chi công nợ, chi tạm ứng, chi khác, ...	Bắt buộc	0,54		
94	FI095	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống cần có chức năng để khi lập phiếu chi tiền, gọi được các hoá đơn công nợ phải trả để tích chọn	Bắt buộc	0,54		
95	FI096	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống có tính năng để cho phép chi tiền một phần cho hoá đơn công nợ	Bắt buộc	0,54		
96	FI097	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống cần có tính năng để cảnh báo khi lập phiếu chi, theo thông tin nhất định (số tiền chi > 20tr sẽ cảnh báo hoặc chặn không cho phép lập phiếu chi)	Trung bình	0,18		
97	FI098	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Phiếu chi cần quản lý được thông tin cơ bản về đối tượng, bộ phận, đơn vị, ....	Bắt buộc	0,54		
98	FI099	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền	Hệ thống có chức năng để thiết lập quy trình phê duyệt cho phiếu chi trên hệ thống	Cao	0,36		
99	FI100	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền (áp dụng với	Hệ thống có khả năng tích hợp với ngân hàng, để gửi dữ liệu sau khi phiếu chi được lập trên hệ thống (số tiền, đối tượng chi, thông tin tài khoản ngân hàng nhận, ..) để tạo thành các lệnh chi trên I-	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			tiền gửi ngân hàng)	banking; và nhận lại thông tin sau khi lệnh chi đã duyệt & hạch toán trên sổ phụ (trạng thái)				
100	FI101	Quản lý tiền	Quản lý phiếu chi tiền (áp dụng với chi tạm ứng)	Hệ thống cần có chức năng tạo phiếu chi, được kế thừa từ đề nghị tạm ứng đã được duyệt	Trung bình	0,18		
101	FI102	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để cho phép thực hiện thu/chi ngoại tệ	Bắt buộc	0,54		
102	FI103	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để cho phép người dùng khai báo hoặc import file kế hoạch ngân sách theo kỳ (tháng, năm) lên hệ thống	Trung bình	0,18		
103	FI104	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Đối với ngân sách, hệ thống hỗ trợ quản lý các thông tin theo mẫu yêu cầu, cơ bản bao gồm: - Kỳ ngân sách - Phiên bản - Đơn vị áp dụng (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM, toàn hàng) - Bộ phận - Trung tâm chi phí - Loại hàng/nhóm hàng - Ngân sách	Trung bình	0,18		
104	FI105	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Khi thực hiện lập phiếu chi, hệ thống phải kiểm tra so với ngân sách đã khai báo. Khi khoản mục phí (theo từng chiều	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				quản lý ngân sách) phát sinh vượt ngân sách cho phép cảnh báo cho người dùng (cảnh báo vượt ngân sách hoặc chặn không cho phép tạo giao dịch vượt ngân sách)				
105	FI106	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có tính năng để cho phép cập nhật bổ sung ngân sách. Có chức năng để lưu lại lịch sử thay đổi, bổ sung ngân sách	Trung bình	0,18		
106	FI107	Quản lý tiền	Yêu cầu chung	Tính năng cập nhật bổ sung ngân sách cần được phân quyền thực hiện trên hệ thống	Trung bình	0,18		
107	FI107.1	Quản lý thuế	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng tổng hợp số liệu thuế giá trị gia tăng (GTGT) của doanh nghiệp theo Bảng tổng hợp quyết toán thuế GTGT năm, để Quản lý theo dõi số liệu thuế GTGT phải nộp, thực nộp từng tháng, số chênh lệch phải nộp thêm / khấu trừ chuyển kỳ sau	Cao	0,36		
108	FI108	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Hệ thống cần có chức năng để phân bổ thuế, dựa trên: - Tỷ lệ phân bổ - Hoá đơn phân bổ: hoá đơn chung - Thực hiện phân bổ giá trị thuế GTGT từng hoá đơn chung theo tỷ lệ	Cao	0,36		
109	FI109	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Hệ thống cần có tính năng ghi nhận kết quả phân bổ, để thống kê lên báo cáo	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
110	FI110	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Chức năng phân bổ thuế có khả năng chạy theo từng kỳ (tháng), và chạy lại cho năm. Khi chạy lại hệ thống cần tính toán được giá trị đã phân bổ cho từng kỳ, giá trị phân bổ theo năm, giá trị chênh lệch	Cao	0,36		
111	FI111	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Hệ thống cần có chức năng để thống kê hoá đơn GTGT đầu vào, theo biểu mẫu quy định (biểu mẫu cơ quan thuế). Biểu mẫu này có thể xuất file định dạng .xml, người dùng sử dụng file này để nộp cho cơ quan thuế trên trang thuế điện tử	Cao	0,36		
112	FI112	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu ra	Hệ thống cần có chức năng để thống kê hoá đơn GTGT đầu ra, theo biểu mẫu quy định (biểu mẫu cơ quan thuế). Biểu mẫu này có thể xuất file định dạng .xml, người dùng sử dụng file này để nộp cho cơ quan thuế trên trang thuế điện tử	Cao	0,36		
113	FI113	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Hệ thống có khả năng thống kê danh sách hóa đơn theo tiêu chí chi phí được trừ/không được trừ, dựa trên thông tin nhập ở từng hoá đơn	Cao	0,36		
114	FI113.1	Quản lý thuế	Quản lý thuế đầu vào	Hệ thống cần có chức năng thống kê danh sách các giao dịch hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn theo các tiêu chí: Thông tin đầy đủ nhà cung cấp, thông tin đầy đủ về hàng hóa	Cao	0,36		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
115	FI114	Kế toán kho	Yêu cầu chung	Hệ thống cần hỗ trợ các phương pháp tính giá hàng tồn kho như: bình quân, FIFO, đích danh	Bắt buộc	0,54		
116	FI115	Kế toán kho	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng cho phép quản lý phương pháp tính giá theo từng mặt hàng	Bắt buộc	0,54		
117	FI116	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Hệ thống cần có chức năng để tính dự phòng giảm giá cho từng mặt hàng trên hệ thống	Trung bình	0,18		
118	FI117	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Yêu cầu về chức năng trích lập dự phòng giảm giá HTK: - Hệ thống cần tổng hợp được tất cả mặt hàng tồn kho ở thời điểm đánh giá, và giá trị tồn kho của từng mặt hàng - Hệ thống cần cho phép nhập giá trị thị trường cần so sánh - Hệ thống dựa trên giá thị trường được nhập, để tính toán giá trị cần trích lập dự phòng cho từng mặt hàng theo quy tắc xác định : + Nếu giá trị thị trường > giá trị tồn kho, thì không trích lập dự phòng + Nếu giá trị thị trường < giá trị tồn kho, thì trích lập dự phòng	Trung bình	0,18		
119	FI118	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Hệ thống cần lưu trữ được kết quả trích lập dự phòng của từng mặt hàng trong từng kỳ thực hiện	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
120	FI119	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Với mỗi kỳ trích lập dự phòng tiếp theo, chức năng trích lập dự phòng cần so sánh với giá trị đã trích lập dự phòng để hoàn nhập tương ứng, nếu giá trị trích lập lớn hơn	Trung bình	0,18		
121	FI120	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Chức năng trích lập dự phòng giảm giá HTK, cần cho phép người dùng được lựa chọn mặt hàng thực hiện trích lập	Trung bình	0,18		
122	FI121	Kế toán kho	Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Hệ thống có khả năng hỗ trợ xử lý dự phòng cho hàng hóa đã xuất: gọi được số tiền dự phòng phải hoàn lại ngay khi xuất kho	Trung bình	0,18		
123	FI122	Kế toán cản trừ công nợ	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng cản trừ công nợ, để thực nghiệp vụ bù trừ công nợ cho các đối tượng hoặc tài khoản trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
124	FI123	Kế toán cản trừ công nợ	Yêu cầu chung	Chức năng cản trừ công nợ cho phép gọi tất cả hoá đơn chưa thanh toán của đối tượng để thực hiện cản trừ	Cao	0,36		
125	FI124	Kế toán cản trừ công nợ	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng tự động sinh hạch toán kế toán sau khi hoàn tất cản trừ công nợ	Bắt buộc	0,54		
126	FI125	Kế toán đầu tư tài chính	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để khai báo các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ quỹ theo, ít nhất có các thông tin: - Số hợp đồng/chứng chỉ - Giá trị - Lãi suất	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Kỳ hạn - Phương thức thanh toán				
127	FI126	Kế toán đầu tư tài chính	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để thống kê dự kiến thu theo kỳ cho từng hợp đồng, chứng chỉ	Trung bình	0,18		
128	FI127	Kế toán vay nợ	Quản lý giấy nhận nợ/khế ước vay	Hệ thống cần có chức năng để khai báo các giấy nhận nợ/khế ước vay nợ, ít nhất bao gồm các thông tin: - Số giấy nhận nợ/khế ước vay - Số hợp đồng tín dụng - Giá trị vay - Kỳ hạn - Ngày giải ngân - Ngày trả nợ/đáo hạn - Lãi suất - Phương thức thanh toán - Hình thức thanh toán - Ngân hàng/tổ chức cho vay	Cao	0,36		
129	FI128	Kế toán vay nợ	Quản lý giấy nhận nợ/khế ước vay	Hệ thống cần có chức năng để thống kê dự kiến chi theo nhiều tiêu chí: theo kỳ, ngân hàng/tổ chức cho vay, giấy nhận nợ, loại chi (chi lãi/chi gốc vay)	Trung bình	0,18		
130	FI129	Kế toán tài sản	Quản lý thông tin tài sản	Hệ thống cho phép quản lý tài sản theo nhóm các thông tin: - Thông tin tài sản: mã tài sản, tên tài sản, nhóm tài sản, ... - Thông tin tài chính: Nguyên giá, thời gian sử dụng, ngày đưa vào sử dụng, ngày tính khấu hao, phương pháp khấu	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<p>hao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin quản lý tài sản: cán bộ sử dụng (quản lý), bộ phận sử dụng, đơn vị sử dụng, địa điểm quản lý</li> <li>- Thông tin khác: Serial, model, nơi sản xuất, số bảo hành, thời gian bảo hành, ...</li> <li>- Tài sản được hiểu bao gồm: tài sản cố định, công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ chi phí nhiều kỳ, chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ</li> </ul>				
131	FI130	Kế toán tài sản	Quản lý ghi tăng tài sản	<p>Hệ thống cần có chức năng để ghi tăng tài sản từ nhiều nguồn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ mua bên ngoài: liên kết với phân hệ mua hàng, để tạo nên giao dịch ghi tăng tài sản</li> <li>- Từ tập hợp chi phí xây dựng cơ bản và chuyển sang tài sản sau khi đã nghiệm thu: Tập hợp chi phí XD CB tại phân hệ kế toán, và ghi tăng tài sản ở phân hệ kế toán tài sản</li> <li>- Tài sản nhận góp vốn, biếu tặng, ...</li> </ul>	Bắt buộc	0,54		
132	FI131	Kế toán tài sản	Quản lý ghi tăng tài sản	<p>Ngoài việc quản lý tài sản có giá trị, hệ thống cần có tính năng cho phép quản lý giấy tờ có giá (sổ đỏ), giấy tờ hành chính (giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ pháp lý khác) tập trung trên hệ thống</p>	Trung bình	0,18		
133	FI132	Kế toán tài sản	Quản lý khấu hao tài sản	<p>Hệ thống cần có chức năng để tự động chạy khấu hao tài sản theo kỳ (tháng)</p>	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
134	FI133	Kế toán tài sản	Quản lý khấu hao tài sản	Hệ thống cần có chức năng để cho phép ghi nhận khấu hao ngoài kế hoạch cho tài sản	Bắt buộc	0,54		
135	FI134	Kế toán tài sản	Quản lý khấu hao tài sản	Hệ thống có chức năng để tự động sinh bút toán hạch toán kế toán, sau khi hoàn tất chạy khấu hao trên hệ thống. Khi ghi nhận hạch toán, các thông tin cần được ghi nhận trên giao dịch như: bộ phận, đơn vị, ...	Bắt buộc	0,54		
136	FI135	Kế toán tài sản	Quản lý điều chuyển tài sản	Hệ thống cần có chức năng cho phép điều chuyển tài sản trong quá trình sử dụng: - Điều chuyển người sử dụng - Điều chuyển bộ phận sử dụng - Điều chuyển đơn vị sử dụng - Điều chuyển vị trí quản lý	Bắt buộc	0,54		
137	FI136	Kế toán tài sản	Quản lý điều chuyển tài sản	Hệ thống tự động cập nhật thông tin về tài sản, sau khi hoàn tất giao dịch điều chuyển tài sản trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
138	FI137	Kế toán tài sản	Quản lý điều chỉnh thông tin tài sản	Hệ thống có chức năng cho phép thực hiện điều chỉnh thông tin tài sản trong quá trình sử dụng	Bắt buộc	0,54		
139	FI138	Kế toán tài sản	Quản lý điều chỉnh thông tin tài sản	Thông tin điều chỉnh bao gồm thông tin tài chính và thông tin phi tài chính	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
140	FI139	Kế toán tài sản	Quản lý điều chỉnh thông tin tài sản	Sau khi giao dịch điều chỉnh thông tin tài sản được hoàn tất, hệ thống tự động cập nhật thông tin cho tài sản	Bắt buộc	0,54		
141	FI140	Kế toán tài sản	Quản lý điều chỉnh thông tin tài sản	Với giao dịch điều chỉnh thông tin tài chính liên quan đến hạch toán kế toán, hệ thống cần sinh giao dịch hạch toán tương ứng sau khi hoàn tất giao dịch điều chỉnh	Bắt buộc	0,54		
142	FI141	Kế toán tài sản	Quản lý thanh lý tài sản	Hệ thống cần có chức năng thanh lý tài sản sau không sử dụng	Bắt buộc	0,54		
143	FI142	Kế toán tài sản	Quản lý đánh giá lại giá trị tài sản	Hệ thống cần có chức năng để thực hiện đánh giá lại giá trị tài sản, tương ứng với nghiệp vụ phát sinh	Trung bình	0,18		
144	FI143	Kế toán tài sản	Quản lý kiểm kê tài sản	Hệ thống cần có chức năng tạo đợt kiểm kê tài sản trên hệ thống	Bắt buộc	0,54		
145	FI144	Kế toán tài sản	Quản lý kiểm kê tài sản	Với từng đợt kiểm kê được tạo, hệ thống cần hiển thị toàn bộ danh sách tài sản theo sổ sách trên hệ thống. Thông tin đi kèm bao gồm: cán bộ sử dụng (quản lý), bộ phận, đơn vị, địa điểm, thông tin phi tài chính khác cần thiết (Serial, model, ...)	Bắt buộc	0,54		
146	FI145	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để ghi nhận các nghiệp vụ kế toán tổng hợp khác	Bắt buộc	0,54		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
147	FI146	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Với chức năng ghi nhận nghiệp vụ kế toán tổng hợp, ngoài cho phép hạch toán các nghiệp vụ phát sinh; khi ghi nhận chi phí trả trước, hệ thống cần có trường thông tin để khai báo mã chi phí trả trước. Mục đích để thống kê theo mã chi phí trả trước trên báo cáo	Trung bình	0,18		
148	FI147	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có tính năng để cho phép thiết lập các bút toán lập và khai báo thông tin như: tài khoản hạch toán, giá trị hạch toán, thời gian hạch toán định kỳ, nội dung giao dịch. Định kỳ, đến ngày hệ thống tự động sinh giao dịch hạch toán, người dùng kiểm tra và ghi nhận vào hệ thống	Trung bình	0,18		
149	FI148	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng để phân bổ chi phí chung theo chiều thông tin quản trị theo kỳ	Trung bình	0,18		
150	FI149	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng để thực hiện kết chuyển cuối kỳ theo quy định kế toán: - Kết chuyển doanh thu (doanh thu/giảm trừ doanh thu) - Kết chuyển chi phí - Kết chuyển lãi/lỗ - Kết chuyển thuế GTGT	Bắt buộc	0,54		
151	FI150	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống cần có chức năng đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Cao	0,36		
152	FI151	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có chức năng phân bổ lợi nhuận cho các giao dịch mua bán nội bộ.	Trung bình	0,18		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Chức năng có thể để liệt kê toàn bộ các giao dịch mua bán nội bộ, để người dùng thực hiện chọn giao dịch và nhập tỷ lệ chia sẻ lợi nhuận.				
153	FI152	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng hỗ trợ hợp nhất báo cáo tài chính (TSC, chi nhánh ĐN, chi nhánh HCM)	Trung bình	0,18		
154	FI153	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)	Bắt buộc	0,54		
155	FI154	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Quốc tế (IFRS)	Trung bình	0,18		
156	FI155	Kế toán tổng hợp	Yêu cầu chung	Hệ thống có khả năng lập báo cáo tài chính theo quy định của công ty mẹ (Ngân hàng Công thương)	Trung bình	0,18		

### g. Quản lý nhân sự tiền lương

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	HCM01	Quản lý sơ đồ tổ chức	Quản lý phân cấp sơ đồ tổ chức	Hệ thống có thể quản lý sơ đồ tổ chức dạng cây từ cấp công ty đến cấp chi nhánh/phòng ban/cửa hàng, tổ/nhóm. Hiện thị được số lượng nhân sự tại từng bộ phận.	Cao	0,6		
2	HCM02	Quản lý sơ đồ tổ chức	Hệ thống cho phép thành lập	Hệ thống có chức năng thêm mới, xóa, thay đổi sơ đồ tổ chức theo phân quyền.	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			mới, chia tách, sát nhập giải thể cơ cấu tổ chức					
3	HCM03	Quản lý thông tin Nhân sự	Thông tin lý lịch cá nhân	Hệ thống có chức năng cập nhật các thông tin lý lịch cá nhân của nhân viên trong công ty và quản lý nhân sự thuê ngoài bao gồm báo cáo, chấm công, lương để đối soát với NCC Cho phép thiết lập nhân viên thuộc một bộ phận nào theo quá trình làm việc của nhân viên	Bắt buộc	0,9		
4	HCM04	Quản lý thông tin Nhân sự	Quá trình làm việc	Hệ thống có chức năng cập nhật thông tin quá trình làm việc của nhân viên như: Điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, tạm đình chỉ công việc, thay đổi chức danh, thay đổi loại nhân viên. Đính kèm các QĐ kèm theo	Cao	0,6		
5	HCM05	Quản lý thông tin Nhân sự	Chức danh kiêm nhiệm	Hệ thống có chức năng cập nhật thông tin kiêm nhiệm gồm chức danh kiêm nhiệm của cán bộ	Cao	0,6		
6	HCM06	Quản lý thông tin Nhân sự	Chức năng tạo hợp đồng lao động	Hệ thống có chức năng cho phép tạo hợp đồng lao động giữa Công ty với nhân viên dựa vào loại hợp đồng mà nhân viên được chuyển, mức lương thỏa thuận, thời hạn hợp đồng... Tạo và xuất ra định dạng file doc để hoàn thiện và ký hợp đồng lao động với nhân viên	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
7	HCM07	Quản lý thông tin Nhân sự	Thông tin khen thưởng cá nhân	Hệ thống có chức năng cập nhật và theo dõi thông tin thi đua, khen thưởng cá nhân của CBNV	Cao	0,6		
8	HCM08	Quản lý thông tin Nhân sự	Thông tin kỷ luật	Hệ thống có chức năng cập nhật và theo dõi thông tin kỷ luật của nhân viên	Cao	0,6		
9	HCM09	Quản lý thông tin Nhân sự	Thông tin người thân	Hệ thống có chức năng cập nhật thông tin những người có mối quan hệ với nhân viên như: Cha, mẹ, anh, chị, em trong gia đình. Ghi nhận thông tin người thân là người phụ thuộc dùng cho tính giảm trừ gia cảnh, ngày nhân viên nộp hồ sơ giảm trừ (dùng cho tính giảm trừ trong bảng lương), và ngày hiệu lực thực tế giảm trừ (để phục vụ cho Quyết toán thuế năm)	Trung bình	0,3		
10	HCM10	Quản lý thông tin Nhân sự	Hồ sơ lưu trữ	Quản lý, cập nhật thông tin các tài liệu, hồ sơ của nhân viên khi vào làm (SYLL, CCCD, bằng cấp, CC...)	Cao	0,6		
11	HCM11	Quản lý thông tin Nhân sự	Hồ sơ sức khỏe	Cho phép ghi nhận thông tin khám sức khỏe hàng năm của nhân viên	Cao	0,6		
12	HCM12	Quản lý thông tin Nhân sự	Thông tin nhân viên thôi việc	Cập nhật các thông tin khi nhân viên thôi việc, cho phép đính kèm các File tờ trình và quyết định liên quan.	Bắt buộc	0,9		
13	HCM13	Quản lý thông tin Nhân sự	Hợp đồng nhân sự: hợp đồng đào tạo, thử	Quản lý toàn bộ quá trình hợp đồng từ khi vào công ty, bao gồm cảnh báo hết hạn thử việc, hết hạn hợp đồng (thời hạn cảnh báo được thiết lập), cảnh báo	Bắt buộc	0,9		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
			việc, lao động chính thức, hợp đồng dịch vụ...	được gửi vào email của cán bộ và phòng TCHC (được thiết lập địa chỉ)				
14	HCM14	Quản lý thông tin Nhân sự	Tra cứu thông tin hồ sơ nhân sự	Hệ thống có chức năng có thể tra cứu và xem tất cả thông tin lịch sử của nhân sự: - Thời gian làm việc - Các vị trí công tác - Các chứng chỉ - Khen thưởng - Kỷ luật - Lương, các thu nhập khác - BHXH ...	Cao	0,6		
15	HCM15	Quản lý tuyển dụng	Cập nhật danh sách ứng viên - trực tiếp	Hệ thống có chức năng nhập/upload thông tin ứng viên có nhu cầu ứng tuyển cho từng vị trí tuyển dụng (Ứng viên hoặc cán bộ nhân sự điền form thông tin theo mẫu VGJ để đẩy vào hệ thống)	Trung bình	0,3		
16	HCM16	Quản lý tuyển dụng	Cập nhật danh sách ứng viên - tích hợp	Hệ thống có tích hợp với webiste của Công ty để cập nhật thông tin ứng viên ứng tuyển đăng ký trên website (trong trường hợp website của Công ty có chức năng cho phép ứng viên đăng ký tham gia ứng tuyển)	Trung bình	0,3		
17	HCM17	Quản lý tuyển dụng	Lập lịch phỏng vấn	Hệ thống có chức năng đặt lịch phỏng vấn cho ứng viên và tự động gửi email	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				thông báo đến ứng viên và gửi đến cán bộ quản lý nhân sự liên quan (địa chỉ email có thể được thiết lập tùy thời điểm)				
18	HCM18	Quản lý tuyển dụng	Cập nhật kết quả và gửi thông báo kết quả từng vòng	Hệ thống có chức năng cập nhật kết quả phỏng vấn/thi từng vòng của ứng viên và tự động gửi email thông báo kết quả sau mỗi vòng phỏng vấn/thi cho ứng viên. Bao gồm cả kết quả cuối cùng	Trung bình	0,3		
19	HCM19	Quản lý tuyển dụng	Hủy quyết định trúng tuyển	Hệ thống có chức năng cho phép chuyển trạng thái hủy bỏ kết quả tuyển dụng, nếu lý do và gửi thông báo email đến ứng viên	Trung bình	0,3		
20	HCM20	Quản lý tuyển dụng	Cập nhật hoàn thiện hồ sơ ứng viên	Hệ thống có chức năng attach bổ sung hồ sơ cho ứng viên để hoàn thiện thủ tục tuyển dụng và ký hợp đồng với ứng viên (Giấy khám sức khỏe...)	Trung bình	0,3		
21	HCM22	Quản lý tuyển dụng	Quản lý hồ sơ và theo dõi quá trình tuyển dụng theo vị trí	Hệ thống có chức năng có thể xem danh sách ứng viên ứng tuyển cho từng vị trí và tiến trình từng người. Tra cứu thông tin chuyên môn, lĩnh vực đào tạo, kinh nghiệm, trạng thái của ứng viên	Trung bình	0,3		
22	HCM23	Quản lý chấm công	Định nghĩa ca làm việc	Hệ thống cho phép định nghĩa các ca làm việc theo thực tế công ty. Thời gian làm việc của mỗi loại ca Không có ca đặc thù thì ca trùng với ngày làm việc bình thường	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
23	HCM24	Quản lý chấm công	Phân ca làm việc	Hệ thống cho phép gán/thiết lập nhân viên đi làm theo ca làm việc nào, trong quá trình thực hiện cho phép thay đổi cập nhật lại ca	Cao	0,6		
24	HCM25	Quản lý chấm công	Thông tin làm việc ngoài giờ	Người lao động làm đơn, các cấp phê duyệt, sau đó Phòng NS xác nhận lại thông tin ngoài giờ thực tế dùng để tính lương hay nghỉ bù	Cao	0,6		
25	HCM26	Quản lý chấm công	Ghi nhận thời gian làm việc	Hệ thống có khả năng tích hợp trực tiếp với hệ thống chấm công của Công ty để chi nhận check in/out của cán bộ nhân viên Và Hệ thống có chức năng import file dữ liệu check in/out của cán bộ nhân viên	Cao	0,6		
26	HCM27	Quản lý chấm công	Ghi nhận thời gian trên ứng dụng	Hệ thống có khả năng thống kê được thời gian check in/out của cán bộ nhân viên trên ứng dụng mobile app (trong trường hợp Công ty có triển khai app nhân viên)	Cao	0,6		
27	HCM28	Quản lý chấm công	Chức năng xin nghỉ phép, nghỉ thai sản, ốm đau...	Hệ thống có chức năng cho phép CBNV tạo đơn xin nghỉ phép, nghỉ thai sản theo chế độ, ốm đau...	Cao	0,6		
28	HCM29	Quản lý chấm công	Phê duyệt đơn xin nghỉ	Hệ thống có chức năng phân quyền cho cán bộ có thẩm quyền phê duyệt các đơn xin nghỉ của CBNV	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
29	HCM30	Quản lý chấm công	Tổng hợp chấm công tháng	Hệ thống cho phép thực hiện tổng hợp chấm công (bao gồm số ngày đi làm, số ngày nghỉ, số giờ làm ngoài giờ, ...) và khóa bảng công để chuyển sang tính lương. Ngoài ra cần cho phép import kết quả tổng hợp chấm công từ file excel vào để tính lương.	Cao	0,6		
30	HCM31	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Tạo khung đánh giá	Hệ thống có chức năng cho phép định nghĩa các khung đánh giá (360): - Loại khung (LĐ, NVKD, Kế toán...) - Các tiêu chí đánh giá: thang điểm, trọng số - ....	Cao	0,6		
31	HCM32	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Tạo bảng đánh giá theo đợt đánh giá	Hệ thống có chức năng tạo bảng đánh giá theo đợt định kỳ căn cứ trên khung đánh giá đã định nghĩa: - Đợt đánh giá, thời gian - Loại khung - Đối tượng đánh giá: gán cán bộ cụ thể (có thể gán nhiều đối tượng đánh giá) - Đối tượng được đánh giá: gán cán bộ cụ thể	Cao	0,6		
32	HCM33	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp	Phê duyệt bảng đánh giá	Hệ thống cho phép phân quyền cho cán bộ có thẩm quyền vào duyệt các bảng đánh giá của đợt	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		hạng CBNV						
33	HCM34	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Gửi thông báo đánh giá đến cán bộ đánh giá	Hệ thống có chức năng tự động gửi email đến cán bộ được phân công đánh giá cho từng bảng đánh giá sau khi đã được duyệt, trong email đính kèm link chức năng vào đánh giá (web)	Cao	0,6		
34	HCM35	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Chức năng đánh giá	Hệ thống có chức năng cho phép CBNV vào thực hiện đánh giá theo bảng đánh giá đã được định nghĩa và phân công	Cao	0,6		
35	HCM36	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Tính toán và tổng hợp kết quả đánh giá	Hệ thống có chức năng cho phép tính toán và tổng hợp kết quả điểm đánh giá của từng CBNV, kết quả đánh giá là chỉ số trong bộ chỉ tiêu KPI	Cao	0,6		
36	HCM37	Quản lý đánh giá yêu tố con người theo 360, xếp hạng CBNV	Ghi nhận điểm KPI	Hệ thống cho phép cán bộ quản lý thực hiện quản lý chỉ tiêu KPI: thêm/sửa/xoá chỉ tiêu cấu thành nên KPI Và Có thể upload từ file excel (csv) kết quả KPI lên hệ thống, để áp dụng cho	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				việc tính lương 6 táng tiếp theo Và Truy vấn được lịch sử kết quả KPI cá nhân trên hệ thống				
37	HCM38	Quản lý đánh giá, tính điểm KPI, xếp hạng CBNV	Cập nhật kết quả xếp hạng hàng năm	Hệ thống có chức năng cho phép cập nhật kết quả xếp hạng hàng năm của CBNV để làm căn cứ hồ sơ xem xét lộ trình thăng tiến cũng như tăng lương trong tương lai. Và Có thể upload từ file excel	Cao	0,6		
38	HCM39	Quản lý tính lương	Quản lý số tháng nâng lương thường xuyên	Thiết lập thông tin Thang bảng lương theo Ngạch, bậc, hệ số	Cao	0,6		
39	HCM40	Quản lý tính lương	Thiết lập danh mục các khoản thêm lương	Hệ thống cho phép định nghĩa các khoản thêm lương/phụ cấp/khoản thưởng thường xuyên, đột xuất	Cao	0,6		
40	HCM41	Quản lý tính lương	Thông tin lương của nhân viên	Hệ thống cho phép cập nhật thay đổi lương của CBNV (đính kèm quyết định để theo dõi), đồng thời quản lý toàn bộ quá trình lương của CBNV	Cao	0,6		
41	HCM42	Quản lý tính lương	Các khoản thêm lương	Hệ thống cho phép cập nhật và quản lý tất cả các khoản thêm/ phụ cấp/khoản thưởng đột xuất của nhân viên theo ngày hiệu lực, kết thúc hiệu lực hưởng	Cao	0,6		
42	HCM43	Quản lý tính lương	Các khoản khấu trừ	Hệ thống cho phép cập nhật và quản lý các khoản khấu trừ (như khoản vay,	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				khoản tạm ứng, các khoản truy thu theo quy định) theo tháng hiệu lực, tháng kết thúc hiệu lực hưởng				
43	HCM44	Quản lý tính lương	Tính lương	<p>Hệ thống hỗ trợ thiết lập công thức tính lương căn cứ trên các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lương ngạch bậc</li> <li>- Các khoản phụ cấp</li> <li>- Các khoản thưởng</li> <li>- Các khoản giảm trừ</li> <li>- Điểm số KPI</li> <li>- ...</li> </ul> <p>Hệ thống có chức năng cho phép thiết lập tính lương ngoài giờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ trên báo cáo chấm công và thiết lập thời gian làm việc để tính ra thời gian làm việc ngoài giờ</li> <li>- Thiết lập mức tính lương cho thời gian ngoài giờ</li> <li>- Lựa chọn trạng thái áp dụng hoặc không áp dụng, thời gian áp dụng</li> </ul> <p>Và</p> <p>Hệ thống cho phép nhập bảng lương mới nếu bảng lương chưa nằm trong mẫu đã thiết lập của hệ thống</p>	Cao	0,6		
44	HCM45	Quản lý tính lương	Tính thu nhập cuối năm	Hệ thống cho phép tính thu nhập bổ sung cuối năm cho CBNV: Phần chênh quỹ lương năm cả Công ty với phần đã chi trả trong năm * %KPI năm của từng CBNV trong công ty	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
45	HCM46	Quản lý tính lương	Tính tổng thu nhập năm	Hệ thống có chức năng tính lại thu nhập năm: lương đã chi trả hàng tháng, những khoản chi trả ngoài lương (phụ cấp, các ngày lễ theo quy định, các khoản thưởng...) + khoản thu nhập cuối năm	Cao	0,6		
46	HCM47	Quản lý tính lương	Tính quyết toán thôi việc (tính trợ cấp thôi việc, tiền phép tiêu chuẩn còn lại, trợ cấp mất việc,..)	Hệ thống hỗ trợ tính quyết toán thôi việc (tính trợ cấp thôi việc, tiền phép tiêu chuẩn còn lại, trợ cấp mất việc,..) theo quy định của nhà nước/VGJ, cho phép tính cùng bảng lương	Cao	0,6		
47	HCM48	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Quyết toán thuế	Hệ thống hỗ trợ thực hiện quyết toán thuế cuối năm từ các nguồn thu nhập từ bảng lương, bảng thưởng, thu nhập bổ sung	Cao	0,6		
48	HCM49	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Xuất các báo cáo thuế năm theo quy định nhà nước	Kết xuất ra các biểu mẫu theo quy định của thuế	Cao	0,6		
49	HCM50	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Xuất các báo cáo thuế năm theo quy định nhà nước	Hệ thống trích xuất ra biểu mẫu báo cáo quyết toán thuế để import lên các phần mềm nộp thuế	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
50	HCM51	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Định nghĩa nhóm bảo hiểm	Hệ thống cho phép định nghĩa và khai báo các nhóm bảo hiểm và tỷ lệ đóng khác nhau: BHXH, BHYT, BHTN...	Cao	0,6		
51	HCM52	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Xác định tham gia các loại bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN)	Hệ thống cho phép xác định các loại bảo hiểm bắt buộc tham gia đối với CBNV	Cao	0,6		
52	HCM53	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Thông tin tham gia BHXH, BHYT, BHTN	Hệ thống cho phép quản lý các thông tin tham gia BHXH tại công ty, quá trình khai báo tăng/giảm bảo hiểm, và có quản lý thông tin tham gia tại cty khác	Cao	0,6		
53	HCM54	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Thông tin lương đóng bảo hiểm	Hệ thống cho phép cập nhật, quản lý quá trình lương đóng bảo hiểm của nhân viên. Cho phép lấy thông tin từ diễn biến lương sang để đảm bảo dữ liệu đồng nhất	Cao	0,6		
54	HCM55	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Thông tin nghỉ bảo hiểm (Ốm đau, con ốm, bản thân ốm, thai sản, không lương)	Hệ thống cho phép quản lý thông tin nhân viên được hưởng chế độ bảo hiểm như ốm đau, thai sản. Thông tin này có thể nhập trực tiếp hoặc kéo dữ liệu từ phân hệ chăm công sang để khai báo bảo hiểm. Kết xuất dữ liệu hưởng chế độ theo mẫu của phần mềm bảo hiểm để import lên phần mềm bảo hiểm.	Cao	0,6		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
55	HCM56	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Cảnh báo	Cảnh báo nghỉ từ 14 ngày cộng dồn trong tháng (theo luật BHXH); Cảnh báo người lao động nghỉ bệnh dài ngày (theo luật lao động, theo luật BHXH) Gửi cảnh báo đến email nhân viên và cán bộ quản lý HC (được thiết lập)	Trung bình	0,3		
56	HCM57	Quản lý thuế TNCN, BHXH	Kết nối với các phần mềm để nộp BHXH	Chương trình xuất dữ liệu theo template mẫu của phần mềm bảo hiểm để người dùng import vào phần mềm bảo hiểm.	Trung bình	0,3		
57	HCM58	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân - web	Xem thông tin cá nhân	Cho phép người dùng có thể xem thông tin của bản thân hoặc nhân viên theo phân quyền. - Lý lịch nhân viên - Hợp đồng lao động - Quá trình làm việc - Bảng cấp chứng chỉ - Kinh nghiệm làm việc - Khen thưởng/kỷ luật - Thông tin người thân - Thông tin visa passport - Hồ sơ lưu trữ	Trung bình	0,3		
58	HCM59	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân - web	Cập nhật thông tin cá nhân	Người dùng thực hiện cập nhật thông tin bản thân : - Lý lịch cá nhân (bao gồm cả CMND, Mã số thuế) - Thông tin người thân - Bảng cấp chứng chỉ - Kinh nghiệm làm việc - Hồ sơ lưu trữ	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				- Thông tin sức khỏe Các thông tin người dùng tự thay đổi cần được tự động gửi email thông báo cho cán bộ TCHC Cán bộ TCHC có chức năng vào hệ thống xác nhận thông tin thay đổi, sau đó các thông tin thay đổi mới chính thức được sử dụng.				
59	HCM60	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân - web	Nhập/ phê duyệt phép, nghỉ ốm, thai sản... online	Cho phép nhân viên tự đăng ký nghỉ/ phép, thai sản, nghỉ ốm... Online trên phần mềm khi xin nghỉ. Cho phép thiết lập cấp phê duyệt cho từng số ngày nghỉ (VD: dưới 03 ngày: Trưởng bộ phận, từ 03 ngày: PTGD...), loại nghỉ phép (thai sản: TCHC ...)... Chương trình tự động gửi email nhắc phê duyệt đơn nghỉ phép của CBNV đến cấp phê duyệt tương ứng. Chương trình hỗ trợ cho phép duyệt hàng loạt nhiều đơn đăng ký cùng một lúc hoặc duyệt từng đơn. Duyệt cả các đơn xin nghỉ được tạo trên mobile app. Chương trình cho phép lấy lại đơn đăng ký khi chưa phê duyệt hoặc đăng ký rút lại đơn sau khi đơn đã phê duyệt nhưng không nghỉ.	Trung bình	0,3		
60	HCM61	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ	Xem phiếu lương	Cho phép nhân viên (có tài khoản) có thể xem thông tin phiếu lương hàng tháng trên hệ thống	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		Cá Nhân - web						
61	HCM62	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân - web	Cập nhật dữ liệu quẹt thẻ (Bổ sung giờ công đi trễ - về sớm)	Cho phép nhân viên đăng ký giải trình đi trễ về sớm, quên chấm công. Đơn đăng ký chuyển đến cấp quản lý của nhân viên phê duyệt, cấp quản lý có thể đăng nhập vào chương trình để phê duyệt hàng loạt đơn đăng ký, bao gồm cả các đơn tạo trên App mobile.	Trung bình	0,3		
62	HCM63	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân – App mobile	Xem và cập nhật thông tin cá nhân	- Cho phép người dùng có thể xem thông tin của bản thân hoặc nhân viên theo phân quyền - Cho phép nhân viên thực hiện cập nhật thông tin bản thân khi có thay đổi. Các thông tin như chức năng trên web	Trung bình	0,3		
63	HCM65	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân – App mobile	Duyệt nghỉ phép, nghỉ ốm, thai sản... online	Chương trình hỗ trợ cho phép duyệt hàng loạt nhiều đơn đăng ký cùng một lúc hoặc duyệt từng đơn. Duyệt cả các đơn xin nghỉ được tạo trên web.	Trung bình	0,3		
64	HCM66	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân – App mobile	Xem phiếu lương	Cho phép nhân viên xem thông tin phiếu lương hàng tháng trên giao diện App mobile	Trung bình	0,3		
65	HCM67	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ	Cập nhật dữ liệu quẹt thẻ (Bổ sung	Cho phép nhân viên thực hiện tạo đơn giải trình các trường hợp thiếu dữ liệu chấm công hàng ngày, đi trễ, về sớm	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		Cá Nhân – App mobile	giờ công đi trễ - về sớm)	và chuyển quản lý duyệt trên App Mobility. Đơn đăng ký chuyển đến cấp quản lý của nhân viên phê duyệt, cấp quản lý có thể đăng nhập vào App mobile để phê duyệt hàng loạt đơn đăng ký, bao gồm cả các đơn tạo trên web.				
66	HCM68	Phân hệ Quản lý Dịch Vụ Cá Nhân – App mobile	Chăm công ngoài văn phòng công ty	- Chăm công wifi: Cho phép cán bộ nhân viên thực hiện chăm công trên App Mobility khi có kết nối với wifi Công ty. Mỗi một nhân viên chỉ được đăng ký 1 thiết bị chăm công duy nhất tại 1 thời điểm - Chăm công GPS: Cho phép nhân viên thực hiện chăm công và ghi nhận location tại thời điểm chăm công thông qua App Mobile.	Trung bình	0,3		

#### h. Quản lý văn bản

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	DOC01	Văn bản đến	Tiếp nhận văn bản, đăng ký, vào sổ	Hệ thống cho phép nhập liệu (scan hoặc upload file PDF, DOCX, XML). Hỗ trợ OCR để nhận dạng văn bản giấy. Tự sinh số đến theo mẫu, Ngày nhận VB (có thể cấu hình) Hỗ trợ mã QR để tra cứu.	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
2	DOC02	Văn bản đến	Phân loại & Luân chuyển	Hệ thống có chức năng cho phép phân nhóm văn bản chức năng nghiệp vụ Workflow tự động luân chuyển văn bản đến bộ phận/cán bộ liên quan (có thể thiết lập tuyến luân chuyển theo cơ cấu tổ chức). Hỗ trợ thông báo (email/zalo) đến cán bộ liên quan	Trung bình	0,3		
3	DOC03	Văn bản đến	Xử lý văn bản	Cho phép ghi chú, đính kèm file trả lời. Cập nhật và theo dõi tiến độ (chưa xử lý, đang xử lý, hoàn thành). Hệ thống nhắc hạn xử lý cho cán bộ liên quan (qua email, zalo), cho phép thiết lập thời hạn nhắc	Trung bình	0,3		
4	DOC04	Văn bản đến	Báo cáo & lưu trữ	Hệ thống lưu trữ hồ sơ văn bản, lịch sử xử lý để có thể tra cứu và tổng hợp báo cáo Báo cáo tổng số lượng văn bản đến, số lượng đã xử lý, số chưa xử lý, số sắp đến hạn, số bị trễ hạn...	Trung bình	0,3		
5	DOC05	Văn bản đi	Thêm mới, sửa, xóa, xem văn bản dự thảo	Hệ thống cho phép soạn trực tiếp theo các mẫu hoặc upload file. Hệ thống cho phép chỉnh sửa văn bản, và lưu các phiên bản của văn bản Hệ thống hỗ trợ chức năng ghi nhận ý kiến của các cán bộ liên quan, lưu log lịch sử ý kiến của các bộ phận	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
6	DOC06	Văn bản đi	Trình duyệt & phê duyệt: lãnh đạo xét duyệt, chỉnh sửa (có thể kèm ký số)	Hệ thống hỗ trợ thiết lập luồng phê duyệt theo các cấp phê duyệt tương ứng với các loại văn bản Hệ thống hỗ trợ chức năng trình duyệt và sẽ tự động chuyển đến cấp phê duyệt tương ứng, có thông báo bằng email/zalo/sms Hệ thống hỗ trợ chức năng phê duyệt có tích hợp chữ ký số Hỗ trợ ký/duyet từ xa (web, mobile app).	Trung bình	0,3		
7	DOC07	Văn bản đi	Phát hành & gửi đi	Hệ thống hỗ trợ chức năng tự động gán số đi, ngày phát hành. Hỗ trợ xuất file PDF có ký số. Tích hợp công dịch vụ công để gửi liên thông. Hỗ trợ kết nối gửi email	Trung bình	0,3		
8	DOC08	Văn bản đi	Lưu trữ và trả cứu báo cáo	Lưu bản PDF đầy đủ từng văn bản Ghi log thông tin để phục vụ tìm kiếm tra cứu (theo loại văn bản, thời gian phát hành, trạng thái...) Cho phép phân quyền tra cứu và xem văn bản	Trung bình	0,3		
9	DOC09	Văn bản nội bộ	Soạn thảo văn bản	Hệ thống cho phép soạn trực tiếp theo các mẫu (phiếu đề xuất, công tác, thanh toán...) Hệ thống cho phép chỉnh sửa văn bản, và lưu các phiên bản của văn bản Hệ thống hỗ trợ chức năng ghi nhận ý	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				kiến của các cán bộ liên quan, lưu log lịch sử ý kiến của các bộ phận				
10	DOC10	Văn bản nội bộ	Trình phê duyệt, cho ý kiến chi đạo theo luồng phê duyệt	Hệ thống hỗ trợ thiết lập luồng phê duyệt theo các cấp phê duyệt tương ứng với các loại văn bản Hệ thống hỗ trợ chức năng trình duyệt và sẽ tự động chuyển đến cấp phê duyệt tương ứng, có thông báo bằng email/zalo/sms Hệ thống hỗ trợ chức năng phê duyệt có tích hợp chữ ký số hoặc chữ ký điện tử nội bộ (OTP, xác thực AD/SSO). Hỗ trợ ký/duyet từ xa (web, mobile app).	Trung bình	0,3		
11	DOC11	Văn bản nội bộ	Chia sẻ trong nội bộ cơ quan	Hệ thống hỗ trợ gửi email/zalo cho cán bộ, bộ phận liên quan Cấp quyền xem/không xem theo nhóm/cá nhân. Cho phép bình luận, góp ý, lưu đầy đủ lịch sử góp ý	Trung bình	0,3		
12	DOC12	Văn bản nội bộ	Lưu trữ phục vụ tra cứu	Ghi log thông tin để phục vụ tìm kiếm tra cứu (theo loại văn bản, thời gian phát hành, trạng thái...) Cho phép phân quyền tra cứu và xem văn bản	Trung bình	0,3		
13	DOC13	Lưu trữ & quản lý hồ sơ	Phân nhóm hồ sơ, tài liệu	Hệ thống hỗ trợ tạo và quản lý theo các cây thư mục: Thêm mới/ Sửa/ Xóa/ Xem nhóm tài liệu	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				Tính năng này nhằm giúp người dùng có thể tạo lập nhiều thư mục trên hệ thống để phân loại và lưu trữ thông tin trên đó: hành chính, kinh doanh, tài chính, sản xuất...				
14	DOC14	Lưu trữ & quản lý hồ sơ	Phân quyền truy cập theo các nhóm người dùng	Hỗ trợ phân quyền truy cập tài liệu cho những người dùng khác trên hệ thống. Có thể phân quyền cùng lúc cả thư viện tài liệu, từng thư mục, hoặc từng File tài liệu Việc phân quyền có thể phân theo từng cá nhân người dùng hoặc theo các nhóm người dùng khác nhau Quản lý phân quyền theo thư mục và đến từng file: - Gán/loại bỏ quyền truy cập - Xem danh sách nhóm người dùng có quyền truy cập	Trung bình	0,3		
15	DOC15	Lưu trữ & quản lý hồ sơ	Quản lý tài liệu theo nhóm: Thêm mới/ Sửa/ Xóa/ Xem tài liệu theo nhóm	Thêm mới/ Sửa/ Xóa/ Xem tài liệu theo nhóm (Với những thư mục đã tạo lập, hệ thống hỗ trợ thay đổi tên mô tả hoặc loại bỏ một nhóm không còn sử dụng ra khỏi hệ thống.) Cho phép thiết lập và lưu trữ file tài liệu hệ thống vào các thư mục cá nhân tùy theo người sử dụng (không phải là tải file về lưu trên máy cá nhân) Nhóm tài liệu:	Trung bình	0,3		

STT	Mã yêu cầu	Quy trình	Chức năng nghiệp vụ	Mô tả yêu cầu	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm publish: hiển thị dạng cây thư mục, tất cả người dùng đều vào tải về được;</li> <li>- Nhóm private: riêng cho từng phòng ban chỉ người trong phòng ban mới được truy cập</li> <li>- Quản lý tài liệu ở cấp công ty, phòng ban</li> </ul>				
16	DOC16	Lưu trữ & quản lý hồ sơ	Báo cáo, tra cứu	<p>Hệ thống hỗ trợ tìm kiếm nhanh theo số hiệu, từ khóa, đơn vị.            Báo cáo thống kê nhanh, báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp các loại tài liệu, hồ sơ            Phân quyền theo vai trò, phòng ban.            Nhật ký truy cập.</p>	Trung bình	0,3		

### i. Danh sách báo cáo

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
1	Marketing	<p>Báo cáo tổ chức sự kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin sự kiện: tên, thời gian, địa điểm, mục tiêu</li> <li>- Ngân sách dự kiến &amp; chi phí thực tế</li> <li>- Tổng số khách mời &amp; số tham dự thực tế</li> </ul> <p>- Cơ cấu khách tham dự (khách hàng hiện hữu, khách hàng tiềm năng, đối tác, báo chí...)</p>	Trung bình	0,3		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		- Danh sách nhà cung cấp - ...				
2	Marketing	Báo cáo hiệu quả sự kiện marketing - Số lượng lead thu được từ sự kiện (điền form, quét QR code, danh thiếp...) - Số lượng cơ hội bán hàng tạo ra từ sự kiện. - Doanh thu trực tiếp từ sự kiện (nếu có). - Tỷ lệ khách hàng quay lại sau sự kiện (cập nhật thông tin nguồn khách khi ký hợp đồng/đơn hàng) - ...	Trung bình	0,3		
3	Marketing	Báo cáo chiến dịch Marketing: - Tổng hợp danh sách chiến dịch: tên CD, thời gian thực hiện, kênh triển khai (Hội thảo/Sự kiện, Facebook Ads, Website, Google CPC, Live Stream, Social ...) - Ngân sách dự kiến & chi phí thực tế phát sinh - Số lượng khách hàng đã tiếp cận, tương tác - Doanh thu tạo ra từ chiến dịch - ...	Trung bình	0,3		
4	Marketing	Báo cáo kênh Marketing: - Chi phí theo từng kênh (Hội thảo/Sự kiện, Facebook Ads, Website, Google CPC, Live Stream, Social ...) - Số lượt tiếp cận / số lượt nhấp - So sánh hiệu quả kênh (chi phí- doanh thu)....	Trung bình	0,3		
5	Marketing	Báo cáo khách hàng từ Marketing: - Số lượng khách hàng tiềm năng mới (Lead) - Số lượng cơ hội mới, Số khách hàng mới - Tỷ lệ chuyển đổi từ khách hàng TN → khách hàng thực tế - Giá trị trung bình mỗi khách hàng	Trung bình	0,3		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		- Chi phí Marketing trung bình cho 1 khách hàng - ...				
6	CSKH	Báo cáo công việc của CBKD: Danh sách công việc CSKH (cuộc hẹn/họp, gọi điện, email, báo giá...), kế hoạch, trạng thái thực hiện, đề xuất... Có gắn với hợp đồng/đơn hàng đối với các hoạt động chăm sóc sau bán hàng	Trung bình	0,3		
7	CSKH	Báo cáo danh sách khách hàng tiềm năng, cơ hội KD: - Thông tin khách hàng (tên; người liên hệ, địa chỉ, phân khúc...) - Các mặt hàng tiềm năng - Giá trị/số lượng mặt hàng cho cơ hội - Trạng thái: cool/warm/hot - Thời gian kỳ vọng ký hợp đồng - Nguồn cơ hội - Ngày tạo - Cán bộ sale phụ trách - Đối thủ tiềm năng	Trung bình	0,3		
8	CSKH	Báo cáo chuyển đổi cơ hội: - Số lượng & tỉ lệ khách hàng tiềm năng mới (Lead) chuyển đổi thành cơ hội - Số lượng & tỷ lệ chuyển đổi từ cơ hội → khách hàng thực tế (ký hợp đồng/đơn hàng) - Giá trị trung bình mỗi khách hàng...	Trung bình	0,3		
9	Bán hàng	Bảng kê giao nhận Vàng: chi tiết theo cửa hàng, ngày thực hiện, liệt kê chi tiết theo từng giao dịch giao nhận Vàng với khách hàng	Trung bình	0,3		
10	Bán hàng	Bảng kê chi tiết bán Vàng trang sức: liệt kê giao dịch bán hàng theo giao dịch, thông tin khách hàng, thông tin hàng bán	Trung bình	0,3		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		bán (mã hàng, tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, tuổi vàng, ...), ...				
11	Bán hàng	Bảng kê chi tiết bán hàng: liệt kê chi tiết đơn hàng thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: Thông tin đơn hàng (số phiếu, ngày), thông tin đơn vị (đơn vị, bộ phận, nhân viên), thông tin khách hàng, thông tin sản phẩm bán, số lượng, đơn giá, thành tiền, loại sản phẩm, thuế suất, tiền thuế GTGT, tổng cộng, ...	Bắt buộc	0,9		
12	Bán hàng	Báo cáo chi tiết lợi nhuận gộp cho đơn hàng: liệt kê chi tiết từng đơn hàng theo tham số lựa chọn: Thời gian, đơn vị, bộ phận, nhân viên bán hàng, loại hàng, mặt hàng, nhóm khách hàng, khách hàng, ... Và thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: Thông tin đơn hàng (số phiếu, ngày), thông tin khách hàng, thông tin sản phẩm bán, số lượng, đơn giá, thành tiền, đơn giá vốn, giá vốn bán hàng, lợi nhuận gộp, ...	Cao	0,6		
13	Bán hàng	Báo cáo bán chéo: chi tiết đơn bán hàng mà thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: thông tin giao dịch (số phiếu, này), thông tin khách hàng, thông tin nhân viên bán hàng, thông tin sản phẩm, thông tin giá trị đơn hàng, ... Và tham số chọn bao gồm: thời gian, đơn vị, bộ phận, nhân viên bán hàng, khách hàng, ...	Cao	0,6		
14	Bán hàng	Báo cáo giá: thông tin chi tiết về sản phẩm, giá niêm yết mua vào, giá niêm yết bán ra, tình trạng, lịch sử thay đổi giá	Cao	0,6		
15	Bán hàng	Báo cáo tình trạng giao hàng: liệt kê toàn bộ đơn hàng theo trạng thái giao hàng: chờ giao hàng, đang giao hàng, đã giao một phần, đã giao hàng, ...	Bắt buộc	0,9		
16	Bán hàng	Báo cáo tổng hợp doanh thu bán hàng: báo cáo tổng hợp theo các thông tin về khách hàng, số tiền trước thuế, tiền thuế	Bắt buộc	0,9		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		GTGT, tổng cộng, ... có thể chọn tham số tìm kiếm theo: đơn vị, bộ phận, nhân viên, khách hàng, thời gian, ...				
17	Bán hàng	Báo cáo hạn mức tín dụng khách hàng: chi tiết theo từng khách hàng, số tiền hạn mức, giá trị công nợ đến thời điểm xem báo cáo, hạn mức công nợ còn lại	Cao	0,6		
18	Sản xuất	Bảng theo dõi định mức sản xuất chi tiết định mức NVL của thành phẩm	Trung bình	0,3		
19	Sản xuất	Bảng chi tiết nguồn lực sản xuất chi tiết theo nguồn lực đã khai báo trên hệ thống: mã nguồn lực, tên nguồn lực, phân loại, đơn vị tính, số lượng, chi phí dự kiến, ...	Trung bình	0,3		
20	Sản xuất	Bảng kê tình trạng lệnh sản xuất: liệt kê toàn bộ lệnh sản xuất theo trạng thái (Plan, release, complete, closed, ...)	Trung bình	0,3		
21	Sản xuất	Thống kê xuất nguyên vật liệu sản xuất: chi tiết xuất NVL thực tế cho lệnh sản xuất, số lượng định mức, chênh lệch giữa định mức và thực tế	Trung bình	0,3		
22	Sản xuất	Thống kê thành phẩm sản xuất: chi tiết số lượng thành phẩm nhập thực tế cho lệnh sản xuất, số lượng kế hoạch của lệnh, chênh lệch giữa thực tế và kế hoạch, trạng thái lệnh	Trung bình	0,3		
23	Sản xuất	Thống kê phế phẩm sản xuất	Trung bình	0,3		
24	Sản xuất	Bảng kê chi tiết kiểm tra chất lượng: chi tiết từng phiếu kiểm tra theo phiếu nhập kho thành phẩm cho lệnh sản xuất, chi tiết trạng thái kiểm tra	Trung bình	0,3		
25	Sản xuất	Bảng tính giá thành kế hoạch: Chi tiết ước tính giá thành kế hoạch lệnh sản xuất theo nhóm chi phí: NVL, chi phí nguồn lực sản xuất	Trung bình	0,3		
26	Sản xuất	Báo cáo giá thành thực tế: chi tiết giá thành thực tế theo nhóm chi phí: NVL, chi phí nguồn lực sản xuất	Trung bình	0,3		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
27	Sản xuất	Báo cáo so sánh giá thực tế và kế hoạch: so sánh giá thành thực tế và kế hoạch chi tiết theo từng mã thành phẩm, lệnh sản xuất	Trung bình	0,3		
28	Mua hàng	Bảng kê chi tiết giao dịch mua hàng: liệt kê chi tiết từng giao dịch mua với thông tin cần hiển thị trên báo cáo ít nhất bao gồm: Ngày mua, thông tin nhà cung cấp, thông tin hàng hoá, ... Và tham số chọn: đơn vị, cửa hàng, nhóm hàng, mặt hàng, thời gian, phân loại hoá đơn GTGT (có hoá đơn, không có hoá đơn)	Bắt buộc	0,9		
29	Mua hàng	Báo cáo tổng hợp nhập mua: tổng hợp mua chi tiết theo mặt hàng có thông tin: mặt hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền, ... Và tham số chọn xem báo cáo theo đơn vị, thời gian, nhà cung cấp, nhóm hàng, ...	Cao	0,6		
30	Mua hàng	Bảng kê chi tiết chi phí mua hàng: liệt kê toàn bộ chi phí mua hàng phát sinh theo từng đơn hàng, hợp đồng mua, ...	Cao	0,6		
31	Mua hàng	Bảng kê tình hình thực hiện đơn mua hàng/hợp đồng mua hàng, có các thông tin về số lượng đơn hàng/HĐ, số lượng đã thực hiện, số lượng còn lại, tình trạng đơn hàng, ...	Cao	0,6		
32	Mua hàng	Bảng so sánh báo giá mua hàng theo mặt hàng: chi tiết theo từng mặt hàng và so sánh báo giá các NCC (dựa trên báo giá mua hàng)	Trung bình	0,3		
33	Kho	Báo cáo nhập - xuất - tồn: theo kho, theo nhóm hàng, mặt hàng, và tham số xem báo cáo được lựa chọn theo đơn vị, cửa hàng	Bắt buộc	0,9		
34	Kho	Báo cáo tuổi tồn kho	Trung bình	0,3		
35	Kho	Báo cáo kiểm toán hàng hoá: chi tiết theo từng giao dịch nhập kho, xuất kho ở từng kho hàng	Trung bình	0,3		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
36	Kho	Báo cáo tồn kho theo lô/serial đối với hàng quản lý theo lô/serial	Cao	0,6		
37	Kho	Bảng kê giao dịch mượn hàng: liệt kê chi tiết từng giao dịch mượn hàng có thông tin về người mượn, bộ phận, hạn trả, mặt hàng mượn	Cao	0,6		
38	Kho	Báo cáo hàng giữ hộ khách hàng: chi tiết theo mặt hàng, khách hàng, tình trạng giữ hàng	Cao	0,6		
39	Kho	Bảng kê điều chuyển hàng hoá: chi tiết theo từng giao dịch điều chuyển hàng hoá có thông tin về người yêu cầu, kho chuyển, kho nhận, hàng hoá	Trung bình	0,3		
40	Kho	Bảng tổng hợp xuất trả hàng NCC: liệt kê chi tiết theo từng giao dịch xuất trả, nhà cung cấp, thông tin hàng xuất trả, thông tin đơn hàng mua/hợp đồng mua tham chiếu	Cao	0,6		
41	Kho	Bảng tổng hợp nhập hàng bán trả lại: Liệt kê chi tiết theo từng giao dịch nhập hàng, khách hàng, thông tin hàng, thông tin đơn hàng bán/hợp đồng bán tham chiếu	Cao	0,6		
42	TCKT	Sổ tiền ngân hàng	Cao	0,6		
43	TCKT	Sổ quỹ tiền mặt toàn hàng	Cao	0,6		
44	TCKT	Sổ quỹ tiền mặt tại cửa hàng	Cao	0,6		
45	TCKT	Bảng tổng hợp thực hiện ngân sách (bảng tổng hợp so sánh thực hiện với kế hoạch theo chỉ tiêu kế hoạch): thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: đơn vị, bộ phận, trung tâm chi phí, số kế hoạch, số thực hiện, số còn lại, ...	Cao	0,6		
46	TCKT	Bảng kê dự thu hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ quỹ: liệt kê thông tin về hợp đồng tiền gửi/ chứng chỉ quỹ, ngày gửi, ngày đến hạn, đơn vị, số dư tài khoản, lãi suất dự kiến, kỳ hạn thanh toán, ngày dự thu, số tiền dự thu, ...	Cao	0,6		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
47	TCKT	Bảng kê dự kiến chi cho giấy nhận nợ/khế ước vay: liệt kê thông tin về GNN/khế ước vay, số tiền, lãi suất, kỳ hạn thanh toán, ngày dự chi, số tiền dự chi, ...	Cao	0,6		
48	TCKT	Chi tiết công nợ phải thu	Cao	0,6		
49	TCKT	Tổng hợp công nợ phải thu	Cao	0,6		
50	TCKT	Báo cáo tuổi nợ hóa đơn công nợ phải thu	Cao	0,6		
51	TCKT	Báo cáo hóa đơn công nợ phải thu quá hạn	Cao	0,6		
52	TCKT	Chi tiết công nợ phải trả	Cao	0,6		
53	TCKT	Tổng hợp công nợ phải trả	Cao	0,6		
54	TCKT	Báo cáo tuổi nợ hóa đơn công nợ phải trả	Cao	0,6		
55	TCKT	Báo cáo chi tiết công nợ tạm ứng chi tiết theo từng giao dịch tạm ứng, nhân viên tạm ứng, bộ phận tạm ứng, đơn vị	Cao	0,6		
56	TCKT	Bảng theo dõi tình trạng tạm ứng: liệt kê chi tiết đề nghị tạm ứng theo trạng thái tương ứng (chờ duyệt, đã duyệt, từ chối duyệt, đã chi tạm ứng, đã hoàn ứng,...). Và chọn tham số xem theo đơn vị, bộ phận, người tạm ứng, ...	Cao	0,6		
57	TCKT	Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản	Cao	0,6		
58	TCKT	Báo cáo tổng hợp tài sản	Cao	0,6		
59	TCKT	Bảng theo dõi khấu hao tài sản theo kỳ	Cao	0,6		
60	TCKT	Báo cáo doanh thu theo chiều thông tin quản trị	Cao	0,6		
61	TCKT	Báo cáo chi phí theo chiều thông tin quản trị	Cao	0,6		
62	TCKT	Bảng tổng hợp doanh thu theo khách hàng, nhân viên bán hàng, cửa hàng/bộ phận, đơn vị, mặt hàng, ...	Bắt buộc	0,9		
63	TCKT	Bảng tổng hợp giá vốn chi tiết theo mặt hàng, đơn hàng, ...	Bắt buộc	0,9		
64	TCKT	Chi tiết theo khoản mục phí theo cửa hàng, bộ phận, đơn vị, trung tâm chi phí, ...	Bắt buộc	0,9		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
65	TCKT	Tổng hợp khoản mục phí theo cửa hàng, bộ phận, đơn vị, trung tâm chi phí, ...	Bắt buộc	0,9		
66	TCKT	Sổ nhật ký chung	Cao	0,6		
67	TCKT	Sổ chi tiết tài khoản	Cao	0,6		
68	TCKT	Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào	Cao	0,6		
69	TCKT	Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra	Cao	0,6		
70	TCKT	Bảng kê danh sách hóa đơn chi phí được trừ/không được trừ	Cao	0,6		
71	TCKT	Bảng kê hóa đơn đầu vào phân bổ (tương ứng với chức năng phân bổ thuế), chi tiết theo số hoá đơn, số tiền thuế GTGT, số tiền thuế GTGT phân bổ	Cao	0,6		
72	TCKT	Báo cáo trích lập dự phòng hàng tồn kho: - Tham số chọn: thời gian, loại hàng, mặt hàng, ... - Thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: Thông tin sản phẩm, số lượng, giá vốn, giá thị trường, giá trị trích lập dự phòng, ....	Cao	0,6		
73	TCKT	Bảng cân đối số phát sinh (Cân đối tài khoản kế toán)	Bắt buộc	0,9		
74	TCKT	Bảng cân đối kế toán	Bắt buộc	0,9		
75	TCKT	Báo cáo KQKD	Bắt buộc	0,9		
76	TCKT	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PP trực tiếp)	Bắt buộc	0,9		
77	TCKT	Bảng cân đối số phát sinh (mẫu Ngân hàng Công thương)	Bắt buộc	0,9		
78	TCKT	Bảng cân đối kế toán (mẫu Ngân hàng Công thương)	Bắt buộc	0,9		
79	TCKT	Báo cáo KQKD (mẫu Ngân hàng Công thương)	Bắt buộc	0,9		
80	TCKT	Bảng cân đối phát sinh - Hợp cộng	Cao	0,6		
81	TCKT	Bảng cân đối kế toán tổng hợp - Hợp cộng	Cao	0,6		
82	TCKT	Báo cáo KQKD tổng hợp - Hợp cộng	Cao	0,6		
83	TCKT	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (PP trực tiếp) - Hợp cộng	Cao	0,6		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
83.1	TCKT	Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn	Cao	0,6		
83.2	TCKT	Báo cáo Tổng hợp quyết toán thuế GTGT năm	Cao	0,6		
84	KSNB	Báo cáo chi tiết giao dịch bán Vàng giá trị lớn: - Tham số chọn: thời gian, đơn vị, nhóm khách hàng, giá trị đơn hàng, ... - Thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: thông tin giao dịch (số phiếu, ngày), thông tin khách hàng (mã, tên, địa chỉ, số CCCD, ngày tháng năm sinh, ...), thông tin sản phẩm, số lượng, đơn giá, thành tiền, thông tin đơn vị giao dịch (đơn vị, bộ phận, cửa hàng, nhân viên mua hàng, ...), ....	Cao	0,6		
85	KSNB	Báo cáo chi tiết giao dịch mua Vàng giá trị lớn: - Tham số chọn: thời gian, đơn vị, nhóm NCC, giá trị đơn hàng, - Thông tin trong báo cáo ít nhất bao gồm: thông tin giao dịch (số phiếu, ngày), thông tin NCC (mã, tên, địa chỉ, số CCCD, ngày tháng năm sinh, ...), thông tin sản phẩm, số lượng, đơn giá, thành tiền, thông tin đơn vị giao dịch (đơn vị, bộ phận, cửa hàng, nhân viên bán hàng, ...), ....	Cao	0,6		
86	KSNB	Báo cáo liệt kê tất cả các loại chứng từ đã phát sinh theo từng thời kỳ (ngày, tuần, tháng)	Bắt buộc	0,9		
87	HCM	Báo cáo tuyển dụng: Tổng hợp thông tin các đợt tuyển dụng như vị trí tuyển dụng, thời gian, số lượng...	Trung bình	0,3		
88	HCM	Báo cáo chấm công & thời gian làm việc: Tổng hợp tình hình chấm công của nhân viên theo tháng, thông tin về số ngày công, số lần đi muộn, nghỉ phép...	Bắt buộc	0,9		

STT	Phân hệ	Tên báo cáo	Mức độ cần thiết	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
89	HCM	Báo cáo tiền lương & thu nhập theo cá nhân: báo cáo thông tin về lương tháng của nhân viên, các khoản phụ cấp ngoài lương, các khoản giảm trừ, ...	Bắt buộc	0,9		
90	HCM	Tổng hợp chi phí lương theo bộ phận/phòng ban: tổng hợp chi phí lương cơ cấu theo các bộ phận trong công ty	Bắt buộc	0,9		
91	HCM	Báo cáo bảo hiểm & phúc lợi (Cán bộ, doanh nghiệp): liệt kê chi tiết các khoản Bảo hiểm cán bộ nhân viên và công ty phải đóng hàng tháng	Trung bình	0,3		

### 3.1.5. Bảng tính điểm chi tiết các yêu cầu phi chức năng

*Ghi chú: Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng tại cột “Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu” của từng bảng đánh giá và tự xác định mức điểm tương ứng theo hướng dẫn tại Mục 3.1.3, Chương III. Trường hợp nhà thầu đánh giá mức độ đáp ứng khác với giải thích, Tổ chuyên gia sẽ đánh giá mức độ đáp ứng dựa trên giải thích của nhà thầu*

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
I	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>					
1.1	Triển khai trên diện rộng	Hệ thống hỗ trợ triển khai trên diện rộng: Sử dụng cho VGJ và tất cả các chi nhánh, các cửa hàng trực thuộc trên cùng một nền tảng công nghệ, giải pháp.	Bắt buộc	2		
1.2	Khả năng tùy biến	Đáp ứng trong việc khai báo và quản trị theo mô hình quản trị của Công ty có nhiều chi nhánh, cửa hàng phụ thuộc; Hỗ trợ tốt các	Bắt buộc	2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		<p>ng nghiệp vụ khởi tạo/ tách/ nhập/ khóa ... Đơn vị/ Chi nhánh/ Phòng ban.</p> <p>Cho phép VGJ có thể tự khai báo, cấu hình thêm màn hình nhập liệu, trường thông tin mở rộng, tùy chỉnh Workflow quy trình làm việc hoặc thêm các báo cáo BI mà không cần phải lập trình</p>	Bắt buộc	2		
1.3	Yêu cầu tham số hoá cao	<p>Hệ thống phải tham số hóa các thông tin chung; Hệ thống phải cung cấp các chức năng quản trị hệ thống như tham số hệ thống, lịch làm việc, tỷ giá, lãi suất, bảng mã, báo cáo, v.v... một cách tập trung, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết lập, khai báo tham số toàn hệ thống tập trung;</li> <li>- Cho phép công ty có thể tự tạo và cấu hình triển khai cho chi nhánh, cửa hàng mới mà không phải mua thêm license và thông qua đơn vị triển khai.</li> <li>- Thiết lập và khai báo tham số hóa quy trình nghiệp vụ: Có thể tùy biến và tự thực hiện khai báo mềm dẻo theo yêu cầu;</li> </ul>	Bắt buộc	2		
1.4	Lưu nhật ký thao tác người dùng	<p>Lưu nhật ký (logs) toàn bộ các thao tác của người sử dụng. Bao gồm các sự kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Login, logout</li> <li>- Đọc, ghi, sửa, xóa dữ liệu, ghi nhật ký, duyệt, hủy giao dịch...</li> <li>- Các thao tác quản trị hệ thống (quản lý người dùng, xem thông tin người dùng, phân quyền truy nhập, v.v...)</li> <li>- Nhật ký phải rõ ràng, thuận tiện cho công tác tra cứu: Theo tài khoản, lịch sử thay đổi, thời gian thay đổi, Thông tin trường dữ liệu thay đổi, các bước thao tác</li> </ul>	Bắt buộc	2		
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT</b>					
2.1	<b>Kiến trúc hệ thống tổng thể</b>					

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
2.1.1	Kiến trúc giải pháp	Hệ thống được thiết kế và xây dựng dưới dạng module để hỗ trợ điều chỉnh dễ dàng quy trình, nghiệp vụ, và mẫu biểu; mở rộng các module khi có yêu cầu nâng cấp của VGJ. Dễ dàng triển khai riêng lẻ từng module.	Cao	1,2		
2.1.2	Mở rộng tính năng và tích hợp	Hệ thống hỗ trợ mở rộng thêm tính năng và khả năng tích hợp với các phần mềm/ hệ thống khác ở hiện tại và tương lai: - Hiện tại: Misa E-Invoice, website, ứng dụng digiGOLD trên app iPay, hệ thống QR code, GHTK - Tương lai: Nền tảng e-commerce (shopee, lazada, tiktok shop...), công thanh toán, AI (chatGPT, gemini...)	Bắt buộc	2		
2.1.3	Mở rộng hiệu năng hệ thống	Hệ thống hỗ trợ khả năng mở rộng hạ tầng khi lượng người dùng và dữ liệu hệ thống tăng lên theo thời gian (scale-up) một cách nhanh chóng, kịp thời.	Trung bình	0,9		
2.1.4	Độc lập nền tảng	Kiến trúc phải độc lập nền tảng hạ tầng, hỗ trợ đa nền hạ tầng Windows, Solaris, Linux, AIX với khả năng chạy trên nhiều app/web servers.	Cao	1,2		
2.1.5	Yêu cầu về tính di động (Mobility)	Hệ thống phải cho phép người dùng sử dụng ứng dụng di động (mobile app) của ERP để xem báo cáo, tạo yêu cầu và phê duyệt công việc trên các thiết bị di động thông minh (tính năng mobility) như điện thoại thông minh, máy tính bảng.	Bắt buộc	2		
2.1.6	Yêu cầu về cơ sở dữ liệu	Dữ liệu của cả hệ thống được quản lý tập trung; Cho phép sao lưu tự động dữ liệu theo ngày/ hoặc sao lưu tại thời điểm bất kỳ/hoặc sao lưu đầy đủ/ hoặc sao lưu các thay đổi của CSDL.	Bắt buộc	2		
2.1.7	Đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu	Dữ liệu và thông tin phải đảm bảo không bị thay đổi, mất mát trong quá trình truyền tải và tổ chức lưu trữ. Có khả năng khôi phục dữ liệu lịch sử tại các lần sao lưu	Bắt buộc	2		
2.1.8	Đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống	Khả năng sẵn sàng cao (High Availability, Fail-over): Kiến trúc giải pháp phải thiết kế để đảm bảo:	Cao	1,2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		- Mức độ sẵn sàng của hệ thống là : 98% (Tổng thời gian downtime không quá 2% trong vòng 1 năm) - Hoạt động liên tục: 24/7				
2.1.9	Dự phòng thảm họa (DR Site)	Giải pháp cần cung cấp mô hình và phương án triển khai cho môi trường dự phòng thảm họa (DR Site). Hệ thống phải hỗ trợ “mục tiêu thời gian phục hồi” (Recovery Time Objective) 4 tiếng và thời gian mất dữ liệu cho phép tối đa là 15 phút.	Cao	1,2		
		Yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết liên quan đến môi trường dự phòng trong phần trả lời, bao gồm: Công nghệ mà giải pháp cung cấp, đồng bộ dữ liệu với môi trường chính (DC).	Trung bình	0,9		
2.1.10	Đảm bảo tuân thủ nghị định Số: 53/2022/NĐ-CP	Yêu cầu giải pháp phải đáp ứng tuân thủ nghị định Số: 53/2022/NĐ-CP về an ninh mạng	Bắt buộc	2		
2.1.11	Quản trị về dữ liệu	Giải pháp của nhà thầu đưa ra phải cho phép VGJ có toàn quyền quản trị bao gồm và không giới hạn việc thêm, sửa, xóa dữ liệu trên cơ sở dữ liệu mà VGJ quản lý	Bắt buộc	2		
<b>2.2</b>	<b>Bảo mật</b>					
2.2.1	Xác thực người dùng	Hệ thống hỗ trợ phương thức xác thực người dùng hai lớp và SSO	Bắt buộc	2		
		Hỗ trợ cài đặt thông số cho việc khóa tài khoản truy cập dựa trên các quy tắc do quản trị hệ thống quy định (Ví dụ: xác thực không thành công 3 lần liên tiếp ...)	Cao	1,2		
2.2.2	Quản lý bảo mật	Dữ liệu nhạy cảm lưu trữ trong database cần được mã hóa (Ví dụ: Mật khẩu, số liệu tài chính, thông tin khách hàng ...)	Bắt buộc	2		
		Hệ thống hỗ trợ khả năng mã hóa các phiên trao đổi thông tin giữa người dùng và hệ thống.	Cao	1,2		
		Các tham số cấu hình quan trọng của hệ thống: mật khẩu truy cập CSDL, truy cập máy chủ lưu trữ trong file cấu hình phải được mã hóa.	Bắt buộc	2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		Hệ thống hỗ trợ khả năng kiểm soát truy cập đến mức tính năng, cho phép điều khiển truy cập (thêm, sửa, xóa, đọc) linh hoạt, dễ dàng.	Cao	1,2		
		Yêu cầu về Quản lý Session: Yêu cầu tại 1 thời điểm chỉ cho phép 1 user được login trên 1 thiết bị.	Trung bình	0,9		
2.2.3	Thiết lập mật khẩu	Hệ thống cho phép đặt ra chính sách mật khẩu như ký tự tạo thành, thời gian hết hạn, ... cho mật khẩu người dùng	Cao	1,2		
		Hệ thống phải mã hóa mật khẩu theo cơ chế 1 chiều	Cao	1,2		
		Hệ thống phải hỗ trợ khởi tạo lại (reset) mật khẩu	Cao	1,2		
		Hệ thống phải hỗ trợ mật khẩu truy cập ở nhiều cấp	Cao	1,2		
<b>2.3</b>	<b>Hiệu năng đáp ứng</b>					
2.3.1	Sử dụng mọi lúc, mọi nơi	Khả năng đáp ứng tức thời khi sử dụng ở trụ sở chính và các chi nhánh, cửa hàng của VGJ	Bắt buộc	2		
2.3.2	Truy cập đồng thời	Cho phép nhiều người sử dụng đồng thời: Đảm bảo cho phép tối thiểu 100 users kết nối cùng lúc.	Bắt buộc	2		
<b>2.4</b>	<b>Quản lý người dùng</b>					
2.4.1	Chứng thực/ quản lý tài khoản người dùng	Hệ thống hỗ trợ khả năng định danh và phân vai trò dựa trên tài khoản người dùng.	Bắt buộc	2		
2.4.2	Quyền truy cập	Hệ thống cho phép tùy biến quyền truy cập dựa trên vai trò người dùng hoặc nhóm người dùng.	Cao	1,2		
2.4.3	Phân quyền tính năng	Hệ thống có hồ sơ giao diện người dùng cho mỗi nhóm người dùng / vai trò và từng người sử dụng	Cao	1,2		
		Hệ thống có khả năng cấu hình quyền truy cập đến từng trường hiển thị dữ liệu, từng phím điều khiển trong từng cửa sổ đối với mỗi vai trò / nhóm người dùng và từng người sử dụng	Bắt buộc	2		
		Cho phép cấu hình thời gian được phép truy cập hệ thống của từng nhóm người sử dụng, từng vai trò, và từng người sử dụng	Trung bình	0,9		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		Hệ thống có tính năng cho phép người dùng thiết lập cơ chế “1 tay” (không cần duyệt) hoặc “2 tay” (qua 2 bước nhập/duyet) cho từng nghiệp vụ riêng biệt	Bắt buộc	2		
<b>2.5</b>	<b>Giao diện người dùng/Tính khả dụng</b>					
2.5.1	Giao diện	Hệ thống hỗ trợ các chỉ dẫn và gợi ý để giúp dễ dàng sử dụng hệ thống. (Có tips hướng dẫn cho chức năng trên giao diện)	Trung bình	0,9		
		Các màn hình giao dịch, danh mục phải có hỗ trợ các công cụ truy vấn dữ liệu theo các điều kiện lọc dễ dàng cho người sử dụng.	Cao	1,2		
		Cho phép mở nhiều màn hình tác vụ đồng thời;	Cao	1,2		
2.5.6	Chức năng in	Cho phép người dùng in các biểu mẫu, báo cáo của hệ thống. Tương thích với các loại máy in (laser, in phun, in kim), máy fax, máy scan	Bắt buộc	2		
2.5.7	Hỗ trợ ngôn ngữ	Có hỗ trợ ngôn ngữ Tiếng Việt (Có dấu) tại các màn hình và báo cáo...	Bắt buộc	2		
2.5.8	Yêu cầu về giao diện hiển thị	Hệ thống tương thích và tự động điều chỉnh phù hợp với nhiều loại thiết bị: máy tính bảng, điện thoại thông minh (iOS, Android, ...), máy tính (PC, Laptop), ... với kích thước và độ phân giải khác nhau.	Bắt buộc	2		
2.5.9	Yêu cầu về tính tương thích	Hệ thống phát triển trên nền tảng Web phải đảm bảo chạy được trên mọi loại trình duyệt hiện tại: Firefox, Chrome, Safari, Opera,... với các phiên bản hằng vẫn còn hỗ trợ.	Cao	1,2		
<b>2.6</b>	<b>Tích hợp</b>					
2.6.1	Tích hợp hệ thống	Hệ thống cung cấp khả năng giao tiếp và tích hợp bằng các giao thức phổ biến như API để kết nối với các hệ thống/ phần mềm của VGJ. Các phần mềm/hệ thống bắt buộc phải tích hợp gồm: - Tích hợp toàn diện với hệ thống giao hàng (Giao hàng tiết kiệm hoặc đơn vị khác theo VGJ yêu cầu) - Tích hợp toàn diện với website bán hàng – vietinbankgold.vn về các thông tin liên quan đến sản phẩm, kho, khách hàng, giao dịch...	Bắt buộc	2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích hợp để xuất được hóa đơn điện tử đầu ra và đầu vào với hệ thống sẵn có của VGJ (Misa Meinvoice hoặc đơn vị khác theo VGJ yêu cầu)</li> <li>- Tích hợp với ít nhất một công thanh toán do VGJ yêu cầu</li> <li>- Tích hợp với 1 hoặc nhiều ngân hàng do VGJ chỉ định cho các hoạt động liên quan đến thanh toán</li> </ul>				
		Nhà cung cấp phải thiết kế kiến trúc cho công tích hợp (kiến trúc API) để đáp ứng việc mở rộng kết nối với đa dạng các đối tượng, ví dụ như: phần mềm nội bộ, các sàn thương mại điện tử (tiktok shop, lazada, shopee...), phần mềm dạng SaaS, ứng dụng mobile... Yêu cầu diễn giải chi tiết về cách thức triển khai	Bắt buộc	2		
		Kiến trúc hỗ trợ cơ chế bảo mật chuyển đổi và truyền tải dữ liệu tích hợp (ví dụ: mã hóa).	Cao	1,2		
		Hệ thống hỗ trợ khả năng giao tiếp với các hệ thống email /SMS của VGJ để gửi các email/SMS nghiệp vụ, hoặc thông báo đến các hệ thống khác của VGJ.	Cao	1,2		
		Hệ thống hỗ trợ khả năng để import và xử lý các giao dịch chuẩn từ hệ thống khác.	Cao	1,2		
		Cung cấp công cụ ETL dữ liệu dành cho mục đích chuyển đổi dữ liệu, di chuyển dữ liệu giữa các máy chủ hoặc phân vùng dữ liệu khác nhau	Bắt buộc	2		
<b>2.7</b>	<b>Dữ liệu và Báo cáo</b>					
2.7.1	Cơ sở dữ liệu	Sử dụng nền tảng CSDL tiêu chuẩn, phổ biến dễ dàng trong việc quản trị và làm chủ (Oracle/ MS SQL Server ...). Có cơ chế định nghĩa một số dữ liệu quan trọng được mã hóa trước khi lưu trữ trên CSDL	Bắt buộc	2		
		Cơ sở dữ liệu phải được thiết kế tối ưu để đảm bảo hiệu năng tốt nhất cho việc lưu và truy vấn lượng dữ liệu lớn.	Cao	1,2		
		Khả năng lưu dữ liệu tiếng việt trong CSDL	Bắt buộc	2		
		Hệ thống hỗ trợ khả năng import dữ liệu từ nhiều định dạng khác nhau (ví dụ: text, excel, csv, xml), hoặc từ các nguồn CSDL khác nhau.	Bắt buộc	2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
2.7.2	Báo cáo	Hệ thống hỗ trợ tạo ra các báo cáo về hiệu năng, rủi ro, theo cấu trúc, định dạng nghiệp vụ đã yêu cầu.	Cao	1,2		
		Hệ thống có công cụ thiết kế để tạo ra các báo cáo theo yêu cầu đặc trưng của nghiệp vụ yêu cầu.	Cao	1,2		
		Hệ thống có khả năng cung cấp dữ liệu báo cáo cho các yêu cầu nghiệp vụ khác nhau.	Cao	1,2		
		Hệ thống hỗ trợ trích xuất và tải về các báo cáo theo các định dạng: csv, pdf, và MS Excel.	Bắt buộc	2		
		Hệ thống cung cấp các báo cáo BI và sẵn sàng mở rộng trong tương lai	Cao	1,2		
2.7.3	Hợp nhất báo cáo	Hợp nhất báo cáo từ nhiều cấp công ty khác nhau	Bắt buộc	2		
		Hợp nhất báo cáo bằng nhiều phương pháp:full, proportional, equity accounting, minority interest,...	Bắt buộc	2		
<b>2.8</b>	<b>Phát hiện và Xử lý lỗi</b>					
2.8.1	Thông tin lỗi	Hệ thống phải hỗ trợ khả năng để hiển thị thông tin, chi tiết lỗi, và giải pháp có thể để khắc phục lỗi.	Cao	1,2		
		Thông tin chi tiết lỗi phải được ghi vào file hoặc CSDL để giúp bộ phận IT có thể định danh vấn đề và có hướng giải quyết nếu cần thiết.	Trung bình	0,9		
2.8.2	Hỗ trợ	Cung cấp các kênh hỗ trợ trực tiếp/ gián tiếp khi xử lý sự cố; có cam kết SLAs;	Cao	1,2		
<b>III</b>	<b>YÊU CẦU KHẢ NĂNG ỨNG DỤNG AI (ARTIFICIAL INTELLIGENCE)</b>					
3.1	Khả năng tích hợp với các giải pháp AI	Nhà cung cấp phải chứng minh giải pháp ERP có thể tích hợp với hệ thống AI để: - Gửi dữ liệu kế toán, doanh thu, chi phí, công nợ, dòng tiền sang hệ	Cao	1,2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
	có sẵn hoặc tự phát triển	thông AI; - Cho phép người dùng hỏi đáp bằng ngôn ngữ tự nhiên và nhận kết quả dưới dạng giọng nói hoặc văn bản;				
3.2	Chatbot, trợ lý ảo	Hệ thống có chức năng chatbot hoặc trợ lý ảo tích hợp sẵn, có thể truy cập trực tiếp vào dữ liệu hoặc tài liệu ERP, hỗ trợ người dùng trong quá trình thao tác, cảnh báo lỗi và hướng dẫn sửa lỗi. Nếu không có sẵn thì nhà cung cấp phải chứng minh về việc có thể tích hợp trong tương lai	Cao	1,2		
3.3	Bảo mật dữ liệu và ATTT	Nhà cung cấp đưa ra kiến trúc hoặc giải pháp để việc ứng dụng AI kết nối với hệ thống ERP phải đảm bảo ATTT và bảo mật dữ liệu nhạy cảm của VGJ. Chỉ cho phép AI giao tiếp với dữ liệu được phép tiếp cận	Cao	1,2		
3.4	Trương thích với giải pháp AI nổi bật	Nhà cung cấp chứng minh rằng hệ thống hoàn toàn có cơ sở để đấu nối với 1 giải pháp AI trên thế giới như: ChatGPT, Gemini...	Bắt buộc	2		
<b>IV</b>	<b>YÊU CẦU VỀ QUẢN TRỊ</b>					
<b>4.1</b>	<b>Yêu cầu quản trị hệ thống</b>					
4.1.1	Giám sát hoạt động	Hệ thống hỗ trợ các công cụ giám sát hoạt động, dịch vụ, và cảnh báo VGJ kịp thời khi xảy ra các tình trạng quá tải hệ thống hoặc sự cố lỗi, cũng như khả năng phân tích để tìm căn nguyên gây lỗi. Công cụ giám sát cần cung cấp các tính năng, bao gồm nhưng không giới hạn: - Khả năng cảnh báo khi có sự cố. - Khả năng truy vết các giao dịch và kiểm tra tính hợp lệ. - Giám sát giao dịch để phát hiện nút thắt cổ chai trong mỗi giao dịch.	Cao	1,2		
4.1.2	Phân cấp quản trị	Hệ thống cung cấp các công cụ quản trị ở các cấp độ hệ thống khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng người dùng khác nhau (nhân viên vận hành, quản trị viên, nhà phát triển), cải tiến hệ thống	Cao	1,2		

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm tối đa	Điểm nhà thầu chấm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		nhằm duy trì hệ thống hoạt động ổn định theo đúng tiêu chuẩn của nhà cung cấp bản quyền phần mềm.				
4.1.3	Phân tích lỗi tích hợp	Quản lý, giám sát, phân tích lỗi, fix lỗi liên quan đến tích hợp 2 chiều giữa ERP và các hệ thống phần mềm khác của VGJ	Cao	1,2		
4.1.4	Môi trường phát triển	Yêu cầu 2 hệ thống độc lập: DEV, Production. Tất cả các thay đổi về code, cấu hình cần phải được thực hiện ở môi trường DEV trước và có tool để chuyển đổi tuần tự lên môi trường Production	Bắt buộc	2		

### 3.1.6. Bảng tính điểm yêu cầu về chuyển giao công nghệ và hạ tầng phần cứng, máy chủ

*Ghi chú: Nhà thầu giải thích lý do lựa chọn mức độ đáp ứng yêu cầu chi tiết, rõ ràng tại cột “Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu” của từng bảng đánh giá.*

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
<b>I</b>	<b>YÊU CẦU VỀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ</b>				
<b>1.1</b>	<b>Tài liệu và Hướng dẫn</b>				
1.1.1	Tài liệu cài đặt, setup hệ thống (Đều cần gửi mẫu đã thực hiện cho dự án tương tự)	Cung cấp tài liệu cần chi tiết hóa các quy trình nghiệp vụ (ví dụ: tạo đơn hàng, quản lý kho, hạch toán kế toán) trên hệ thống ERP. Tài liệu nên bao gồm cả bản cứng và bản mềm, có hình ảnh minh họa.	Bắt buộc	1,9	
		Với tài liệu kỹ thuật: Cần thực hiện đầy đủ các tài liệu về cấu trúc hệ thống, luồng dữ liệu (Data Flow), và chi tiết các API. Phải cung cấp tài liệu giúp đội ngũ VGJ có thể tự setup môi trường mới cho hệ thống khi cần	Bắt buộc	1,9	

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		Tài liệu quản trị hệ thống: Cần có hướng dẫn cách cài đặt, cấu hình, sao lưu/phục hồi dữ liệu, và quản lý người dùng.	Bắt buộc	1,9	
		Tài liệu mô tả sơ đồ cơ sở dữ liệu (Database Schema), chi tiết các đối tượng (proc, function, variables, tables...) trong CSDL và ý nghĩa đi kèm (ngoại trừ các đối tượng mặc định của CSDL)	Cao	1,5	
1.1.2	Mã nguồn	Cần có đầy đủ mã nguồn (source code) của các module đã được tùy chỉnh hoặc phát triển mới, cùng với tài liệu mô tả chi tiết cách thức mã nguồn hoạt động.	Bắt buộc	1,9	
		Bản giao đầy đủ mã nguồn của hệ thống	Cao	1,5	
<b>1.2</b>	<b>Trợ giúp và hỗ trợ</b>				
1.2.1	Chuyển giao công nghệ	Nhà cung cấp đảm bảo chuyển giao công nghệ bao gồm việc chuyển giao cho bộ phận nghiệp vụ và bộ phận IT. Cụ thể: - Đào tạo giới thiệu hệ thống và các chức năng chính, hướng dẫn sử dụng hệ thống từ góc độ người dùng. - Tính năng trợ giúp trực tuyến để giúp người dùng có thể tìm kiếm các thông tin về việc sử dụng/ khắc phục sự cố hệ thống.	Bắt buộc	1,9	
		Nhà cung cấp phải cung cấp toàn bộ các tài khoản quản trị, mã key phần mềm (nếu có), chuyển giao phương thức bảo mật truy cập...Đảm bảo VGJ có thể toàn quyền sử dụng và quản trị mức cao nhất.	Bắt buộc	1,9	
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU VỀ PHẦN CỨNG, MÁY CHỦ</b>				
2.1	Đề xuất cấu hình	Nhà cung cấp giải pháp thực hiện thiết kế cấu hình (sizing) máy chủ, thiết bị cho hệ thống ERP, những công cụ và thông tin cần thiết để thực hiện. Cấu hình đề xuất phải được chứng minh là ngang bằng hoặc tối ưu hơn cấu hình do VGJ đưa ra ở 1.2.6, Chương V, E-HSMT.	Bắt buộc	1,9	
2.2	Thiết lập mạng và ATTT	Nhà cung cấp đưa ra đề xuất về thiết kế tối ưu cho việc thiết lập hạ tầng mạng và các thiết bị an toàn bảo mật hệ thống có liên quan	Bắt buộc	1,9	

STT	Yêu cầu	Mô tả	Đáp ứng	Điểm	Giải thích mức độ đáp ứng của nhà thầu
		sao cho tương thích giữa hiệu năng, công suất hệ thống và chi phí thực hiện, độ phức tạp khi vận hành và quản trị			
2.3	Chuẩn bị hạ tầng để triển khai	Nhà cung cấp triển khai phần mềm ERP phải cam kết cung cấp đầy đủ hạ tầng cho việc triển khai bao gồm: Máy chủ, cung cấp bộ cài và cài đặt các phần mềm cần thiết cho việc triển khai trên các máy chủ phát triển của VGJ cho dự án ERP. Nếu được yêu cầu thì nhà cung cấp cũng phải thực hiện các công việc tương tự cho các máy chủ Production trong phạm vi dự án.	Bắt buộc	1,9	